

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

*(Ban hành theo quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

NGHỆ AN - 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN NHẬP MÔN NHÓM NGÀNH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Bùi Minh Thuận

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0912.431.343; thanhbm@vinhuni.edu.vn,

Các hướng nghiên cứu chính: Dân tộc học/ Nhân học/ Quản lý văn hóa/ Du lịch học

Giảng viên 2: TS. Võ Thị Hoài Thương

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0989 853953; hoaithuongvinhuni@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Văn hoá ẩm thực Việt Nam/ Văn hoá học/ Quản lý văn hoá Việt Nam/ Du lịch học

Giảng viên 3: ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Địa chỉ liên hệ: Khoa CTH&BC, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0977999097; quynhngadhv@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Báo chí và Truyền thông

Giảng viên 4: ThS. Lê Thị Hải Lý

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0973861568; huongly191@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Du lịch học

Giảng viên 5: ThS. Phùng Văn Nam

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Vinh, số 182, đường Lê Duẩn, TP.Vinh

Điện thoại, email: 0941250777, phungvannam@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, an sinh xã hội

Giảng viên 6: ThS. Phạm Thị Oanh

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Vinh, số 182, đường Lê Duẩn, TP.Vinh

Điện thoại, email: 0986529426 oanhpt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, an sinh xã hội

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): NHẬP MÔN NGÀNH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN (tiếng Anh): Introduction to Social Sciences and Humanities	
- Mã số học phần: SSH20001	
- Thuộc CTĐT ngành: Báo chí/Du lịch/CTXH/QLVH	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Học phần dạy học theo hình thức dự án/đề án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: + Số tiết lý thuyết: 15 + Số tiết thực hiện đề án, dự án: 30 + Số tiết tự học: 90	

- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Không + Học phần học trước: Không		Mã số HP: Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm dự án học phần qua LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành, trải nghiệm ở trường phổ thông		
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại:		Email:

2. Mô tả học phần

Học phần *Nhập môn nhóm ngành Khoa học xã hội và nhân văn* là học phần học đầu tiên trong khối kiến thức khoa học xã hội và nhân văn của Chương trình đào tạo cử nhân Báo chí, Du lịch, Công tác xã hội và Quản lý văn hóa. Học phần giúp người học nhận diện tổng quan về nghề nghiệp và ngành học. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự và làm chủ quá trình học tập của bản thân.

3. Mục tiêu học phần

Học phần *Nhập môn nhóm ngành Khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV)* là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho người học hiểu biết cơ bản về bối cảnh các ngành KHXH&NV trên các phương diện: khái niệm, chức năng nhiệm vụ; quá trình hình thành và phát triển; nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và phương pháp tiếp cận trong học tập và nghiên cứu các ngành khoa học xã hội và nhân văn.

Đồng thời, học phần cũng cung cấp những kiến thức và kỹ năng nhập môn ban đầu cho một số ngành KHXH&NV như: Báo chí, Công tác xã hội, Du lịch, Quản lý văn hóa. Qua đó, người học thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và vận hành dự án học phần. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp trong tương lai.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)								
	PLO1.1	PLO1.2	PLO2.1	PLO2.2	PLO3.1	PLO3.2	PLO4.2		
	1.1.2	1.2.1	2.1.2	2.2.3	3.1.1	3.2.1	4.2.1	4.2.2	4.2.3
CLO1.1	✓								
CLO1.2		✓							
CLO2.1			✓						
CLO2.2				✓					
CLO3.1					✓				
CLO3.2						✓			
CLO4.1							✓		
CLO4.2								✓	
CLO4.3									✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
--------------------	-------------------	--------------------	---------------------	----------------------

CLO1.1	K2	Trình bày kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn trong bối cảnh nghề nghiệp và xã hội trên các phương diện: khái niệm, chức năng nhiệm vụ, vai trò; đối tượng nghiên cứu và hành nghề...	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K2	Trình bày kiến thức lý luận chuyên ngành cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp...	Thuyết giảng Thảo luận & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO2.1	A2	Thể hiện tinh thần và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp...	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S2	Vận dụng kỹ năng công nghệ thông tin trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học phần...	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Tổ chức và hoạt động nhóm hiệu quả để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ mà học phần đề ra.	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.2	S2	Thể hiện kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động nhóm và thuyết trình sản phẩm dự án học phần ngành...	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.1	C2	Hình thành ý tưởng cho sản phẩm đồ án gắn liền với hoạt động thực tiễn của nghề nghiệp...	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.2	C2	Thiết kế sản phẩm đồ án gắn liền với hoạt động thực tiễn của nghề nghiệp...	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.3	C2	Thực hiện sản phẩm đồ án gắn liền với hoạt động thực tiễn của nghề nghiệp...	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	CDR học phần	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ (%)	CDR Chương trình
A1. Đánh giá thường xuyên				50%	
A1.1	CLO2.2	Sự chuyên cần, thái độ học tập: Điểm danh trên LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Phiếu đánh giá (Rubrics)	10%	PLO2.2.2
A1.2	- CLO1.1 - CLO1.2	Câu hỏi TNKQ: TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.	Đáp án	20%	PLO1.2.2
A1.3	- CLO2.1 - CLO4.1 - CLO4.2 - CLO4.3	Sản phẩm đồ án học phần	Phiếu đánh giá (Rubrics)	20%	PLO2.1.1 PLO4.1.2 PLO4.2.1 PLO4.2.2
A2. Đánh giá cuối kỳ				50%	
A2.1	CLO3.1	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá (Rubrics)	10%	PLO3.1.2
A2.2	CLO3.2	Giao tiếp trong hoạt động	Phiếu đánh giá	10%	PLO3.2.1

		nhóm và thuyết trình sản phẩm dự án học phần	(Rubrics)		
A2.3	- CLO2.1 - CLO4.1 - CLO4.2 - CLO4.3	Sản phẩm đồ án học phần	Phiếu đánh giá (Rubrics)	30%	PLO4.2.1 PLO4.2.2 PLO4.2.3
Công thức tính điểm tổng kết: $A1.1*0,1+A1.2*0,2+A1.3*0,2+A2.1*0,1+A2.2*0,1+A2.3*0,3$					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên

Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	5.0 – 4.0	3.0	2.0	1.0
Mức độ tham dự học theo TKB (5 điểm)	Tham gia 100% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông.	Tham gia trên 80% các buổi học, 100% các buổi trải nghiệm ở trường phổ thông.	Tham gia 80% các buổi học, 100% các buổi trải nghiệm ở trường phổ thông.	Tham gia dưới 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông.
Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm (5 điểm)	- Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, hoạt động trải nghiệm. - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập.	- Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm. - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.	- Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm. - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.	- Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm. - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

Bảng 2. Rubric câu hỏi TNKQ theo phân theo mức độ (A1.2)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ biết	Mức độ hiểu	Mức độ vận dụng
1.1	Khái niệm, thuật ngữ	12	12	-	-
1.2	Đặc điểm của khoa học xã hội và nhân văn	15	-	13	2
1.3	Vai trò, chức năng của các ngành KHXH&NV	24	-	19	5
2.1	Khoa học xã hội và nhân văn trên thế giới	29	18	11	-
2.2	Khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam	16	4	9	3
2.3	Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực KHXH&NV	4	3	-	1
Tổng		100	37	52	11
Tỉ lệ (%)		100	37%	52%	11%

Bảng 3. Rubric đánh giá lập kế hoạch trải nghiệm (A1.3)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0

Cấu trúc và hình thức của Kế hoạch (2 điểm)	- Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học. - Hình thức đẹp, đúng quy định.	- Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học - Hình thức đẹp, đúng quy định.	- Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học. - Hình thức đúng quy định.	- Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học. - Hình thức chưa đúng quy định.
	6.0 – 5.0	4.5 – 3.5	3.0 - 2.0	1.5 - 0
Nội dung của Kế hoạch (6 điểm)	- Xác định được mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung cụ thể, rõ ràng; lập được đầy đủ, chi tiết các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm. - Phân công nhiệm vụ cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm cụ thể. - Đưa ra được một số ý tưởng mới; Dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn đề có thể phát sinh.	- Xác định được mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung khá cụ thể, khá rõ ràng; lập được các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm nhưng chưa thật sự đầy đủ và chi tiết. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa thực sự cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng chưa cụ thể. - Đưa ra được một ý tưởng mới; dự kiến được một ít nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn đề có thể phát sinh.	- Mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung có đề cập nhưng chưa thật sự cụ thể và rõ ràng; lập được một số hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm nhưng chưa đầy đủ và chi tiết. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng khá sơ sài. - Đưa ra được ý tưởng mới nhưng chưa phù hợp với nội dung trải nghiệm; chưa dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn đề có thể phát sinh.	- Mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung có đề cập nhưng rất ít và không cụ thể, rõ ràng; lập được rất ít các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm và kế hoạch quá sơ sài. - Dường như không phân công nhiệm vụ, không có nội quy và đánh giá nhóm. - Không dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn đề có thể phát sinh.
	2,0	1,5	1,0	0,5
Slide báo cáo và thuyết trình (2 điểm)	- Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả. - Kỹ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe.	- Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả. - Kỹ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe.	- Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả. - Kỹ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe.	- Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả. - Kỹ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ

Bảng 4. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá)A.2.1a

Các tiêu chí	Mức độ & Thang điểm			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0

1. Nhận nhiệm vụ (2 điểm)	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Dường như từ chối nhận nhiệm vụ.
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm (2 điểm)	- Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	- Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	- Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	- Đường như không tham gia hay bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Đường như không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.
3. Tôn trọng ý kiến tập thể (2 điểm)	Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng phải biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng.	Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng.	Đôi khi chưa tôn trọng ý kiến của tập thể, chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng.	Dường như không tôn trọng ý kiến của tập thể, mà chỉ bày tỏ quan điểm và bảo vệ những lí do không chính đáng.
4. Kết quả làm việc (2 điểm)	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm hầu như không đạt tiêu chuẩn.
5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung (2 điểm)	Thể hiện trách nhiệm cao về sản phẩm chung.	Thể hiện trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Dường như không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm chung.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

Bảng 5. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá) A2.1b

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5
1. Kế hoạch nhóm (2 điểm)	- Kế hoạch rõ ràng, khoa học. - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm.	- Kế hoạch rõ ràng, khoa học. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm.	- Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm.	- Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm.
	3.0 – 2.5	2.0	1.5 – 1.0	0.5 - 0
2. Tổ chức thực hiện (3 điểm)	- Triển khai đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được nhiều thông tin	- Triển khai đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được khá nhiều thông tin	- Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được một số thông tin (minh	- Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được ít thông tin (minh

	(minh chứng) và thông tin hữu ích. - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực.	(minh chứng) và thông tin khá hữu ích. - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực.	chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực.	chứng) và thông tin chưa hữu ích - Nhiều thành viên không tham gia
	5.0 – 4.0	3.0 -2.5	2.0 – 1.0	1.0 - 0
3. Kết quả làm việc nhóm (5 điểm)	- Cấu trúc sản phẩm hợp lý và hình thức trình bày đẹp, sinh động. - Sản phẩm đạt chất lượng tốt. - Hoàn thành đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm. - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm.	- Cấu trúc sản phẩm khá hợp lý và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động. - Sản phẩm đạt chất lượng khá. - Hoàn thành đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm.	- Cấu trúc sản phẩm khá hợp lý nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động. - Sản phẩm đạt yêu cầu. - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm.	- Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lý, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động. - Sản phẩm không đạt yêu cầu. - Hoàn thành không đúng thời hạn. - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhóm - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm.
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (<i>bằng chữ:</i>)				

Bảng 6. Cách tính điểm đánh giá hoạt động nhóm cho từng SV

TT	Họ và tên	Điểm cá nhân do nhóm chấm (bảng 3)	Điểm nhóm do GV chấm (bảng 4)	Tổng điểm
1	Nguyễn Văn A	N	M	(N+M)/2
2	Lê Thị B			
3	Trần Văn C			

Bảng 7. Thang đo đánh giá kỹ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm (Dành cho SV đánh giá) (A2.2a)

Nội dung quan sát	Điểm tối đa (điểm)	Điểm nhóm chấm
1. Kỹ năng giao tiếp, tương tác SV với SV	5.0	
1.1. Biết lắng nghe và đưa ra lời phản hồi 1 cách phù hợp	1.0	
1.2. Biết lắng nghe và biết thừa nhận ý kiến của người khác	1.0	
1.3. Biết trình bày ý kiến một cách rõ ràng	1.0	
1.4. Biết phản hồi và phúc đáp một cách lịch sự	1.0	
1.5. Biết thuyết phục người khác và đáp lại sự thuyết phục	1.0	
2. Kỹ năng tạo môi trường hợp tác	2.0	
3. Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn	2.0	
4. Kỹ năng xây dựng niềm tin	1.0	

Tổng điểm	10.0	
------------------	-------------	--

Bảng 8. Rubric đánh giá kĩ năng thuyết trình và slide trình chiếu (Dành cho GV đánh giá) (A2.2b)

Tiêu chí	Mức độ & Thang điểm			
	2.0	1.5	1.0	0.5 – 0
1. Nội dung trình bày (2 điểm)	Bố cục lô gíc, đầy đủ; thông tin chính xác, khoa học, đúng trọng tâm; có thông tin mới, cập nhật.	Bố cục khá lô gíc, đầy đủ; thông tin chưa thực sự chính xác, chưa khoa học; có thông tin mới, cập nhật.	Bố cục chưa lô gíc, chưa đầy đủ; có một số nội dung chưa đúng trọng tâm; có thông tin mới nhưng không nhiều và chưa cập nhật.	Bố cục thiếu từ 2 phần trở lên; thông tin không chính xác; nhiều nội dung không đúng trọng tâm; không có thông tin mới, cập nhật.
2. Hình thức thuyết trình (slide trình chiếu) (2 điểm)	- Hình thức trình bày tốt (<i>hình ảnh khá sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn</i>); sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp với nội dung. - Thể hiện sự sáng tạo và gây ấn tượng đối với khán giả.	- Hình thức khá tốt (<i>hình ảnh chưa sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu khá hợp lý, khá dễ nhìn</i>); sử dụng công cụ hỗ trợ chưa thực sự phù hợp với nội dung. - Thể hiện sự sáng tạo nhưng chưa thực sự gây ấn tượng đối với khán giả.	- Hình thức chưa tốt (<i>hình ảnh không sắc nét và kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn, phông</i>); có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng chưa phù hợp nội dung. - Chưa thể hiện sự sáng tạo và chưa gây ấn tượng đối với khán giả.	- Hình thức trình bày dường như chưa đạt yêu cầu (<i>không có hình ảnh hoặc có nhưng kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn</i>); không hoặc có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng không phù hợp nội dung. - Không thể hiện sự sáng tạo và không gây ấn tượng gì đối với khán giả.
3. Sử dụng ngôn ngữ lời nói và phi ngôn ngữ (2 điểm)	- Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm và thuyết phục người nghe. - Sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể hợp lý và tự nhiên.	- Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, song chưa thực sự truyền cảm và thuyết phục người nghe. - Có sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể, song đôi khi chưa hợp lý và chưa tự nhiên.	- Trình bày chưa rõ ràng, khá dài dòng và hơi khó hiểu và chưa thuyết phục người nghe. - Ít sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. Nếu có sử dụng nhưng không hợp lý và không tự nhiên.	- Trình bày không rõ ràng, dài dòng và khó hiểu, không thuyết phục người nghe. - Không sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể.
4. Tương tác với khán giả (2 điểm)	- Sử dụng các hình thức tương tác phù hợp và hiệu quả (<i>nhìn, lắng nghe, gây chú ý, khuyến khích khán giả</i>). - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả đầy đủ, chính xác, súc tích.	- Sử dụng các hình thức tương tác đôi khi chưa phù hợp và hiệu quả. - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả khá đầy đủ, chính xác.	- Ít sử dụng các hình thức tương tác và nếu có thì dường như ít phù hợp và ít hiệu quả. - Trả lời câu hỏi của khán giả chưa đầy đủ, chính xác, và chưa đưa ra được câu hỏi cho khán giả.	- Không sử dụng hình thức tương tác nào hoặc nếu có thì không phù hợp và không hiệu quả. - Dường như không trả lời và không đưa ra được câu hỏi cho khán giả.
5. Quản lí thời gian & hợp tác nhóm (2 điểm)	- Thời gian trình bày đúng thời gian quy định.	- Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút).	- Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút).	- Thời gian trình bày nhanh/ chậm rất nhiều hơn so với thời gian quy định (từ 5 phút trở lên).

	- Phân chia công việc hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình.	phút). - Phân chia công việc khá hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình.	- Phân chia công việc chưa hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và ít có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình.	- Phân chia công việc không hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và dường như không sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (bằng chữ:)				

Bảng 9. Cách tính điểm đánh giá kĩ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm và thuyết trình cho từng SV

TT	Họ và tên	Điểm cá nhân do nhóm chấm (bảng 6)	Điểm nhóm do GV chấm (bảng 7)	Tổng điểm
1	Nguyễn Văn A	N	M	(N+M)/2
2	Lê Thị B			
3	Trần Văn C			

Bảng 10. Rubric đánh giá dự án học phần (A2.3)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Số lượng và hình thức của sản phẩm (2 điểm)	- Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp, có hình ảnh minh họa phù hợp.	- Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có hình ảnh minh họa nhưng chưa thực sự phù hợp.	- Thiếu 1 sản phẩm. - Cấu trúc chưa đúng quy định, hình thức trình bày chưa hợp lý và chưa đẹp, không có hình ảnh minh họa hoặc có nhưng không phù hợp.	Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên. - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có hình ảnh minh họa hoặc có nhưng không phù hợp.
	8.0 – 7.0	6.0 - 5.0	4.0 – 3.0	2.0 - 0
Nội dung bản báo cáo (8 điểm)	- Trình bày đầy đủ và rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần. - Trình bày đầy đủ, chi tiết những nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét chi tiết các nội dung đó. - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và đề xuất một	- Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần. - Trình bày đầy đủ nhưng chưa chi tiết các nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét các nội dung đó nhưng chưa chi tiết. - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và một đề xuất một số giải pháp	- Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần. - Trình bày chưa đầy đủ, và không chi tiết các nội dung đã tìm hiểu, có nhận xét các nội dung đó nhưng sơ sài. - Đưa ra được một số định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực nhưng chưa đề xuất được giải pháp.	- Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần. - Trình bày thiếu nhiều nội dung đã tìm hiểu và không nhận xét các nội dung đó. - Đưa ra được rất ít định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và không đề xuất được giải pháp.

	số giải pháp khả thi. - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có đề xuất, kiến nghị cụ thể	nhưng chưa thực sự khả thi. - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có các đề xuất, kiến nghị nhưng chưa thực sự cụ thể.	- So sánh với kế hoạch đã lập ra, nhưng chưa rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có đề xuất, kiến nghị nhưng chưa cụ thể.	- Không so sánh với kế hoạch đã lập ra, và không rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; không có đề xuất, kiến nghị.
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ)				

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Lê Thế Cường (Chủ biên), Bùi Văn Hào, Võ Thị Hoài Thương, Phùng Văn Nam, Nguyễn Văn Dũng, Vũ Thị Phương Lê, Nguyễn Thị Quỳnh Nga, Bùi Văn Hùng, Nhập môn Khoa học xã hội và Nhân văn, Tập bài giảng, Lưu hành nội bộ, Vinh, 2017.

6.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Văn Dũng, *Cơ sở lý luận báo chí*. NXB Lao động, Hà Nội, 2012.
- [2]. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang; *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.
- [3] Học viện Báo chí và Tuyên truyền, *Chính trị học đại cương* (Lưu hành nội bộ), Hà Nội, 2009.
- [4] Bùi Thị Xuân Mai, *Giáo trình Nhập môn công tác xã hội*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội, 2014
- [5] Trần Đức Thanh, *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
- [6] Trần Thị Mai, *Tổng quan du lịch*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2006.
- [7] Hoàng Sơn Cường, *Lược sử Quản lý văn hóa ở Việt Nam*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998.
- [8] Trần Thị Diên, *Giáo trình Quản lý nhà nước về văn hóa*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2013.

7. Kế hoạch dạy học

Tổng thời lượng của học phần 45 tiết, trong đó có 15 tiết lí thuyết và 30 tiết dự án học phần, số tiết theo cụ thể như sau:

Tín chỉ 1: Chương 1 và chương 2: 15 tiết (lí thuyết và elearning) học trong 5 tuần.

Tín chỉ 2, 3: Chương 3, chương 4 và trải nghiệm thực tế cơ sở (30 tiết); trong đó 9 tiết sẽ tổ chức trên lớp tìm hiểu về môn học, ngành học và hướng dẫn lập kế hoạch trải nghiệm (tuần 4, 5, 6); thực hiện trải nghiệm nghề (tuần 8, 9). Kế hoạch dạy học cụ thể của từng tuần như sau:

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm/ không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Hoạt động của GV	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CĐR học phần
------	--------------------	--------------------------------	-------------------------	------------------	----------------------	--------------	--------------

1	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về lĩnh vực KHXH&NV 1.1. Khái niệm, thuật ngữ 1.1.1. Khoa học xã hội 1.1.2. Khoa học nhân văn 1.1.3. KHXH&NV 1.1.4. Các ngành KHXH&NV	Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân	Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS	Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	K2, A2	A1.1 A1.2	CLO1.1 CLO2.2
2	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về lĩnh vực KHXH&NV (tiếp theo) 1.2. Đặc điểm của KHXH&NV 1.3. Vai trò, chức năng của các ngành KHXH&NV 1.3.1. Tư vấn, hoạch định chính sách 1.3.2. Phản biện xã hội 1.3.3. Giáo dục đào tạo 1.3.4. Quản lý phát triển xã hội	Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân	Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 1.2.1 và 1.3.1	Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	K2, A2	A1.1 A1.2	CLO1.1 CLO2.2
3	Chương 2. Bối cảnh nghề nghiệp trong lĩnh vực KHXH&NV 2.1. KHXH&NV trên thế giới 2.1.1. Sự hình thành và phát triển 2.1.2. Thành tựu 2.1.3. Thách thức	Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân	Trả lời câu hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS	Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	K2, A2	A1.1 A1.2	CLO1.1 CLO2.2
4	Chương 2. Bối	Lớp học và không	Trả lời câu	Thuyết	K2, A2	A1.1	CLO1.2

	cảnh nghề nghiệp trong lĩnh vực KHXH&NV (tiếp theo) 2.2. KHXH&NV ở Việt Nam 2.2.1. Sự ra đời và phát triển của KHXH&NV ở Việt Nam 2.2.2. Thành tựu của KHXH&NV Việt Nam 2.2.3. Thực trạng KHXH ở Việt Nam 2.2.4. Nhiệm vụ của KHXH&NV Việt Nam	gian tự học của nhóm và cá nhân	hỏi, thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS; chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm	giảng, tổ chức thảo luận; giám sát việc tự học của sinh viên; hướng dẫn làm bài thuyết trình		A1.2	CLO2.2
5	Chương 2. Bồi cảnh nghề nghiệp trong lĩnh vực KHXH&NV (tiếp theo) 2.3. Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực KHXH&NV 2.3.1. Lĩnh vực nghiên cứu 2.3.2. Lĩnh vực đào tạo 2.3.3. Lĩnh vực hành chính sự nghiệp 2.3.4. Lĩnh vực kinh tế tư nhân	Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân	Thuyết trình theo nhóm và tiến hành thảo luận; tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS	Tổ chức thuyết trình, tổ chức thảo luận; hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	S2, A2	A1.1	CLO2.2
6	Chương 3: Một số vấn đề chung về ngành... 3.1. Khái niệm, chức năng, vai trò của...	Lớp học	Thảo luận nhóm (nhóm từ 4 – 6 em)	Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	S2	A2.1a A2.2a	CLO2.1 CLO3.1
7	3.2. Lịch sử hình thành và	Lớp học	SV báo cáo theo	Chia lớp thành các	S2, C2	A1.3	CLO2.1 CLO4.1

	phát triển của.. 3.3. Chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo ngành...		nhóm	nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 5-7 sinh viên, thực hiện theo các vị trí việc làm của ngành.			CLO4.2 CLO4.3
8	Chương 4: Thực tiễn nghề nghiệp và phương pháp nghiên cứu... 4.1. Các triết lý, giá trị, chuẩn mực đạo đức và nguyên tắc hoạt động của nghề...	Lớp học	Thuyết giảng, thảo luận, phát vấn	Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	K2, A2	A1.3	CLO1.2 CLO2.1
9	4.2. Hệ thống tổ chức hoạt động và cơ hội nghề nghiệp của nghề...	Lớp học	Thuyết giảng, thảo luận, phát vấn	Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	K2	A1.3	CLO1.2 CLO2.1
10	4.3. Các phương pháp nghiên cứu...	Lớp học	Thuyết giảng, thảo luận, phát vấn	Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	K2, S2	A1.3	CLO1.2 CLO2.1
11	Trải nghiệm thực tế cơ sở để tìm hiểu về hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của ngành...	Cơ sở chuyên môn nghiệp vụ ngành...	Nghe báo cáo, tìm hiểu cơ sở thực tế, các hoạt động chuyên môn; thảo luận nhóm	Liên hệ, hỗ trợ, giám sát	S2, A2	A2.1a A2.2a	CLO2.2 CLO3.1 CLO4.4
12	Khảo sát thông tin, xây dựng ý tưởng và đặt tên đồ án học phần	Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc	Nghe hướng dẫn, lựa chọn ý tưởng, tìm tài	Hướng dẫn thiết kế đồ án, hỗ trợ xây dựng ý tưởng,	S2, A2	A2.1a A2.2a	CLO2.2 CLO3.1 CLO4.4

			liệu; thảo luận nhóm	giám sát quá trình làm việc nhóm			
13	Thiết kế đồ án học phần	Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc	Thảo luận nhóm Thiết kế sản phẩm	Tư vấn, định hướng, giám sát	S2	A2.1a A2.2a	CLO2.2
14	Viết báo cáo đồ án học phần	Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc	Thảo luận nhóm Viết báo cáo	Tư vấn, định hướng, giám sát	S2	A2.1a A2.2a	CLO2.2
15	Báo cáo đồ án học phần (Đánh giá cuối kì)	Lớp học	SV báo cáo theo nhóm; đánh giá chéo	GV nhận xét, đánh giá; Hội đồng đánh giá.	S2, C2	A2.1b A2.2b A2.3	CLO3.1 CLO3.2 CLO4.4 CLO4.5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

8.1. Phần tự học

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.
- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.
- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.
- Hoàn thành các bài tập được giao trên elearning.

8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng thời lượng của học phần.
- Chủ động, tích cực trong giờ học.
- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

8.3. Thực tế cơ sở

- Tham gia 100% các buổi trải nghiệm tại cơ sở...
- Tham gia tích cực các hoạt động trải nghiệm tại cơ sở...
- Tuân thủ các quy định của cơ sở..., của giáo viên và của nhóm.

8.4. Làm việc nhóm, thực hiện dự án môn học

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.
- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.
- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

9. Ngày phê duyệt:

10. Cấp phê duyệt:

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Phụ lục 1. HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCH TRẢI NGHIỆM TẠI CƠ QUAN BÁO CHÍ

1. Mục tiêu

Sinh viên lập được kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp theo yêu cầu của học phần và đề xuất được một số ý tưởng trong hoạt động trải nghiệm.

2. Yêu cầu về cấu trúc chung

Một kế hoạch cần có những thành phần cơ bản sau:

- Mục tiêu, yêu cầu cần đạt
- Nội dung/ nhiệm vụ trải nghiệm
- Thời gian, địa điểm trải nghiệm
- Phương thức thực hiện
- Kế hoạch trải nghiệm chi tiết
- Tổ chức thực hiện
- Sản phẩm thu hoạch

3. Yêu cầu chi tiết về kế hoạch

3.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt

Sinh viên xác định mục tiêu chung của hoạt động trải nghiệm theo yêu cầu của học phần và có thể đưa ra một số ý tưởng mới để xây dựng kế hoạch trải nghiệm ở một cơ quan báo chí trên địa bàn.

Từ mục tiêu đã xác định, nhóm sẽ cụ thể hoá các yêu cầu cần đạt để hoàn thành mục tiêu đề ra.

Ví dụ: Với mục tiêu *Tìm hiểu hoạt động của một cơ quan báo chí*, SV có thể trình bày như sau:

- *Mục tiêu*: Tìm hiểu hoạt động tòa soạn
- *Yêu cầu cần đạt*

TT	Yêu cầu cần đạt
1	Nêu được tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí
2	Trình bày được cơ cấu tổ chức của tòa soạn
3	Trình bày hoạt động tòa soạn
...	...

3.2. Nội dung/ nhiệm vụ trải nghiệm

SV cần thể hiện được những nội dung cụ thể mà nhóm sẽ thực hiện trải nghiệm ở cơ quan báo chí. Nội dung trong phần này được dẫn ra từ các yêu cầu cần đạt trong **mục 3.1**. Những nội dung này có thể được trình bày theo cách liệt kê hoặc lập bảng. Thứ tự các nội dung chi tiết nên được đánh số hoặc kí hiệu sao cho tương thích với các yêu cầu cần đạt đã xác định ở phần đầu của kế hoạch.

Ví dụ: Từ yêu cầu cần đạt 1: *Nêu tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí*. Nội dung cần tìm hiểu là “Tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí”.

3.3. Thời gian, địa điểm trải nghiệm

Cần ghi rõ thời gian và cơ quan báo chí cụ thể sẽ trải nghiệm. Nhóm cũng có thể nêu lên một số lưu ý về mặt thời gian và địa điểm sẽ trải nghiệm như: Những ngày nghỉ lễ, khoảng cách, phương tiện, ...

3.4. Phương thức thực hiện

Dự kiến những phương thức cụ thể (những hoạt động) mà nhóm cần thực hiện để tìm hiểu những nội dung được đề xuất ở mục 3.2.

Ví dụ: Với nội dung *Tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí*, SV có thể trình bày như sau:

- *Nội dung*: Tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí
- *Cách thức thực hiện*:
 - + Nghe báo cáo của Ban biên tập (Ban lãnh đạo hoặc trưởng các bộ phận).
 - + Phỏng vấn, trao đổi với Ban lãnh đạo, trưởng các bộ phận và phóng viên của tòa soạn

+ Tìm hiểu các tài liệu, văn bản cụ thể của tòa soạn

3.5. *Kế hoạch trải nghiệm chi tiết*

Nhóm xây dựng một kế hoạch chi tiết thể hiện trình tự các nội dung, nhiệm vụ, dự kiến sản phẩm theo trình tự thời gian khi đến tòa soạn.

Ví dụ: Với nội dung *Kế hoạch chi tiết*, SV có thể trình bày như sau:

Thời gian	Nội dung/nhiệm vụ	Cách thức thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Ghi chú
Sáng thứ hai ngày....	Nội dung 1. Chức năng và nhiệm vụ của cơ quan báo chí	- Nghe báo cáo của Ban biên tập - Phỏng vấn, trao đổi với Ban lãnh đạo, trưởng bộ phận, phóng viên tòa soạn - Tìm hiểu các tài liệu, văn bản cụ thể của tòa soạn.	- Bản ghi chép về tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí	
.....	Nội dung 2. Hoạt động của cơ quan báo chí	- Nghe báo cáo - Quan sát, phỏng vấn trưởng phòng, phóng viên	- Bản mô tả về hoạt động của tòa soạn. - Bản mô tả và nhận xét về cấu trúc của tòa soạn.	

3.6. *Tổ chức thực hiện*

3.6.1. *Phân công thực hiện nhiệm vụ*

- Quy định chung của nhóm.
- Phân công nhiệm vụ của nhóm trưởng và các thành viên.
- Cách thức theo dõi, nhận xét và đánh giá các thành viên của nhóm.

Lưu ý: Ngoài những quy định chung của Trường Đại học, của giảng viên hướng dẫn trải nghiệm, mỗi nhóm tự xây dựng quy định hoạt động riêng của nhóm để quá trình triển khai trải nghiệm ở trường phổ thông được hiệu quả nhất.

3.6.2. *Dự kiến những vấn đề có thể thay thế hoặc phát sinh*

- Thời gian phụ thuộc vào cơ quan báo chí
- Dự kiến phương thức tìm hiểu hoạt động của cơ quan báo chí (Ví dụ: tra cứu thông tin trên trang thông tin điện tử của tòa soạn, quan sát các hoạt động tại tòa soạn, ...).

Phụ lục 2. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG THỰC TẾ CƠ QUAN BÁO CHÍ

1. Mục tiêu

Sinh viên thực hiện được kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở cơ quan báo chí mà nhóm đã thiết kế. Trên cơ sở đó, sinh viên hoàn thiện dự án học phần và đưa ra được định hướng học tập để trở thành một người phóng viên.

2. Yêu cầu

- Thực hiện theo đúng Quy định của Trường Đại học Vinh về hoạt động thực hành, thực tế cơ sở; Quy định, Hướng dẫn của cơ quan báo chí nơi sinh viên về thực tế.
- Tham gia đầy đủ và tích cực các hoạt động trải nghiệm tại cơ quan báo chí
- Thực hiện và nộp đầy đủ các sản phẩm theo nhiệm vụ được giao theo kế hoạch.
- Tuân thủ các quy định của giáo viên hướng dẫn, của cơ quan báo chí và nhóm làm việc với tư cách là thành viên của nhóm.

3. Nội dung và nhiệm vụ

STT	Nội dung	Nhiệm vụ cụ thể
1	Tìm hiểu cơ quan báo chí	- Vị trí, vai trò và nhiệm vụ của cơ quan báo chí - Các bộ phận của cơ quan báo chí - Cơ cấu tổ chức của cơ quan báo chí
2	Tìm hiểu các bộ phận của cơ quan báo chí	- Vị trí, vai trò và nhiệm vụ của các bộ phận chuyên môn trong cơ quan báo chí - Cơ cấu tổ chức của từng bộ phận
3	Tìm hiểu hoạt động của cơ quan báo chí	- Các hoạt động chính của cơ quan báo chí, cách thức thực hiện hoạt động nghề nghiệp. - Cách thức triển khai thực hiện các hoạt động theo từng lĩnh vực

4. Nhiệm vụ của cơ quan báo chí

- Thông báo kế hoạch và trao đổi tình hình hoạt động của cơ quan báo chí
- Trao đổi tình hình hoạt động báo chí, kinh nghiệm tác nghiệp, bồi dưỡng các kỹ năng cần thiết cho sinh viên.
- Hướng dẫn sinh viên tham dự các hoạt động báo chí, trải nghiệm, hướng nghiệp theo đúng kế hoạch và quy định.
- Xác nhận tinh thần, thái độ của sinh viên trong quá trình trải nghiệm.

5. Quy định đối với sinh viên

- Luôn có tác phong đúng đắn, chững chạc, lối sống lành mạnh, tính kỉ luật. Khi đến cơ quan báo chí phải ăn mặc chân phương, đeo phù hiệu theo quy định của Trường Đại học Vinh.
- Thể hiện tác phong mẫu mực, tinh thần cầu thị trong giao tiếp và tham gia các hoạt động cụ thể ở cơ quan báo chí.
- Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách ở địa phương; có ý thức bảo vệ của công, phòng hoả, phòng gian, bảo vệ trật tự trị an, an toàn giao thông, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.

Phụ lục 3. YÊU CẦU VỀ SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN HỌC PHẦN

1. Các sản phẩm

- Bản báo cáo (bản word)
- Bản trình chiếu để báo cáo
- Video về cơ quan báo chí đã trải nghiệm
- Sổ tay làm việc nhóm

2. Yêu cầu của từng sản phẩm

2.1. Bản báo cáo

a. Cấu trúc

Cấu trúc của Dự án học phần gồm 3 phần:

- Phần mở đầu: Mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp, thời gian, địa điểm thực hiện dự án học phần.
- Phần nội dung:
 - + Những hoạt động đã thực hiện
 - + Những nội dung đã tìm hiểu được (Tòa soạn, các bộ phận chuyên môn, hoạt động báo chí)
 - + Nhận xét về nghề nghiệp và định hướng học tập để trở thành một người làm nghề báo đáp ứng yêu cầu về công việc và bối cảnh nghề nghiệp
 - + Một số giải pháp, khuyến nghị
- Phần kết luận:
 - + Tóm tắt lại những kinh nghiệm thu được trong đợt trải nghiệm nghề nghiệp và định hướng học tập để trở thành một người làm nghề báo
 - + Trình bày những thay đổi so với bản kế hoạch (nếu có)
 - + Kiến nghị, đề xuất

b. Hình thức

- Trang bìa ghi rõ tên học phần, nhóm thực hiện, thời gian, địa điểm thực hiện
- Bản báo cáo trình bày tối thiểu 15 trang, khổ giấy A4, căn lề trên và dưới: 20 (mm); trái: 35 (mm); phải: 20 (mm); font chữ unicode, kiểu chữ Times NewRoman, cỡ chữ 13, cách dòng 1.5

2.2. Bản trình chiếu để báo cáo

a. Cấu trúc

- Giới thiệu tên của sản phẩm và thành viên của nhóm (Slide thứ nhất)
- Nội dung chính của bài thuyết trình (Slide thứ hai)
- Nội dung của bài thuyết trình (Các slides tiếp theo)
- Tài liệu tham khảo (Slide cuối cùng)

b. Thời gian thuyết trình.

- Mỗi nhóm có 15 phút thuyết trình, 10 phút trao đổi, nhận xét

2.3. Video/ảnh minh chứng quá trình thực hiện đồ án

- Nội dung của video: Giới thiệu về cơ quan báo chí đã trải nghiệm bằng những thông tin đã thu thập được với hình ảnh một tác phẩm báo chí
- Thời gian video: trong vòng 5 phút

2.4. Sổ tay làm việc nhóm

Sổ tay nhằm mục đích để sinh viên ghi lại tất cả công việc của nhóm và mỗi thành viên trong quá trình thực hiện đồ án. Yêu cầu:

- Liệt kê các công việc mà mô tả công việc
- Phân công nhiệm vụ
- Dự kiến sản phẩm, điều chỉnh và kết quả cuối cùng của công việc
- Tiến độ thực hiện
- Tự đánh giá các thành viên trong nhóm

**Phụ lục 4. Chuẩn đầu ra của CTĐT phân nhiệm cho HP Nhập môn KHXH&NV
(Ngành Báo chí)**

CDR của CTĐT		TĐNL phân cho HP
<i>CDR</i>	<i>Nội dung</i>	
1.1.2	<i>Áp dụng</i> kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn trong bối cảnh nghề nghiệp và xã hội.	K2
1.2.1	<i>Vận dụng</i> kiến thức lý luận về báo chí, truyền thông vào hoạt động nghề nghiệp.	K2
2.1.2	<i>Thể hiện</i> thái độ hành xử chuyên nghiệp, trung thực, khách quan trong hoạt động nghề nghiệp	A2
2.2.3	<i>Vận dụng</i> kỹ năng công nghệ thông tin phục vụ tác nghiệp	S2
3.1.1	<i>Tổ chức</i> và <i>điều hành</i> nhóm hoạt động hiệu quả	S2
3.2.1	<i>Trình bày</i> và <i>thuyết trình</i> hấp dẫn, thuyết phục	S2
4.2.1	<i>Phát hiện</i> đề tài, <i>hình thành</i> ý tưởng báo chí - truyền thông	C2
4.2.2	<i>Thu thập</i> và <i>kiểm chứng</i> thông tin từ nhiều nguồn về đề tài đã xác định	C2
4.2.3	<i>Thiết kế</i> và <i>sản xuất</i> tác phẩm báo chí – truyền thông	C2

Phụ lục 1. HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCH TRẢI NGHIỆM Ở DOANH NGHIỆP DU LỊCH (CÔNG TY DU LỊCH HOẶC KHÁCH SẠN)

1. Mục tiêu

Sinh viên lập được kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp theo yêu cầu của học phần và đề xuất được một số ý tưởng trong hoạt động trải nghiệm.

2. Yêu cầu về cấu trúc chung

Một kế hoạch cần có những thành phần cơ bản sau:

- Mục tiêu, yêu cầu cần đạt
- Nội dung/ nhiệm vụ trải nghiệm
- Thời gian, địa điểm trải nghiệm
- Phương thức thực hiện
- Kế hoạch trải nghiệm chi tiết
- Tổ chức thực hiện

3. Yêu cầu chi tiết về kế hoạch

3.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt

Sinh viên xác định mục tiêu chung của hoạt động trải nghiệm theo yêu cầu của học phần và có thể đưa ra một số ý tưởng mới để xây dựng kế hoạch trải nghiệm ở một công ty du lịch hoặc một khách sạn trên địa bàn.

Từ mục tiêu đã xác định, nhóm sẽ cụ thể hoá các yêu cầu cần đạt để hoàn thành mục tiêu đề ra.

Ví dụ: Với mục tiêu *Tìm hiểu hoạt động của một doanh nghiệp du lịch*, SV có thể trình bày như sau:

- *Mục tiêu:* Tìm hiểu hoạt động kinh doanh du lịch
- *Yêu cầu cần đạt*

TT	Yêu cầu cần đạt
1	Nêu được chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp du lịch
2	Trình bày được cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp du lịch
3	Nêu được các lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp du lịch
...	...

3.2. Nội dung/ nhiệm vụ trải nghiệm

SV cần thể hiện được những nội dung cụ thể mà nhóm sẽ thực hiện trải nghiệm ở doanh nghiệp du lịch. Nội dung trong phần này được dẫn ra từ các yêu cầu cần đạt trong **mục 3.1**. Những nội dung này có thể được trình bày theo cách liệt kê hoặc lập bảng. Thứ tự các nội dung chi tiết nên được đánh số hoặc kí hiệu sao cho tương thích với các yêu cầu cần đạt đã xác định ở phần đầu của kế hoạch.

Ví dụ: Từ yêu cầu cần đạt 1: *Nêu chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp du lịch*. Nội dung cần tìm hiểu là “Chức năng và nhiệm vụ của doanh nghiệp du lịch”.

3.3. Thời gian, địa điểm trải nghiệm

Cần ghi rõ thời gian và doanh nghiệp du lịch cụ thể sẽ trải nghiệm. Nhóm cũng có thể nêu lên một số lưu ý về mặt thời gian và địa điểm sẽ trải nghiệm như: Những ngày nghỉ lễ, khoảng cách, phương tiện, ...

3.4. Phương thức thực hiện

Dự kiến những phương thức cụ thể (những hoạt động) mà nhóm cần thực hiện để tìm hiểu những nội dung được đề xuất ở mục 3.2.

Ví dụ: Với nội dung *Chức năng và nhiệm vụ của doanh nghiệp*, SV có thể trình bày như sau:

- *Nội dung:* Chức năng và nhiệm vụ của doanh nghiệp
- *Cách thức thực hiện:*
 - + Nghe báo cáo của doanh nghiệp (Ban lãnh đạo hoặc trưởng các bộ phận).
 - + Phỏng vấn, trao đổi với Ban lãnh đạo, trưởng các bộ phận và nhân viên của doanh nghiệp
 - + Tìm hiểu các tài liệu, văn bản cụ thể của doanh nghiệp

3.5. Kế hoạch trải nghiệm chi tiết

Nhóm xây dựng một kế hoạch chi tiết thể hiện trình tự các nội dung, nhiệm vụ, dự kiến sản phẩm theo trình tự thời gian khi đến doanh nghiệp.

Ví dụ: Với nội dung *Kế hoạch chi tiết*, SV có thể trình bày như sau:

Thời gian	Nội dung/nhiệm vụ	Cách thức thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Ghi chú
Sáng thứ hai ngày....	Nội dung 1. Chức năng và nhiệm vụ của doanh nghiệp	- Nghe báo cáo của doanh nghiệp - Phỏng vấn, trao đổi với Ban lãnh đạo, trưởng bộ phận, nhân viên của doanh nghiệp - Tìm hiểu các tài liệu, văn bản cụ thể của doanh nghiệp.	- Bản ghi chép về chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp du lịch	
.....	Nội dung 2. Hoạt động của doanh nghiệp du lịch	- Nghe báo cáo - Quan sát, phỏng vấn nhân viên Doanh nghiệp du lịch	- Bản mô tả về vai trò, nhiệm vụ doanh nghiệp du lịch. - Bản mô tả và nhận xét về cấu trúc của doanh nghiệp du lịch - Bản mô tả và nhận xét về các hoạt động của doanh nghiệp du lịch	

3.6. Tổ chức thực hiện

3.6.1. Phân công thực hiện nhiệm vụ

- Quy định chung của nhóm.
- Phân công nhiệm vụ của nhóm trưởng và các thành viên.
- Cách thức theo dõi, nhận xét và đánh giá các thành viên của nhóm.

Lưu ý: Ngoài những quy định chung của Trường Đại học, của giảng viên hướng dẫn trải nghiệm, mỗi nhóm tự xây dựng quy định hoạt động riêng của nhóm để quá trình triển khai trải nghiệm ở trường phổ thông được hiệu quả nhất.

3.6.2. Dự kiến những vấn đề có thể thay thế hoặc phát sinh

- Thời gian phụ thuộc vào doanh nghiệp du lịch
- Dự kiến phương thức tìm hiểu hoạt động của doanh nghiệp du lịch (Ví dụ: tra cứu thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty du lịch, quan sát các hoạt động tại công ty, ...).

Phụ lục 2. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG THỰC TẾ DOANH NGHIỆP DU LỊCH

1. Mục tiêu

Sinh viên thực hiện được kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở doanh nghiệp du lịch mà nhóm đã thiết kế. Trên cơ sở đó, sinh viên hoàn thiện dự án học phần và đưa ra được định hướng học tập để trở thành một người làm nghề du lịch (Lễ tân, hướng dẫn viên du lịch, điều hành du lịch...)

2. Yêu cầu

- Thực hiện theo đúng Quy định của Trường Đại học Vinh về hoạt động thực hành, thực tế doanh nghiệp du lịch; Quy định, Hướng dẫn của doanh nghiệp du lịch nơi sinh viên về thực tế.
- Tham gia đầy đủ và tích cực các hoạt động trải nghiệm tại doanh nghiệp du lịch
- Thực hiện và nộp đầy đủ các sản phẩm theo nhiệm vụ được giao theo kế hoạch.
- Tuân thủ các quy định của giáo viên hướng dẫn, của doanh nghiệp du lịch và nhóm làm việc với tư cách là thành viên của nhóm.

3. Nội dung và nhiệm vụ

STT	Nội dung	Nhiệm vụ cụ thể
1	Tìm hiểu doanh nghiệp du lịch	- Vị trí, vai trò và nhiệm vụ của doanh nghiệp du lịch - Các bộ phận của doanh nghiệp du lịch - Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp Du lịch
2	Tìm hiểu các bộ phận của doanh nghiệp du lịch	- Vị trí, vai trò và nhiệm vụ của các bộ phận chuyên môn trong doanh nghiệp du lịch - Cơ cấu tổ chức của từng bộ phận
3	Tìm hiểu hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp du lịch	- Các hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp du lịch, cách thức thực hiện hoạt động kinh doanh. - Cách thức triển khai thực hiện các hoạt động theo từng lĩnh vực

4. Nhiệm vụ của doanh nghiệp du lịch

- Thông báo kế hoạch và trao đổi tình hình hoạt động của doanh nghiệp
- Trao đổi tình hình hoạt động kinh doanh, kinh nghiệm hành nghề du lịch, bồi dưỡng các kỹ năng cần thiết cho sinh viên.
- Hướng dẫn sinh viên tham dự các hoạt động kinh doanh du lịch, trải nghiệm, hướng nghiệp theo đúng kế hoạch và quy định.
- Xác nhận tinh thần, thái độ của sinh viên trong quá trình trải nghiệm.

5. Quy định đối với sinh viên

- Luôn có tác phong đúng đắn, chững chạc, lối sống lành mạnh, tính kỉ luật. Khi đến doanh nghiệp phải ăn mặc chân phương, đeo phù hiệu theo quy định của Trường Đại học Vinh.
- Thể hiện tác phong mẫu mực, tinh thần cầu thị trong giao tiếp và tham gia các hoạt động cụ thể ở doanh nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách ở địa phương; Có ý thức bảo vệ của công, phòng hoả, phòng gian, bảo vệ trật tự trị an, an toàn giao thông, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.

Phụ lục 3. YÊU CẦU VỀ SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN HỌC PHẦN

1. Các sản phẩm

- Bản báo cáo (bản word)
- Bản trình chiếu để báo cáo
- Video/ảnh minh chứng quá trình thực hiện dự án
- Sổ tay làm việc nhóm

2. Yêu cầu của từng sản phẩm

2.1. Bản báo cáo

a. Cấu trúc

Cấu trúc của Dự án học phần gồm 3 phần:

- Phần mở đầu: Mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp, thời gian, địa điểm thực hiện dự án học phần.
- Phần nội dung:
 - + Những hoạt động đã thực hiện
 - + Những nội dung đã tìm hiểu được (Doanh nghiệp, các bộ phận chuyên môn, hoạt động kinh doanh du lịch)
 - + Nhận xét về nghề nghiệp và định hướng học tập để trở thành một người làm nghề du lịch đáp ứng yêu cầu về công việc và bối cảnh nghề nghiệp
 - + Một số giải pháp, khuyến nghị
- Phần kết luận:
 - + Tóm tắt lại những kinh nghiệm thu được trong đợt trải nghiệm nghề nghiệp và định hướng học tập để trở thành một người làm nghề du lịch
 - + Trình bày những thay đổi so với bản kế hoạch (nếu có)
 - + Kiến nghị, đề xuất

b. Hình thức

- Trang bìa ghi rõ tên học phần, nhóm thực hiện, thời gian, địa điểm thực hiện
- Bản báo cáo trình bày tối thiểu 15 trang, khổ giấy A4, căn lề trên và dưới: 20 (mm); trái: 35 (mm); phải: 20 (mm); font chữ unicode, kiểu chữ Times NewRoman, cỡ chữ 13, cách dòng 1.5

2.2. Bản trình chiếu để báo cáo

a. Cấu trúc

- Giới thiệu tên của sản phẩm và thành viên của nhóm (Slide thứ nhất)
- Nội dung chính của bài thuyết trình (Slide thứ hai)
- Nội dung của bài thuyết trình (Các slides tiếp theo)
- Tài liệu tham khảo (Slide cuối cùng)

b. Thời gian thuyết trình.

- Mỗi nhóm có 15 phút thuyết trình, 10 phút trao đổi, nhận xét

2.3. Video/ảnh minh chứng quá trình thực hiện đồ án

- Nội dung của video: Giới thiệu về các thành viên của nhóm; minh chứng hoạt động nhóm
- Thời gian video: trong vòng 5 phút

2.4. Sổ tay làm việc nhóm

Sổ tay nhằm mục đích để sinh viên ghi lại tất cả công việc của nhóm và mỗi thành viên trong quá trình thực hiện đồ án. Yêu cầu:

- Liệt kê các công việc mà mô tả công việc
- Phân công nhiệm vụ
- Dự kiến sản phẩm, điều chỉnh và kết quả cuối cùng của công việc
- Tiến độ thực hiện
- Tự đánh giá các thành viên trong nhóm

**Phụ lục 4. Chuẩn đầu ra của CTĐT phân nhiệm cho HP Nhập môn KHXH&NV
(Ngành Du lịch)**

CĐR của CTĐT		TĐNL phân cho HP
CĐR	Nội dung	
1.1.2	<i>Áp dụng</i> kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với bối cảnh xã hội vào các hoạt động du lịch.	K2
1.2.2	<i>Áp dụng</i> kiến thức về lý luận và thực tế du lịch vào các lĩnh vực: lễ hành, khách sạn và văn hóa du lịch.	K2
2.1.1	<i>Thể hiện</i> chuẩn mực đạo đức, phẩm chất cá nhân và kỹ năng nghề nghiệp trong hoạt động du lịch	A2
2.2.3	<i>Vận dụng</i> kỹ năng công nghệ thông tin để thực hiện hiệu quả các hoạt động du lịch	S2
3.1.1	<i>Tổ chức và điều hành</i> nhóm hoạt động hiệu quả	S2
3.2.1	<i>Thể hiện kỹ năng</i> đàm phán, thuyết trình trong các hoạt động du lịch	S2
4.2.1	<i>Hình thành ý tưởng</i> trong các hoạt động du lịch	C3
4.2.2	<i>Thiết kế</i> các hoạt động du lịch	C3
4.2.3	<i>Thực hiện</i> các hoạt động du lịch	C3

Phụ lục 1. HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCH TRẢI NGHIỆM TẠI CÁC CƠ SỞ XÃ HỘI

1. Mục tiêu

Sinh viên lập được kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp theo yêu cầu của học phần và đề xuất được một số ý tưởng trong hoạt động trải nghiệm.

2. Yêu cầu về cấu trúc chung

Một kế hoạch cần có những thành phần cơ bản sau:

- Mục tiêu, yêu cầu cần đạt
- Nội dung/ nhiệm vụ trải nghiệm
- Thời gian, địa điểm trải nghiệm
- Phương thức thực hiện
- Kế hoạch trải nghiệm chi tiết
- Tổ chức thực hiện

3. Yêu cầu chi tiết về kế hoạch

3.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt

Sinh viên xác định mục tiêu chung của hoạt động trải nghiệm theo yêu cầu của học phần và có thể đưa ra một số ý tưởng mới để xây dựng kế hoạch trải nghiệm ở trường phổ thông.

Từ mục tiêu đã xác định, nhóm sẽ cụ thể hoá các yêu cầu cần đạt để hoàn thành mục tiêu đề ra.

Ví dụ: Với mục tiêu *Tìm hiểu về Trung tâm giáo dục và dạy nghề Người khuyết tật Nghệ An*, SV có thể trình bày như sau:

- *Mục tiêu: Tìm hiểu về Trung tâm giáo dục và dạy nghề Người khuyết tật Nghệ An*
- *Yêu cầu cần đạt*

TT	Yêu cầu cần đạt
1	Nêu được chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm giáo dục và dạy nghề Người khuyết tật Nghệ An
2	Trình bày được cơ cấu tổ chức của Trung tâm giáo dục và dạy nghề Người khuyết tật Nghệ An
3	Nêu được quy trình xây dựng kế hoạch hoạt động của Trung tâm giáo dục và dạy nghề Người khuyết tật Nghệ An
...	...

3.2. Nội dung/ nhiệm vụ trải nghiệm

SV cần thể hiện được những nội dung cụ thể mà nhóm sẽ thực hiện trải nghiệm ở cơ sở xã hội. Nội dung trong phần này được dẫn ra từ các yêu cầu cần đạt trong **mục 3.1**. Những nội dung này có thể được trình bày theo cách liệt kê hoặc lập bảng. Thứ tự các nội dung chi tiết nên được đánh số hoặc kí hiệu sao cho tương thích với các yêu cầu cần đạt đã xác định ở phần đầu của kế hoạch.

Ví dụ: Từ yêu cầu cần đạt 1: *Nêu chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm giáo dục và dạy nghề Người khuyết tật Nghệ An*. Nội dung cần tìm hiểu là “*Chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm giáo dục và dạy nghề Người khuyết tật Nghệ An*”.

3.3. Thời gian, địa điểm trải nghiệm

Cần ghi rõ thời gian và cơ sở xã hội cụ thể sẽ trải nghiệm. Nhóm cũng có thể nêu lên một số lưu ý về mặt thời gian và địa điểm sẽ trải nghiệm như: Những ngày nghỉ lễ, khoảng cách, phương tiện, ...

3.4. Phương thức thực hiện

Dự kiến những phương thức cụ thể (những hoạt động) mà nhóm cần thực hiện để tìm hiểu những nội dung được đề xuất ở mục 3.2.

Ví dụ: Với nội dung *Nêu chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm giáo dục và dạy nghề Người khuyết tật Nghệ An*, SV có thể trình bày như sau:

- *Nội dung:* Chức năng và nhiệm vụ của cơ sở xã hội
- *Cách thức thực hiện:*
- + Nghe báo cáo của trung tâm

- + Phỏng vấn, trao đổi với Ban lãnh đạo, cán bộ nhân viên của cơ sở.
- + Tìm hiểu các tài liệu, văn bản cụ thể của cơ sở xã hội.

3.5. *Kế hoạch trải nghiệm chi tiết*

Nhóm xây dựng một kế hoạch chi tiết thể hiện trình tự các nội dung, nhiệm vụ, hoạt động, định hướng nội dung cần làm

Ví dụ: Với nội dung *Kế hoạch chi tiết*, SV có thể trình bày như sau:

Thời gian	Nội dung/nhiệm vụ	Cách thức thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Ghi chú
	Nội dung Chức năng và nhiệm vụ cơ sở xã hội	- Nghe báo cáo của cơ sở xã hội - Phỏng vấn, trao đổi với Ban lãnh đạo, nhân viên cơ sở - Tìm hiểu các tài liệu, văn bản cụ thể của cơ sở.	- Bản ghi chép về chức năng, nhiệm vụ của cơ sở xã hội	
	Nội dung 2. Nắm bắt quý trình quản lý và hỗ trợ với đối tượng	- Nghe báo cáo - Quan sát, phỏng vấn cán bộ, đối tượng	- Bản mô tả về vai trò, nhiệm vụ của cán bộ trực tiếp quản lý cơ sở; đặc điểm của đối tượng - Bản mô tả và nhận xét về hoạt động quản lý và hỗ trợ đối tượng của cơ sở	
	Nội dung 3: Nắm bắt được tình hình và vấn đề của đối tượng	- Phỏng vấn đối tượng, cán bộ - Quan sát đối tượng - Tìm hiểu tài liệu về đối tượng	Bản mô tả được đối tượng và vấn đề của đối tượng	

3.6. *Tổ chức thực hiện*

3.6.1. *Phân công thực hiện nhiệm vụ*

- Quy định chung của nhóm.
- Phân công nhiệm vụ của nhóm trưởng và các thành viên.
- Cách thức theo dõi, nhận xét và đánh giá các thành viên của nhóm.

Lưu ý: Ngoài những quy định chung của Trường Đại học, của giảng viên hướng dẫn trải nghiệm, mỗi nhóm tự xây dựng quy định hoạt động riêng của nhóm để quá trình triển khai trải nghiệm ở trường phổ thông được hiệu quả nhất.

3.6.2. *Dự kiến những vấn đề có thể thay thế hoặc phát sinh*

- Thời gian phụ thuộc vào cơ sở xã hội.
- Dự kiến phương thức tìm hiểu hoạt động của cơ sở xã hội (Ví dụ: tìm hiểu thông tin qua tài liệu, qua phỏng vấn...)

Phụ lục 2. HƯỚNG DẪN TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ TẠI CƠ SỞ

1. Mục tiêu

Sinh viên thực hiện được kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp tại các cơ sở xã hội. Trên cơ sở đó, sinh viên hoàn thiện dự án học phần và đưa ra được định hướng học tập để trở thành Nhân viên xã hội.

2. Yêu cầu

- Thực hiện theo đúng Quy định của Trường Đại học Vinh về hoạt động thực hành, thực tế tại cơ sở cơ sở xã hội; Quy định, Hướng dẫn của cơ quan, tổ chức...nơi sinh viên về thực tế.

- Tham gia đầy đủ và tích cực các hoạt động trải nghiệm cơ sở xã hội.

- Thực hiện và nộp đầy đủ các sản phẩm theo nhiệm vụ được giao theo kế hoạch.

- Tuân thủ các quy định của giáo viên hướng dẫn, của cơ quan thực tế và nhóm làm việc với tư cách là thành viên của nhóm.

3. Nội dung và nhiệm vụ

STT	Nội dung	Nhiệm vụ cụ thể
1	Tìm hiểu cơ sở xã hội	- Vị trí, vai trò và nhiệm vụ của cơ sở, các tổ chức đoàn thể trong cơ quan. - Cơ cấu tổ chức và hoạt động chính của cơ sở. - Quy trình xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động của cơ sở
2	Tìm hiểu các bộ phận của cơ sở xã hội	- Vị trí, vai trò và nhiệm vụ của bộ phận thực hiện quản lý đối tượng - Quy trình xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý và hỗ trợ đối tượng - Cách thức quản lý và hỗ trợ đối tượng.
3	Tìm hiểu hoạt động hỗ trợ đối tượng của cơ sở xã hội	- Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người trực tiếp quản lý và hỗ trợ đối tượng - Đặc điểm của đối tượng. - Kế hoạch hỗ trợ đối tượng tại thời điểm - Cách thức hỗ trợ đối tượng

4. Nhiệm vụ của các cơ sở xã hội

- Thông báo kế hoạch và trao đổi tình hình hoạt động của đơn vị mình

- Trao đổi tình hình tổng quan về đơn vị, kế hoạch hoạt động và định hướng phát triển

- Trao đổi tình hình quản lý và hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế: Số lượng, trạng thái, quá trình hỗ trợ, kết quả

- Hướng dẫn sinh viên tham quan và giới thiệu để sinh viên nắm bắt được các hoạt động tại cơ sở mình.

- Xác nhận tinh thần, thái độ của sinh viên trong quá trình trải nghiệm.

5. Quy định đối với sinh viên

- Luôn có tác phong đúng đắn, chững chạc, lối sống lành mạnh, tính kỉ luật. Khi đến cơ sở thực tế để trải nghiệm phải ăn mặc chân phương, đeo phù hiệu theo quy định của Trường Đại học Vinh.

- Giữ đúng quan hệ với cán bộ quản lý tại các cơ sở xã hội và các đối tượng được tiếp cận.

- Thể hiện tác phong mẫu mực, tinh thần cầu thị trong giao tiếp và tham gia các hoạt động cụ thể ở cơ sở xã hội

- Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách ở địa phương; Có ý thức bảo vệ của công, phòng hoả, phòng gian, bảo vệ trật tự trị an, an toàn giao thông, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.

Phụ lục 3. YÊU CẦU VỀ SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN HỌC PHẦN

1. Các sản phẩm

- Bản báo cáo (bản word)
- Bản trình chiếu để báo cáo
- Video/ảnh minh chứng quá trình thực hiện dự án
- Sổ tay làm việc nhóm

2. Yêu cầu của từng sản phẩm

2.1. Bản báo cáo

a. Cấu trúc

Cấu trúc của Dự án học phần gồm 3 phần:

- Phần mở đầu: Mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp, thời gian, địa điểm thực hiện dự án học phần.
- Phần nội dung:
 - + Những hoạt động đã thực hiện
 - + Những nội dung đã tìm hiểu được (cơ sở trải nghiệm, đối tượng, vấn đề của đối tượng, các chính sách và an sinh xã hội của cơ sở xã hội và đối tượng được hưởng)
 - + Nhận xét về nghề nghiệp và định hướng học tập để trở thành Nhân viên xã hội đáp ứng yêu cầu về công việc và bối cảnh nghề nghiệp
 - + Một số giải pháp, khuyến nghị
- Phần kết luận:
 - + Tóm tắt lại những kinh nghiệm thu được trong đợt trải nghiệm nghề nghiệp và định hướng học tập để trở thành Nhân viên xã hội
 - + Trình bày những thay đổi so với bản kế hoạch (nếu có)
 - + Kiến nghị, đề xuất

b. Hình thức

- Trang bìa ghi rõ tên học phần, nhóm thực hiện, thời gian, địa điểm thực hiện
- Bản báo cáo trình bày tối thiểu 15 trang, khổ giấy A4, căn lề trên và dưới: 20 (mm); trái: 35 (mm); phải: 20 (mm); font chữ unicode, kiểu chữ Times NewRoman, cỡ chữ 13, cách dòng 1.5

2.2. Bản trình chiếu để báo cáo

a. Cấu trúc

- Giới thiệu tên của sản phẩm và thành viên của nhóm (Slide thứ nhất)
- Nội dung chính của bài thuyết trình (Slide thứ hai)
- Nội dung của bài thuyết trình (Các slides tiếp theo)
- Tài liệu tham khảo (Slide cuối cùng)

b. Thời gian thuyết trình.

- Mỗi nhóm có 15 phút thuyết trình, 10 phút trao đổi, nhận xét

2.3. Video/ảnh minh chứng quá trình thực hiện đồ án

- Nội dung của video: Giới thiệu về các thành viên của nhóm; minh chứng hoạt động nhóm
- Thời gian video: trong vòng 5 phút

2.4. Sổ tay làm việc nhóm

Sổ tay nhằm mục đích để sinh viên ghi lại tất cả công việc của nhóm và mỗi thành viên trong quá trình thực hiện đồ án. Yêu cầu:

- Liệt kê các công việc mà mô tả công việc
- Phân công nhiệm vụ
- Dự kiến sản phẩm, điều chỉnh và kết quả cuối cùng của công việc
- Tiến độ thực hiện
- Tự đánh giá các thành viên trong nhóm

Phụ lục 4. Chuẩn đầu ra của CTĐT phân nhiệm cho HP Nhập môn ngành KHXH&NV

1.1.2	<i>Áp dụng</i> kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn trong bối cảnh xã hội và nghề nghiệp	K2
1.2.1	<i>Vận dụng</i> kiến thức hành vi con người và môi trường xã hội để phát hiện vấn đề của thân chủ trong công tác xã hội	K2
2.1.2	<i>Thể hiện</i> phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nghề	A2

	công tác xã hội	
2.2.3	<i>Vận dụng</i> kỹ năng công nghệ thông tin trong công việc và nghiên cứu công tác xã hội	S2
3.1.1	<i>Tổ chức và điều hành</i> nhóm hiệu quả trong hoạt động công tác xã hội	S2
3.2.1	<i>Thực hiện</i> thuyết trình logic, thuyết phục	S2
4.2.1	<i>Xác định</i> vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng	C3
4.2.2	<i>Đánh giá</i> vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng	C3
4.2.3	<i>Xây dựng</i> hoạt động trợ giúp với cá nhân, nhóm và cộng đồng	C3

Phụ lục 5. Ký hiệu về trình độ năng lực (TDNL) và đối sánh với các thang phân loại

Mức độ thành thạo dựa vào hoạt động	Crawly, 2001	Có trải nghiệm qua hoặc gặp qua	Có thể tham gia vào và đóng góp	Có thể hiểu và giải thích	Có kỹ năng trong thực hành hoặc thực hiện	Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới
	MIT	0.1 → 1.0	1.1 → 2.4	2.5 → 3.4	3.5 → 4.4	4.5 → 5.0
		C1	C2	C3	C4	C5
Lĩnh vực về nhận thức	Bloom, 1956	-----	- Biết	- Hiểu	- Áp dụng - Phân tích	- Tổng hợp - Đánh giá
	Anderson et al., 2001	-----	- Nhớ	- Hiểu	- Áp dụng - Phân tích	- Đánh giá - Sáng tạo
			K2	K3	K4	K5
Lĩnh vực về tâm vận động	Simpson, 1972	- Nhận thức - Thiết lập	- Làm theo hướng dẫn	- Thuần thực	- Thành thạo kỹ năng phức tạp - Thích ứng	- Sáng chế
	Dave, 1975	- Bắt chước có quan sát	- Làm lại theo cấu trúc nội tâm	- Chính xác hóa hoạt động của cơ bắp	- Hoàn thiện thứ tự các hoạt động	- Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới
		S1	S2	S3	S4	S5
Lĩnh vực về cảm xúc	Krathwohl, Bloom & Masia, 1973	-----	- Tiếp nhận hiện tượng	- Phản ứng với hiện tượng	- Chấp nhận giá trị (Valuing)	- Tổ chức - Ứng xử
			A2	A3	A4	A5

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS.Võ Thị Cẩm Ly

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0962248209; lyvtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội.

Giảng viên 2: ThS.Nguyễn Thị Hoài An

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0868214777; annth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Hành vi con người và môi trường xã hội (tiếng Anh): Human Behavior and the Social Environment	
- Mã số học phần: XH20055	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành	
☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc	☐ Tự chọn
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: + Học phần học trước:	
Mã số HP: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% trở lên + Sinh viên/ nhóm phải nộp đầy đủ sản phẩm theo quy định	
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại: 0868214777 Email: annth@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Học phần Hành vi con người và môi trường xã hội là học phần thứ 6 trong khối kiến thức khoa học giáo dục của Chương trình đào tạo cử nhân Công tác xã hội. Học phần giúp người học có nền tảng cơ sở về hành vi con người và môi trường xã hội. Học phần cũng là cơ sở để học các học phần khác như Lý thuyết công tác xã hội, Quản trị công tác xã hội... Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, tiếp cận những kiến thức đầu tiên về các vấn đề cá nhân, môi trường xã hội thuộc ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự và làm chủ quá trình học tập của bản thân.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Hành vi con người và môi trường xã hội được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi con người và môi trường xã hội; các lý thuyết nghiên cứu hành vi con người; yếu tố tâm sinh lý cá nhân, yếu tố nhóm xã hội ảnh hưởng đến hành vi cá

nhân; sự tương tác giữa môi trường xã hội và hành vi con người.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ảnh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ảnh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO1.2	PLO2.1	PLO3.1	PLO3.2	PLO4.1
	1.2.1	2.1.1	3.1.1	3.2.1	4.1.1
CLO1.1	✓				
CLO 2.1		✓			
CLO3.1			✓		
CLO3.2				✓	
CLO4.1					✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày các kiến thức cơ bản về hành vi con người và môi trường xã hội	Thuyết trình, hướng dẫn bài tập, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm tự luận
CLO 2.1	S2	Thể hiện thái độ chuyên nghiệp trong quá trình làm việc	Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm tự luận
CLO3.1	S2	Tổ chức hoạt động nhóm và điều hành nhóm hiệu quả	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.2	S2	Thực hiện thuyết trình logic, thuyết phục	Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm tự luận
CLO4.1	C3	Nắm bắt các yếu tố tâm sinh lý cá nhân, yếu tố nhóm xã hội ảnh hưởng đến hành vi cá nhân; sự tương tác giữa môi trường xã hội và hành vi con người.	Thuyết trình, hướng dẫn bài tập, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm tự luận Phiếu đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần		Tỷ lệ % trong đánh giá học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	- Sự chuyên cần, thái độ học tập, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 1	CLO 2.1	50%	10 %
			CLO 3.1	50%	
A1.2	- Bài tập cá nhân : Nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO 1.1	50%	30%
			CLO 2.1	50%	
A1.3	-Thảo luận nhóm: Nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO 1.2	50%	30%
			CLO 2.1	25%	
			CLO 3.1	25%	
A1.4	- Thi trắc nghiệm: Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO 1.1	40%	30%
			CLO 2.1	20%	

			CLO 3.1	20%	
			CLO 4.1	20%	
A2. Đánh giá cuối kỳ					50%
A 2.1	- Bài thi tự luận: Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.	Đáp án	CLO 1.1	60%	100%
			CLO 4.1	40%	
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,1 + A1.2 x 0,3 + A1.3 x 0,3 + A1.4 x 0,3) x 0,5 + A2.1 x 0,5					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham gia các buổi học trên lớp theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90% đến dưới 95% buổi học	Tham dự 85% đến dưới 90% buổi học	Tham dự 80% đến dưới 85% buổi học	Tham dự dưới 80% buổi học	50
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung bài tập	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	70
Hình thức trình bày bài tập	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	30

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50
Hình thức trình bày báo cáo	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Thuyết trình báo	Nói to rõ, tự tin,	Nói khá rõ, khá tự tin,	Nói khá rõ, không tự tin,	Nói không rõ, khá tự	Nói không rõ, thiếu tự tin,	20

cáo	thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40%-thành viên tham gia	10

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

- [1] Nguyễn Hồi Loan, Trần Thu Hương (đồng chủ biên), Giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội, NXB ĐQGHN, 2019
- [2] Nguyễn Thị Hồng Nga, Giáo trình Hành vi con người và môi trường xã hội, Nxb Lao động Xã hội, 2009

6.2. Tài liệu tham khảo:

- [3] Dương Thị Hiền, Tập bài giảng Hành vi con người và môi trường xã hội, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Lưu hành nội bộ, 2018
- [4] Bùi Thị Xuân Mai, Giáo trình Nhập môn công tác xã hội, NXB LĐXH, 2014

7. Kế hoạch dạy học

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
1(3)	Chương 1. Những vấn đề chung về hành vi con người và môi trường xã hội 1.1. Hành vi con người 1.1.1 Khái niệm “Hành vi con người” 1.1.2 Phân loại hành vi 1.1.3 Cơ sở của hành vi con người	- Giới thiệu đề cương chi tiết học phần. - Thuyết trình	Đọc trước học liệu số [1] từ trang 13 đến trang 18. - Vở ghi chép. - Lập email group của từng nhóm/hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với GV. - Tự học: Cơ sở sinh học của hành vi con người	CLO1.1	A1.1 A1.2 A1.3
2 (3 tiết)	1.2 Môi trường xã hội 1.2.1 Khái niệm môi trường xã hội 1.2.2 Các loại môi trường 1.2.3 Gia đình – Môi trường xã hội thu nhỏ 1.2.4 Quá trình hội nhập vợ chồng và ảnh hưởng của nó đến hành vi cá nhân 1.2.5 Mối quan hệ giữa hệ thống gia đình và hành vi cá nhân nhìn từ góc độ xuyên văn hóa	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm: Gia đình – Môi trường xã hội thu nhỏ Quá trình hội nhập vợ chồng và ảnh hưởng của nó đến hành vi cá nhân Mối quan hệ giữa hệ thống gia đình và hành vi cá nhân nhìn từ góc độ xuyên văn hóa Bài tập cá nhân: Trình bày đặc điểm của các loại hành vi cơ bản ở con người. Cho ví dụ minh họa	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A1.4 A2.1

3 (3 tiết)	1.3 Các đặc điểm cá nhân và ảnh hưởng của chúng đến hành vi 1.3.1 Yếu tố sinh học, di truyền 1.3.2 Cảm xúc và hành vi 1.3.3 Giới và hành vi 1.3.4 Thái độ và hành vi	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình - Làm việc nhóm	- Đọc giáo trình Hành vi con người và môi trường xã hội tác giả Nguyễn Hôi Loan, Trần Thu Hương về nội dung 2, trang 101-120	CLO1.1 CLO2.1	A1.1 A1.2 A1.3 A1.4 A2.1
4 (3 tiết)	1.4 Nhóm và các yếu tố nhóm ảnh hưởng đến hành vi cá nhân 1.4.1 Khái niệm về nhóm 1.4.2 Phân loại nhóm 1.4.3 Các yếu tố của nhóm ảnh hưởng đến hành vi cá nhân	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình	- Đọc giáo trình Hành vi con người và môi trường xã hội tác giả Nguyễn Hôi Loan, Trần Thu Hương về nội dung 2, trang 121-142	CLO1.1 CLO2.1	A1.1 A1.2 A1.3 A1.4 A2.1
5 (3 tiết)	Chương 2. Một số lý thuyết nghiên cứu hành vi con người 2.1 Lý thuyết hệ thống 2.2 Lý thuyết hành vi 2.2.1 Nguồn gốc 2.2.2 Nội dung 2.2.3 Vận dụng trong CTXH	- Thảo luận nhóm	- Đọc giáo trình Hành vi con người và môi trường xã hội tác giả Nguyễn Hôi Loan, Trần Thu Hương về nội dung 2, trang 94-96; 179-186 - Tự học: Thuyết hành vi mới	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
6 (3 tiết)	2.3 Lý thuyết Phân tâm Freud 2.3.1 Nguồn gốc 2.3.2 Nội dung 2.3.3 Vận dụng trong CTXH	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình	- Đọc giáo trình Hành vi con người và môi trường xã hội Nguyễn Hôi Loan, Trần Thu Hương về nội dung trang 188-210. - Hoàn thành bài tập tự học: Các cơ chế phòng vệ của cái tôi	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
7 (3 tiết)	2.4. Lý thuyết Phát triển tâm lý xã hội Erickson 2.4.1 Nguồn gốc 2.4.2 Nội dung 2.4.3 Vận dụng trong CTXH	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình	- Đọc giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội trang 232 Tự học: Nguồn gốc lý thuyết	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
8 (3 tiết)	2.5. Lý thuyết tâm lý học nhân văn Maslow 2.5.1 Nguồn gốc 2.5.2 Nội dung 2.5.3 Vận dụng trong CTXH	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình - Thảo luận nhóm	- Đọc giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội trang 218-222 - Nghe bài giảng điện tử và làm trắc nghiệm trên bài giảng Tự học: Nguồn gốc lý thuyết	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
9 (3 tiết)	2.6. Lý thuyết gắn bó Bowlby 2.6.1 Nguồn gốc 2.6.2 Nội dung 2.6.3 Vận dụng trong CTXH	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình	- Đọc giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội trang 251-261 - Nghe bài giảng điện tử và làm trắc nghiệm trên bài giảng	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

10 (3 tiết)	Chương 3: Các giai đoạn phát triển và mối quan hệ tương tác giữa hành vi con người và môi trường xã hội 3.1. Giai đoạn thai nhi 3.2 Giai đoạn từ 0 tháng tuổi đến 12 tháng tuổi	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình	- Đọc giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội từ trang 287-299 - Nghe bài giảng điện tử và làm trắc nghiệm trên bài giảng	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
11 (3 tiết)	3.3. Giai đoạn tuổi nhà trẻ (1-3 tuổi) 3.4. Giai đoạn tuổi mẫu giáo (3-6 tuổi)	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình	- Đọc giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội 304-312 - Nghe bài giảng điện tử và làm trắc nghiệm trên bài giảng	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
12 (3 tiết)	3.5. Giai đoạn tuổi nhi đồng 6-11 tuổi 3.6. Giai đoạn tuổi thiếu niên 11-16 tuổi (học sinh THCS)	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thảo luận nhóm	- Đọc giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội trang 343 - 354 Tự học: Một số biến đổi giải phẫu sinh lý tuổi 11-16 tuổi	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
13 (3 tiết)	3.7. Sự phát triển tâm lý ở tuổi đầu thanh niên từ 15-18 tuổi (học sinh THPT) 3.8. Giai đoạn tuổi thanh niên , sinh viên 18-25 tuổi	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình - Thảo luận nhóm	- Đọc giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội trang 355- 370 Tự học: Đặc điểm tâm lý thời kỳ đầu người trưởng thành tuổi trẻ	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
14 (3 tiết)	3.9. Sự phát triển tâm lý ở tuổi trưởng thành từ 25 - 40 tuổi	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình - Thảo luận nhóm	- Đọc giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội trang 370-394 Tự học: Một số đặc điểm về hoạt động nhận thức của người trung niên	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
15 (3 tiết)	3.10. Sự phát triển tâm lý ở tuổi già (Từ 60 tuổi trở đi) Ôn tập kết thúc học phần	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình - Thảo luận nhóm	- Đọc giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội trang 394-404 - Ôn tập	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 2: TS. Võ Thị Cẩm Ly

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0962248209; lyvtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội.

Giảng viên 5: ThS. Nguyễn Thị Hoài An

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0868214777; annth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 7: ThS. Phạm Thị Oanh

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0986529426; oanhpt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI (tiếng Anh): Social work theory	
- Mã số học phần: SOW31006	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành	
☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học:	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: + Học phần học trước:	
Mã số HP: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm dự án học phần qua LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành	
- Bộ môn phụ trách học phần: Công tác xã hội Điện thoại: Email:	

2. Mô tả học phần

Học phần *Lý thuyết công tác xã hội* là học phần trong khối kiến thức cơ sở của Chương trình đào tạo cử nhân Công tác xã hội. Học phần giúp người học có hiểu biết khoa học lý thuyết CTXH, các bước tiến hành phân tích đối chiếu so sánh các lý thuyết và quá trình vận dụng lý thuyết vào việc giải quyết các vấn đề của công tác xã hội. Người học có thể hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu và nắm vững được các lý thuyết hướng dẫn cho hoạt động thực hành công tác xã hội.

3. Mục tiêu học phần

Học phần *Lý thuyết công tác xã hội* được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản nhất về công tác xã hội: Sự hình thành và phát triển của lý thuyết, vai trò của lý thuyết đối với hoạt động thực hành, Các loại lý thuyết cụ thể ứng dụng khi làm việc với cá nhân, nhóm và phát triển cộng đồng, ứng dụng lý thuyết vào quá trình thực hành cơ bản công tác xã hội, ứng dụng lý thuyết vào các đối tượng đặc thù

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO1.2	PLO2.1	PLO3.1	PLO3.2	PLO4.1
	1.2.3	2.1.1	3.1.3	3.2.1	4.1.1
CLO1.1	1,0				
CLO 2.1		1,0			
CLO3.1			1,0		
CLO3.2				1,0	
CLO4.1					1,0

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày các kiến thức chung về lý thuyết công tác xã hội	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) Hoạt động nhóm tại lớp học	- Quan sát, hồ sơ học tập. - Trắc nghiệm khách quan
CLO 2.1	A2	Thể hiện thái độ chuyên nghiệp trong quá trình làm việc	- Thảo luận nhóm	- Quan sát, hồ sơ học tập. - Trắc nghiệm khách quan
CLO3.1	S2	Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp	- Thảo luận nhóm	- Quan sát, hồ sơ học tập. - Trắc nghiệm khách quan
CLO3.2	S2	Thực hiện thuyết trình logic, thuyết phục	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử)	- Quan sát, hồ sơ học tập. - Trắc nghiệm khách quan
CLO4.1	C3	Nắm bắt các lý thuyết ứng dụng trong hoạt động trợ giúp cho cá nhân, nhóm, cộng đồng	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử)	- Quan sát, hồ sơ học tập. - Trắc nghiệm khách quan
			- Thảo luận nhóm	- Quan sát, hồ sơ học tập. - Trắc nghiệm khách quan

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần		Tỷ lệ % trong đánh giá học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	Sự chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO 2.1	50%	10%
			CLO 3.1	50%	
A1.2	Bài tập cá nhân:	Rubric 2	CLO 1.1	50%	

	- Nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ		CLO 2.1	50%	10%
A1.3	Bài tập nhóm lần 1: - Nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO 1.1	50%	10%
			CLO 2.1	50%	
			CLO 3.1	50%	
			CLO3.2	50%	
A1.4	Bài tập nhóm lần 2 - Nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 4	CLO 2.1	50%	10%
			CLO 3.1	50%	
			CLO3.2	50%	
			CLO 4.1	50%	
A 1.5.	- Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.	Đáp án	CLO 1.1	10%	10%
A2. Đánh giá cuối kỳ					50%
A 2.1	- Bài thi tự luận; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.	Ngân hàng đề thi	CLO 1.1 CLO 4.1		
Công thức tính điểm tổng kết: $A1.1 \times 0.1 + A1.2 \times 0.1 + A1.3 \times 0,05 + A1.4 \times 0,05 + A1.5 \times 0,2 + A2.1 \times 0,5$					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham dự theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90%-dưới 95% buổi học	Tham dự 85%-dưới 90% buổi học	Tham dự 80%-dưới 85% buổi học	Tham dự <80% buổi học	50%
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50%

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Hình thức, bố cục	Không có lỗi chính tả; bố cục hợp lý	Có một vài lỗi chính tả, bố cục khá hợp lý	Có một số lỗi chính tả, bố cục không hợp lý	Nhiều lỗi chính tả; bố cục không hợp lý	Trình bày sai quy cách	50%
Nội dung	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 85% yêu cầu	Đáp ứng 60% đến dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng 50% đến dưới 60% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	50%

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	

Hình thức báo cáo	Bố cục logic, rõ ràng.	Bố cục tốt.	Bố cục khá tốt.	Bố cục ở mức cơ bản	Trình bày thiếu logic.	25%
Kỹ năng trình bày và trả lời câu hỏi	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói rõ ràng, thuyết phục, trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Nó khá rõ ràng, nhưng chưa tự tin, Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Nói nhỏ, trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Nói nhỏ, không trả lời được câu hỏi	25%
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng >70% yêu cầu	Đáp ứng >50% yêu cầu	Đáp ứng < 50% yêu cầu	40%
Tham gia thực hiện	100% thành viên tham gia thực hiện	~ 80% thành viên tham gia thực hiện	~ 60% thành viên tham gia thực hiện	< 50% thành viên tham gia thực hiện	< 40% thành viên tham gia thực hiện	10%

Rubric 4: Đánh giá bài A1.4

CĐR	TIÊU CHÍ	TỶ LỆ %	CHẤT LƯỢNG				ĐIỂM
			Tốt (10-9)	Khá (7-8.5)	Trung bình (5-6.5)	Yếu (<5)	
CLO 1.1 CLO 4.1	Nội dung bài trình bày	50	Nội dung đúng, rõ ràng và đầy đủ quy trình	Nội dung đúng, trình bày chưa rõ ràng hoặc không đầy đủ	Nội dung đúng, trình bày chưa rõ ràng và chưa đầy đủ	Nội dung không đúng, trình bày không rõ ràng và không đầy đủ	5
CLO 2.1	Trả lời câu hỏi và trao đổi trong phần thảo luận.	15	Câu trả lời hợp lý, trao đổi tự tin, rõ ràng và súc tích.	Câu trả lời hợp lý, trao đổi tự tin, thiếu rõ ràng hoặc thiếu súc tích.	Câu trả lời hợp lý, trao đổi thiếu tự tin, thiếu rõ ràng hoặc thiếu súc tích.	Câu trả lời thiếu hợp lý, trao đổi tự tin, thiếu rõ ràng hoặc thiếu súc tích. trong giờ học.	1.5
	Mức độ tham gia của các thành viên trong nhóm	15	Đạt trên 9 điểm tích cực do nhóm đánh giá	Đạt trên 7 điểm tích cực do nhóm đánh giá	Đạt dưới 6 điểm tích cực do nhóm đánh giá	Đạt dưới 5 điểm tích cực do nhóm đánh giá.	1.5
CLO 3.1	Đánh giá kỹ năng trình bày	20	Trình bày trôi chảy, to rõ, tự tin và tương tác với người nghe.	Trình bày trôi chảy, to rõ, thiếu tự tin hoặc thiếu tương tác với người nghe.	Trình bày trôi chảy, không to rõ hoặc thiếu tự tin hoặc thiếu tương tác với người nghe.	Trình bày không trôi chảy, không to rõ hoặc thiếu tự tin hoặc thiếu tương tác với người nghe.	2.0

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Trần Đình Tuấn, (2010) *Lý thuyết và thực hành công tác xã hội*, NXB ĐHQGHN

[2] Nguyễn Thị Như Trang, Trần Văn Kham (đồng chủ biên), (2017) *Giáo trình lý luận về thực hành công tác xã hội*, NXB ĐHQGHN

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Malcome Payne, (1997) *Lý thuyết công tác xã hội hiện đại*, Đại học KHXH&NV, Hà Nội

[4] Bùi Thị Xuân Mai, (2014) *Giáo trình Nhập môn công tác xã hội*, NXB LDXH

7. Kế hoạch dạy học

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI					
1 (3)	1.1.1 Khái niệm lý thuyết công tác xã hội 1.1.2 Phân loại lý thuyết công tác xã hội	- Thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp hỏi - đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, chuẩn bị học liệu Giáo trình <i>Lý luận về thực hành công tác xã hội</i> , 2017 - Đọc kỹ bài, tìm hiểu về khái niệm lý thuyết, lý thuyết công tác xã hội	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.5 A2.1
2 (3)	1.3.1 Vai trò của lý thuyết công tác xã hội đối với hoạt động thực hành công tác xã hội	- Thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp làm việc nhóm	Tìm hiểu vai trò của các lý thuyết trong quá trình trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.5 A2.1
3 (3)	1.3.2 Vai trò của nhân viên xã hội trong ứng dụng lý thuyết vào thực hành công tác xã hội Bài tập cá nhân	- Thuyết trình - Phương pháp hỏi - đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Đọc tài liệu chương 1 - Học lý thuyết - Tham gia thảo luận nhóm - Thực hành các yêu cầu về hoạt động nhóm	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.5 A2.1
4 (3)	1.4.1 Các lĩnh vực và đối tượng thực hành của công tác xã hội	- Thuyết trình - Phương pháp hỏi - đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Chuẩn bị bài tập cá nhân, bài tập nhóm - Nghiên cứu các kênh tài liệu về các lĩnh vực thực hành của CTXH trong thực tiễn	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A1.5 A2.1
5 (3)	1.4.2 Hệ thống cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động công tác xã hội	- Thuyết trình - Phương pháp thảo luận nhóm - Phương pháp Hỏi - đáp	- Đọc tài liệu chương 1 trước khi lên lớp - Tìm hiểu các đơn vị, tổ chức tư nhân, nhà nước hiện đang thực hiện các hoạt động CTXH	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A1.5 A2.1
Chương 2: CÁC LÝ THUYẾT ỨNG DỤNG TRONG THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI CÁ NHÂN					
6 (3)	2.1 Lý thuyết phân tâm của S.Freud	- Thuyết trình - Hỏi - đáp - Thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu chương 2. Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, trước khi lên lớp - SV củng cố lý thuyết qua	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.2 A2.1

			vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.		
7 (3)	2.1 Lý thuyết phân tâm của S.Freud (tiếp) Thảo luận nhóm lần 1	- Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	Độc tài liệu chương 2. Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, trước khi lên lớp - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.4 A2.1
8 (3)	2.2 Lý thuyết phát triển tâm lý xã hội của E.Erikson	-Thuyết trình Phương pháp hỏi đáp	Độc tài liệu chương 2. Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, trước khi lên lớp - Học lý thuyết - Tham gia phát biểu xây dựng bài	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.4 A2.1
9 (3)	2.3 Lý thuyết nhu cầu của A.Braham Maslow	- Thuyết trình - Hỏi đáp - Thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu chương 2. Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận nhóm	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.2 A2.1
10 (3)	2.4.Lý thuyết gắn bó của Bowlby Thảo luận nhóm lần 2	- Thuyết trình - Hỏi đáp - Thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu chương 2. Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, trước khi lên lớp - Tham gia phát biểu xây dựng bài và thảo luận nhóm	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.2 A2.1
11 (3)	2.5 Lý thuyết nhận thức của Jean Piaget	- Thuyết trình - Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Đọc tài liệu chương 2. Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, bài tập trắc nghiệm trong bài giảng Elearning trước khi lên lớp - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1
Chương 3: CÁC LÝ THUYẾT ỨNG DỤNG TRONG THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM, CỘNG ĐỒNG					
12 (3)	3.1 Lý thuyết hệ thống 3.2 Lý thuyết sinh thái	- Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Đọc tài liệu chương 3. Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, bài tập trắc nghiệm trong bài giảng Elearning trước khi lên lớp - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.4 A2.1
13 (3)	3.3 Lý thuyết vai trò	- Phương pháp thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp Hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Đọc tài liệu chương 3. Hoàn thành nghe bài giảng Elearning trước khi lên lớp - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.4 A2.1
14 (3)	3.4 Lý thuyết phát triển cộng đồng và phát triển xã hội	- Phương pháp thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp)	- Đọc tài liệu chương 3. Hoàn thành nghe bài giảng Elearning trước khi lên lớp	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.4 A2.1

		- Phương pháp Hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.		
15 (3)	2.5 Lý thuyết nhận thức- hành vi	- Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Hoàn thành nghe bài giảng điện tử và các câu hỏi trắc nghiệm của bài giảng trước khi lên lớp - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với nhóm về vấn đề lý thuyết.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN QUẢN TRỊ NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: ThS. Phùng Văn Nam

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0941250777, phungvannam@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, An sinh xã hội, Xã hội học

Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Hoài An

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0868214777; annth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Quản trị ngành công tác xã hội (tiếng Anh): Administration of Social Work	
- Mã số học phần: SOW31016	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Học phần dạy học theo hình thức dự án/đề án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 04 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 + Số tiết đề án: 15 + Số tiết tự học: 120	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: + Học phần học trước:	
Mã số HP: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% trở lên + Sinh viên/nhóm phải nộp đầy đủ các sản phẩm theo quy định.	
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại: 0941250777 Email: phungvannam@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Quản trị ngành công tác xã hội là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội. Học phần giúp người học nắm bắt một số kiến thức về quản trị ngành công tác xã hội. Người học được tích lũy các kiến thức, kỹ năng để thực hiện các hoạt động quản trị trong các cơ sở xã hội; được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp với phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự chủ quá trình học tập của bản thân.

3. Mục tiêu học phần

Quản trị ngành công tác xã hội giúp người học trình bày một số kiến thức chung về quản trị ngành công tác xã hội, các hoạt động trong quản trị công tác xã hội ở cấp độ tổ chức và cấp độ nhân viên xã hội; thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp trong quá trình làm việc với các cá nhân và tổ chức xã hội; vận dụng kỹ năng công nghệ thông tin, giao tiếp trực tiếp và gián tiếp

hiệu quả. Từ đó, đưa ra được các cách thức quản trị trong các cơ sở xã hội hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo							
	PLO1.3	PLO2.1	PLO2.2	PLO3.2	PLO4.1	PLO4.2		
	1.3.4	2.1.1	2.2.3	3.2.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3
CLO1.1	✓							
CLO1.2	✓							
CLO2.1		✓						
CLO2.2			✓					
CLO3.1				✓				
CLO4.1					✓			
CLO4.2						✓		
CLO4.3							✓	
CLO4.4								✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày được một số kiến thức chung về quản trị ngành công tác xã hội.	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.2	K3	Trình bày được các hoạt động quản trị công tác xã hội ở cấp độ tổ chức và nhân viên.	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO2.1	A3	Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp trong quản trị công tác xã hội.	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S3	Vận dụng kỹ năng công nghệ thông tin trong hoạt động quản trị công tác xã hội.	Thảo luận nhóm, Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Thực hiện thuyết trình các vấn đề liên quan đến quản trị ngành công tác xã hội.	Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO4.1	C3	Khái quát tình hình hoạt động của các cơ sở xã hội.	Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO4.2	C3	Xác định vấn đề của các đối tượng khó khăn yếu thế	Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO4.3	C3	Đánh giá nhu cầu của các đối tượng khó khăn yếu thế	Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO4.4	C3	Xây dựng các dịch vụ/hoạt động trợ giúp với cá nhân, nhóm	Đồ án	Phiếu đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	- Chuyên cần, thái độ học tập: Điểm danh trên LMS, GV đánh giá và lưu	Rubric 1			10%

	hồ sơ				
A1.2	- Thảo luận nhóm: SV nộp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO1.1	20%	40%
			CLO1.2	20%	
			CLO2.1	20%	
			CLO2.2	20%	
			CLO3.1	20%	
A1.3	- Thi trắc nghiệm; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	70%	50%
			CLO4.1	30%	
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A2.1	- Đồ án học phần: SV nộp đồ án cho GV, bảo vệ đồ án trước hội đồng, đồ án được đóng gói và lưu tại kho bài của nhà trường.	Rubric 3	CLO2.1	10%	100%
			CLO2.2	10%	
			CLO3.1	20%	
			CLO4.1	20%	
			CLO4.2	20%	
			CLO4.3	20%	
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,1 + A1.2 x 0,4 + A1.3 x 0,5) x 0,5 + A2.1 x 0,5					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham gia các buổi học trên lớp theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90% đến dưới 95% buổi học	Tham dự 85% đến dưới 90% buổi học	Tham dự 80% đến dưới 85% buổi học	Tham dự dưới 80% buổi học	50
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50
Hình thức trình bày báo cáo	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Thuyết trình báo cáo	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59%	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	20

				câu hỏi		
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40% thành viên tham gia	10

Rubric 3: Đánh giá bài A2.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung đề án	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50
Hình thức trình bày đề án	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Chất lượng bảo vệ đề án	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	30

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Trịnh Thị Chinh (Chủ biên), *Quản trị ngành công tác xã hội*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội, 2012.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Lê Chí An (Biên dịch), *Quản trị ngành Công tác xã hội* (Quản lý năng động và các mối tương quan nhân sự), 1998.

[3] Phạm Thị Phương, *Bài giảng Quản trị học*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội, 2011

7. Kế hoạch dạy học

7.1. Lý thuyết (3TC)

Tuần (số tiết)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
-------------------	----------	---------------------------	---------------------	--------------	--------------

1(4)	Chương 1. Lý luận chung về quản trị ngành công tác xã hội 1.1. Khái niệm, mục đích, vai trò của quản trị công tác xã hội 1.1.1. Khái niệm quản trị công tác xã hội 1.1.2. Phân loại quản trị công tác xã hội 1.1.3. Mục đích của quản trị công tác xã hội 1.2. Nhà quản trị công tác xã hội 1.2.1. Khái niệm nhà quản trị công tác xã hội. 1.2.2. Yêu cầu đối với nhà quản trị công tác xã hội	- Giới thiệu đề cương chi tiết học phần. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 13-52. - Lập email group của từng nhóm/hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với GV. - Tự học: Tầm quan trọng của quản trị công tác xã hội, vai trò của quản trị công tác xã hội	CLO1.1	A1.1, A1.3, A2.1
2(4)	Chương 1. Lý luận chung về quản trị ngành công tác xã hội (tiếp) 1.2.2. Yêu cầu đối với nhà quản trị công tác xã hội (tiếp) 1.2.3. Nhiệm vụ của nhà quản trị công tác xã hội 1.3. Một số lý thuyết cơ bản vận dụng trong quản trị công tác xã hội 1.3.1. Lý thuyết quản trị thời Trung Hoa cổ đại 1.3.2. Lý thuyết quản trị hành chính cổ điển	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 41-87. - Tự học: Nguyên tắc hành động của nhà quản trị công tác xã hội, quy điều đạo đức nghề nghiệp với nhà quản trị công tác xã hội	CLO1.1	A1.1, A1.3, A2.1
3(4)	Thảo luận nhóm: Phân tích nội dung và ứng dụng trong quản trị nhân sự của các quan điểm cơ bản trong lý thuyết quản trị thời Trung Hoa cổ đại.	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 73-82. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1	A1.1, A1.2
4(4)	Chương 1. Lý luận chung về quản trị ngành công tác xã hội (tiếp) 1.3.3. Lý thuyết tâm lý xã hội trong quản trị Chương 2: Nội dung hoạt động quản trị công tác xã hội ở cấp độ tổ chức 2.1. Tổ chức trong quản trị công tác xã hội 2.1.1. Khái niệm, phân loại tổ chức trong quản trị công tác xã hội 2.1.3. Xung đột và xử lý xung đột	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 87-102, từ trang 197-233. - Tự học: Lý thuyết tiếp cận văn hóa trong quản trị, các yếu tố cấu thành một tổ chức công tác xã hội, các kỹ thuật nhằm cải tiến tổ chức	CLO1.1, CLO1.2	A1.1, A1.3, A2.1

	trong tổ chức 2.1.4. Vai trò của nhân viên xã hội trong tổ chức				
5(4)	Chương 2: Nội dung hoạt động quản trị công tác xã hội ở cấp độ tổ chức (tiếp) 2.2. Hoạch định trong quản trị công tác xã hội 2.2.1. Khái niệm, phân loại hoạch định 2.2.1. Ý nghĩa của hoạch định 2.2.4. Tiến trình hoạch định trong quản trị công tác xã hội	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 233-252. - Tự học: Nội dung, nguyên tắc hoạch định, một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạch định, ứng dụng quy trình hoạch định trong quản trị công tác xã hội	CLO1.2	A1.1, A1.3, A2.1
6(4)	Chương 2: Nội dung hoạt động quản trị công tác xã hội ở cấp độ tổ chức (tiếp) 2.3. Lãnh đạo trong quản trị công tác xã hội 2.3.1. Khái niệm và vai trò của lãnh đạo 2.3.2. Một số kiểu phong cách của người lãnh đạo 2.3.3. Các nguyên tắc cơ bản trong lãnh đạo con người 2.4. Đánh giá, giám sát trong quản trị nhân sự công tác xã hội 2.4.1. Khái niệm, mục đích của đánh giá, giám sát 2.4.2. Tiến trình đánh giá 2.4.3. Một số tiêu chí đánh giá 2.4.4. Cách thức và kỹ thuật đánh giá	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 252-276, từ trang 359-376.. - Tự học: Một số kỹ năng cơ bản của người lãnh đạo, tiêu chí đánh giá năng lực lãnh đạo của người lãnh đạo, nội dung, hình thức giám sát nhân viên, các kỹ năng cơ bản sử dụng trong đánh giá, giám sát	CLO1.2	A1.1, A1.3, A2.1
7(4)	Thảo luận nhóm: Xây dựng tình huống và thể hiện các kiểu phong cách của người lãnh đạo	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 252-276. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1	A1.1, A1.2
8(4)	Chương 3: Nội dung hoạt động quản trị công tác xã hội ở cấp độ nhân viên 3.1. Quản lý ca và các nhiệm vụ khác của nhà quản trị 3.1.1. Khái niệm quản lý ca 3.1.2. Các nguyên tắc quản lý ca 3.1.3. Ghi chép trong quản lý ca	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 105-162. - Tự học: Hồ sơ và quản lý hồ sơ trong quản lý ca, các nhiệm vụ khác của nhà	CLO1.2	A1.1, A1.3, A2.1

	3.2. Kiểm huấn trong quản trị công tác xã hội 3.2.1. Khái niệm, mục đích của kiểm huấn 3.2.3. Tiến trình kiểm huấn trong quản trị công tác xã hội 3.2.4. Vai trò, nhiệm vụ và yêu cầu chuyên môn của người kiểm huấn 3.2.5. Các kiểu kiểm huấn trong thực hành nghề nghiệp		quản trị, một số nguyên tắc kiểm huấn cơ bản, đặc điểm của người kiểm huấn có hiệu quả		
9(4)	Thảo luận nhóm: Xây dựng 1 phức trình công tác xã hội với cá nhân	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 105-134. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy Ao, bút dạ...	CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1	A1.1, A1.2
10(4)	Chương 3: Nội dung hoạt động quản trị công tác xã hội ở cấp độ nhân viên (tiếp) 3.3. Giao tiếp, truyền thông trong quản trị công tác xã hội 3.3.1. Khái niệm, ý nghĩa của giao tiếp, truyền thông 3.3.2. Vai trò, đặc điểm của giao tiếp trong quản trị công tác xã hội 3.3.3. Các nguyên tắc giao tiếp trong quản trị công tác xã hội 3.4. Giải tỏa stress với nhà quản trị công tác xã hội 3.4.1. Khái niệm stress cá nhân và stress công việc 3.4.2. Nhận dạng hiện tượng stress 3.4.5. Cách thức giải tỏa stress công việc của nhà quản trị công tác xã hội	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 162-194, từ trang 276-320. - Tự học: Một số kỹ năng giao tiếp hiệu quả, các cách thức truyền thông hiệu quả, ảnh hưởng của stress, các nguyên nhân gây ra stress	CLO1.2	A1.1, A1.3, A2.1
11(4)	Thảo luận nhóm: Xây dựng và thể hiện tình huống về các kỹ năng giao tiếp hiệu quả	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 162-194. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy Ao, bút dạ...	CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1	A1.1, A1.2
12(1)	Ôn tập kiến thức lý thuyết				

7.2. Đồ án học phần (1TC)

Tuần	Nội dung hoạt động	Địa điểm/không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Kết quả cần đạt được	CĐR học phần	Bài đánh giá
------	--------------------	-------------------------------	-------------------------	----------------------	--------------	--------------

1(3)	Hướng dẫn làm đồ án	Tuỳ chọn	- Xây dựng đề cương chi tiết	S3 S2 C3 C3	CLO2.2 CLO3.1 CLO4.1 CLO4.2	A1.1, A2.1
2(4)	Làm đồ án	Tuỳ chọn	- Tìm hiểu vấn đề và các mô hình dịch vụ/hoạt động trợ giúp các đối tượng khó khăn yếu thế	S3 S2 C3 C3	CLO2.2 CLO3.1 CLO4.1 CLO4.2	A1.1, A2.1
3(4)	Làm đồ án	Tuỳ chọn	- Xác định, đánh giá nhu cầu của đối tượng khó khăn yếu thế	S3 S2 C3 C3	CLO2.2 CLO3.1 CLO4.1 CLO4.2	A1.1, A2.1
4(4)	Làm đồ án	Tuỳ chọn	- Xây dựng các dịch vụ/hoạt động trợ giúp đối tượng khó khăn yếu thế	S3 S2 C3 C3	CLO2.2 CLO3.1 CLO4.1 CLO4.3	A1.1, A2.1

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Võ Thị Cẩm Ly

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0962248209; lyvtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội.

Giảng viên 2: TS. Ông Thị Mai Thương

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0977005095; ongmaithuong@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội, chính sách xã hội

Giảng viên 3: ThS. Phan Thị Thuý Hà

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0914912918; haptt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 4: ThS. Phùng Văn Nam

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0941250777; phungvannam@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, An sinh xã hội, Xã hội học

Giảng viên 5: ThS. Nguyễn Thị Hoài An

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0868214777; annth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 6: ThS. Trần Thị Khánh Dung

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0967237108; dungttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 7: ThS. Phạm Thị Oanh

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0986529426; oanhpt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Xã hội học đại cương (tiếng Anh): General Sociology	
- Mã số học phần: SOW20001	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành	
☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc	☐ Tự chọn
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 30	

		trong quá trình thảo luận nhóm		
CLO3.1	S2	Tham gia hoạt động trong các nhóm đa ngành	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.1	C3	Nắm bắt các vấn đề xã hội và ảnh hưởng của môi trường xã hội đến hành vi của cá nhân, nhóm và cộng đồng.	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ % trong đánh giá học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	Sự chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO 2.1	50%	10 %
			CLO 3.1	50%	
A1.2	Bài tập cá nhân Nộp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO 1.1	50%	10%
			CLO 2.1	50%	
A1.3	Bài thảo luận nhóm Nộp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO 1.2	50%	10%
			CLO 2.1	25%	
			CLO 3.1	25%	
A 1.4.	Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.	Đáp án	CLO 1.1	100%	20%
A2. Đánh giá cuối kỳ					50%
A 2.1	- Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.	Đáp án	CLO 1.1	60%	100%
			CLO 4.1	40%	
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,1 + A1.2 x 0,3 + A1.3 x 0,3 + A1.4 x 0,3) x 0,5 + A2.1 x 0,5					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham dự theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90%-dưới 95% buổi học	Tham dự 85%-dưới 90% buổi học	Tham dự 80%-dưới 85% buổi học	Tham dự <80% buổi học	50%
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50%

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung bài tập	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	70

Hình thức trình bày bài tập	Thông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Thông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Thông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Thông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều thông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	30
-----------------------------	--	--	--	--	--	----

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50
Hình thức trình bày báo cáo	Thông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Thông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Thông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Thông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều thông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Thuyết trình báo cáo	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	20
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40% thành viên tham gia	10

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, *Giáo trình xã hội học đại cương*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2016.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên), *Xã hội học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2015.

[3] Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu Xã hội học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2004.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
1 (3 tiết)	Chương 1: Đối tượng, chức năng và lịch sử ra đời, phát triển của Xã hội học 1.1. Khái niệm xã hội học và đối tượng nghiên cứu của xã hội học 1.2. Chức năng của XHH	- Giới thiệu đề cương chi tiết học phần. - Thuyết trình	- Chuẩn bị giáo trình Xã hội học đại cương - Đọc tài liệu 1 trang 15 -31 Tự học: chức năng tư tưởng	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.4 A2.1

2 (3 tiết)	1.3 Điều kiện, tiền đề của sự ra đời và phát triển xã hội học Bài tập cá nhân: Mỗi quan hệ của xã hội học với các ngành khoa học khác, liên hệ với ngành học bản thân.	- Thuyết trình - Ôn tập, củng cố kiến thức. - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu 1 trang 15 -31 - Tự học: Góc nhìn của Xã hội học	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.2 A1.4 A2.1
3 (3 tiết)	1.4 Đóng góp của một số nhà xã hội học kinh điển 1.5 Quan hệ giữa xã hội học với một số ngành khoa học khác	- Thuyết trình - Ôn tập, củng cố kiến thức	- Đọc tài liệu 1 trang 37-72 - Tự học : một số tác giả kinh điển Spencer, E. Durkheim	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.3 A1.4 A2.1
4 (tiết)	Chương 2: Lý thuyết và Phương pháp nghiên cứu Xã hội học 2.1. Một số lý thuyết cơ bản trong XHH 2.1.1. Lý thuyết cấu trúc chức năng 2.1.2. Lý thuyết xung đột xã hội 2.1.3. Lý thuyết tương tác biểu trưng	- Thuyết trình - Ôn tập, củng cố kiến thức.	- Đọc tài liệu 1 trang 79-91 - Tự học: Lý thuyết cấu trúc chức năng	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.3 A2.1
5 (3 tiết)	2.2 Phương pháp nghiên cứu XHH 2.2.1. Khái quát chung về nghiên cứu xã hội học 2.2.1.1. Khái niệm 2.2.1.2. Các dạng nghiên cứu xã hội học 2.2.2. Các bước tiến hành một nghiên cứu xã hội học cụ thể 2.2.2.1. Xác định vấn đề nghiên cứu và đặt tên đề tài 2.2.2.2. Tổng quan tài liệu 2.2.2.3. Xác định mục đích nghiên cứu, đề xuất câu hỏi/giả thuyết nghiên cứu 2.2.2.4. Lựa chọn phương pháp nghiên cứu và thu thập dữ liệu 2.2.2.5. Xử lý, phân tích dữ liệu và viết báo cáo	- Thuyết trình - Ôn tập, củng cố kiến thức. - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu 1 trang 103 - 118 - Tự học: Các loại nghiên cứu	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1
6 (3 tiết)	Thảo luận nhóm 2.2 Phương pháp nghiên cứu XHH 2.2.3.1 Phân tích tài liệu 2.2.3.2 Quan sát 2.2.3.3. Phỏng vấn sâu 2.2.3.4. Thảo luận nhóm tập trung 2.2.3.5. Điều tra bằng bảng hỏi Bài tập nhóm 1: Hãy viết đề cương nghiên cứu của 1 đề tài nghiên cứu cụ thể	- Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu 1 trang 118 - 123 - Tự học: Phương pháp Quan sát	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1
7 (3 tiết)	Chương 3: Hành động xã hội, Tương tác xã hội và Quan hệ xã hội 3.1 Hành động xã hội 3.3.1 Khái niệm hành động xã hội	- Thuyết trình - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu 1 trang 133 - 161 - Tự học:	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.3 A2.1

	3.3.2. Phân loại hành động xã hội 3.2 Tương tác xã hội 3.2.1. Khái niệm tương tác xã hội 3.2.2. Phân loại tương tác xã hội		Phân loại tương tác xã hội và quan hệ xã hội		
8 (3 tiết)	Chương 4: Cấu trúc và thiết chế xã hội 4.1 Khái niệm cấu trúc xã hội 4.1.1. Khái niệm cấu trúc xã hội 4.1.2. Các thành tố của cấu trúc xã hội 4.2 Các khái niệm liên quan đến cấu trúc xã hội	- Thuyết trình Ôn tập, củng cố kiến thức.	- Đọc tài liệu 1 trang 166 - 174 - Tự học: Một số thuật ngữ cốt lõi liên quan đến cấu trúc xã hội	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.3 A2.1
9 (3 tiết)	4.3. Thiết chế xã hội 4.2.1. Khái niệm thiết chế xã hội 4.2.2. Đặc trưng của thiết chế xã hội 4.2.3. Chức năng của thiết chế xã hội 4.2.4. Các thiết chế xã hội cơ bản 4.4. Các thiết chế xã hội cơ bản	- Thuyết trình - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu 1 trang 186 - 224 - Tự học: Sự biến đổi của các chức năng của thiết chế xã hội	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1
10 (3 tiết)	Chương 5: Bất bình đẳng xã hội, phân tầng xã hội, di động xã hội 5.1. Bất bình đẳng xã hội 5.2.1. Khái niệm bất bình đẳng xã hội 5.2.2. Các kiểu bất bình đẳng xã hội 5.2 Phân tầng xã hội 5.1.1. Khái niệm phân tầng xã hội 5.1.2. Các kiểu phân tầng xã hội	- Thuyết trình - Ôn tập, củng cố kiến thức.	- Đọc tài liệu 1 trang 241 - 250 - Tự học: Di động xã hội	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1
11 (3 tiết)	Chương 6: Văn hóa, Xã hội hóa và Biến đổi xã hội 6.1 Văn hóa 6.1.1 Khái niệm văn hóa 6.1.2. Các thành tố của văn hóa	- Thuyết trình - Ôn tập, củng cố kiến thức.	- Đọc tài liệu 1 trang 282 - 311 - Tự học: Cấu trúc của văn hóa; các loại hình văn hóa	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1
12 (3 tiết)	6.2 Xã hội hóa 6.2.1. Khái niệm xã hội hóa	- Thuyết trình - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu 1 trang 318 - 345 - Tự học: Quan niệm về quá trình xã hội hóa theo một số tác giả	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1
13 (3 tiết)	6.2 Xã hội hóa (tiếp) 6.2.2. Môi trường xã hội hóa	- Thuyết trình - Ôn tập, củng cố kiến thức.	- Đọc tài liệu 1 trang 318 - 345 - Tự học: Phân đoạn của quá trình xã hội hóa	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1
14	6.3 Biến đổi xã hội 6.3.1. Khái niệm biến đổi xã hội	- Thuyết trình - Làm việc	Đọc tài liệu 1 trang 349 -	CLO1.1 CLO2.1	A1.1 A1.3

(3 tiết)	6.3.2. Đặc điểm của biến đổi xã hội	nhóm	361 - Tự học: Điều kiện dẫn đến biến đổi xã hội	CLO3.1 CLO4.1	A2.1
15 (3 tiết)	6.3 Biến đổi xã hội (tiếp) 6.3.3. Nguyên nhân của biến đổi xã hội	- Ôn tập củng cố kiến thức - Thuyết trình	Độc tài liệu 1 trang 349 - 361 - Tự học: ôn tập	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU CÔNG TÁC XÃ HỘI**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Ông Thị Mai Thương

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0977005095; ongmaithuong@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội, chính sách xã hội

Giảng viên 2: ThS. Phan Thị Thuý Hà

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0914912918; haptt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Thiết kế nghiên cứu Công tác xã hội (tiếng Anh): Reseach methods in social work	
- Mã số học phần: SOW30032	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành	
☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc	☐ Tự chọn
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận nhóm/bài tập: 15 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: + Học phần học trước:	
Mã số HP: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài tập nhóm và bài tập cá nhân	
- Bộ môn phụ trách học phần: Công tác xã hội Điện thoại: Email:	

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: phương pháp luận khoa học, một số phương pháp nghiên cứu CTXH cụ thể và việc vận dụng các phương pháp này trong quá trình thiết kế nghiên cứu các vấn đề xã hội cũng như cá nhân, nhóm, cộng đồng. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về nghiên cứu CTXH, các giai đoạn nghiên cứu công tác xã hội. Người học biết vận dụng những vấn đề lý luận vào thực tế nghiên cứu công tác xã hội.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Thiết kế nghiên cứu trong Công tác xã hội giúp người học hiểu được những vấn đề thuộc về lý luận chung trong nghiên cứu công tác xã hội. Người học có thể vận dụng được các kỹ năng nghiên cứu của công tác xã hội vào nghiên cứu trong thực tiễn; phát triển năng lực tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả và thể hiện thuyết trình tự tin. Ngoài ra, học phần còn giúp người học tiếp tục rèn luyện thái độ tích cực, chủ động trong học tập, đồng thời có khả năng hiểu bối cảnh xã hội và môi trường liên quan đến hoạt động thiết kế nghiên cứu những vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực công tác xã hội.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO 1.2	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 3.1	PLO 4.1
	1.2.3	2.1.1	2.2.1	3.1.3	4.1.1
CLO1.1	✓				
CLO2.1		✓			
CLO2.2			✓		
CLO3.1				✓	
CLO4.1					✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày được các phương pháp cụ thể để thu thập thông tin trong nghiên cứu công tác xã hội. - Thiết kế một nghiên cứu công tác xã hội từ giai đoạn 1(chuẩn bị nghiên cứu) cho đến giai đoạn 4 (trình bày báo cáo của kết quả nghiên cứu).	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	-Trắc nghiệm khách quan - Tự luận
CLO2.1	S2	Thể hiện thái độ chủ động, tích cực trong quá trình học tập	- Hoạt động nhóm tại lớp học	- Phiếu đánh giá
CLO2.2	S2	-Vận dụng được các kỹ năng nghiên cứu của công tác xã hội vào thực hành nghiên cứu công tác xã hội	- Thảo luận nhóm	- Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Làm việc nhóm hiệu quả khi thảo luận trên lớp và thực hiện các bài tập nhóm về nhà	- Thảo luận nhóm	- Phiếu đánh giá
CLO4.1	C3	Thể hiện khả năng nhận diện các vấn đề thuộc lĩnh vực Công tác xã hội và thiết kế đề cương nghiên cứu về vấn đề này.	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Thảo luận nhóm	-Trắc nghiệm khách quan - Tự luận

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ % trong đánh giá học phần
A1. Đánh giá thường xuyên				50%

A1.1	Sự chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO 3.1	10%
A1.2	Bài tập cá nhân 1: So sánh phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính Nộp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO 1.1	5%
A1.3	Bài tập cá nhân 2: Phân tích ưu điểm và nhược điểm của các loại câu hỏi trong phương pháp điều tra bằng bảng hỏi Nộp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO 1.1	5%
A1.4	Bài tập nhóm lần 1: Lựa chọn một vấn đề thuộc lĩnh vực Công tác xã hội và xây dựng bảng hỏi nghiên cứu cho vấn đề đó Nộp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 4	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 3.1 CLO 4.1	5%
A1.5	Bài tập nhóm lần 2: Lựa chọn một vấn đề thuộc lĩnh vực Công tác xã hội và thiết kế đề cương nghiên cứu cho vấn đề đó. Nộp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 3.1 CLO 4.1	5%
A 1.6	Đánh giá giữa kỳ - Thi trắc nghiệm khách quan; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO 1.1	20%
A2. Đánh giá cuối kỳ				50%
A 2.1	- Bài thi tự luận; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.	Đáp án	CLO 1.1 CLO 4.1	100%
Công thức tính điểm tổng kết: $A1.1 \times 0.1 + A1.2 \times 0.1 + A1.3 \times 0,05 + A1.4 \times 0,05 + A1.5 \times 0,2 + A2.1 \times 0,5$				

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham gia các buổi học trên lớp theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90% đến dưới 95% buổi học	Tham dự 85% đến dưới 90% buổi học	Tham dự 80% đến dưới 85% buổi học	Tham dự dưới 80% buổi học	50
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung bài tập	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	70

				cầu		
Hình thức trình bày bài tập	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính tả 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính tả 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính tả 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	30

Rubric 3: Tiêu chí đánh giá bài tập A1.3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung bài tập	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	70
Hình thức trình bày bài tập	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính tả 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính tả 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính tả 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	30

Rubric 4: Đánh giá bài A1.4

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50
Hình thức trình bày báo cáo	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính tả 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính tả 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính tả 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Thuyết trình báo cáo	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	20
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40% thành viên tham gia	10

Rubric 4: Đánh giá bài A1.5

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu	Đáp ứng 70% đến	Đáp ứng 55% đến dưới 69%	Đáp ứng 40% đến	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50

	cầu trở lên	dưới 84% yêu cầu	yêu cầu	dưới 54% yêu cầu		
Hình thức trình bày báo cáo	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính tả 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính tả 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính tả 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Thuyết trình báo cáo	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	20
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40%-thành viên tham gia	10

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Trần minh Điền, Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Trung Hải, *Phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong Công tác xã hội*, NXB Bách khoa Hà Nội, 2022.

[2] Phạm Văn Quyết – Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu Xã hội học*”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Học viện Thanh Thiếu Niên Việt Nam, *Tập bài giảng Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội*, Hà Nội, 2019.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
Chương 1: Những vấn đề chung về phương pháp nghiên cứu Công tác xã hội					
1 (4 tiết)	- Nội dung: 1.1. Khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm và lĩnh vực nghiên cứu trong Công tác xã hội 1.2. Thiết kế nghiên cứu trong Công tác xã hội 1.3. Vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong nghiên cứu	- Thuyết trình - Phương pháp hỏi - đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Sinh viên đọc tài liệu số [1] từ trang 3 đến trang 22. - 1.4. Nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu Công tác xã hội	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.5 A2.1
2 (4 tiết)	- Nội dung: 1.5. Một số phương pháp nghiên cứu cơ bản trong Công tác xã hội	- Thuyết trình - Phương pháp làm việc nhóm	Sinh viên đọc trước tài liệu ở nhà. Tài liệu số [1] từ trang 22 đến trang 43. - Bài tập cá nhân 1: So sánh phương pháp nghiên cứu định lượng	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.5 A2.1

			và nghiên cứu định tính		
Chương 2: Phương pháp chọn mẫu và phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi					
3 (4 tiết)	- Nội dung: 2.1. Phương pháp chọn mẫu	- Thuyết trình - Phương pháp làm việc nhóm	- Thực hiện thuyết trình về chủ đề này. Tự học: Tìm kiếm các ví dụ về chọn mẫu phi xác suất	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.3 A1.5 A2.1
4 (4 tiết)	- Nội dung: 2.1.2. Các loại hình chọn mẫu (tiếp)	- Phương pháp thảo luận nhóm - Phương pháp Hỏi đáp	- Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 239 đến 247.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.3 A1.5 A2.1
5 (4 tiết)	Tổ chức hoạt động thảo luận nhóm trên lớp - Nội dung: Thực hành phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu Công tác xã hội	- Phương pháp làm việc nhóm: các nhóm triển khai thực hành các phương pháp chọn mẫu và báo cáo trên lớp - Phương pháp Hỏi đáp giữa các nhóm	- Hoàn thiện các bài tập nhóm sau khi trình bày trên cơ sở sự góp ý của các nhóm, giảng viên	CLO1.1 CLO3.1 CLO2.1	A2.1 A1.5 A3.1
6 (4 tiết)	- Nội dung: 2.2. Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi 2.2.1. Khái niệm, vai trò 2.2.2. Các dạng câu hỏi 2.2.3. Kết cấu bảng hỏi 2.2.4. Cách thức sử dụng câu hỏi trong bảng hỏi.	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp Hỏi đáp Phương pháp làm việc nhóm	Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 177 đến 199; tài liệu số [2] từ trang 141 đến 145. - Đọc giáo trình Phương pháp nghiên cứu trong CTXH - Bài tập nhóm lần 1: Lựa chọn một vấn đề thuộc lĩnh vực Công tác xã hội và xây dựng bảng hỏi nghiên cứu cho vấn đề đó.	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.2 A2.1
7 (4 tiết)	Trình bày bài tập thảo luận nhóm lần 1. Nội dung: Lựa chọn một vấn đề thuộc lĩnh vực Công tác xã hội và xây dựng bảng hỏi nghiên cứu cho vấn đề đó.	- Giảng viên hỗ trợ điều hành thảo luận, đánh giá kết quả bài tập nhóm và tổng kết vấn đề. - Phương pháp Hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Các nhóm cử đại diện trình bày bài tập nhóm. Các thành viên còn lại bổ sung những nội dung khác (nếu có) - Sau khi trình bày bài tập nhóm thì lấy ý kiến góp ý, phản biện của các sinh viên trong lớp.	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
Chương 3: Các phương pháp thu thập thông tin khác trong nghiên cứu Công tác xã hội					

8 (4 tiết)	Nội dung: 3.1. Phương pháp phân tích tài liệu 3.1.1. Khái niệm về tài liệu 3.1.2. Phân loại tài liệu 3.1.3. Khái niệm phân tích tài liệu 3.1.4. Các loại phân tích tài liệu	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp làm việc nhóm	- Các nhóm cử đại diện trình bày bài tập nhóm. Các thành viên còn lại bổ sung những nội dung khác (nếu có) - Tự học: Mỗi sinh viên tự chọn một chủ đề nghiên cứu, tự tìm 3 loại tài liệu có liên quan đến đối tượng nghiên cứu, phân loại các tài liệu tìm được	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
9 (4 tiết)	- Nội dung: 3.2. Phương pháp quan sát 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Các bước thực hiện quan sát 3.2.3. Các loại quan sát	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp làm việc nhóm	- Đọc tài liệu số [1] từ trang 239 đến trang 247; tài liệu số [2] từ trang 160 đến 167. - Cập nhật các thông tin trên Internet - Tự học: Ưu nhược điểm của phương pháp quan sát	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
10 (4 tiết)	3.3. Phương pháp phỏng vấn 3.3.1. Khái niệm 3.3.2. Các loại phỏng vấn 3.3.3. Quy tắc thực hiện phỏng vấn	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 213 đến trang 230. Tự học: Ưu nhược điểm của phương pháp phỏng vấn	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
Chương 4: Các giai đoạn thực hiện nghiên cứu trong Công tác xã hội					
11 (4 tiết)	Nội dung: 4.1. Giai đoạn 1: Chuẩn bị và xây dựng đề cương nghiên cứu 4.2. Giai đoạn 2: Triển khai nghiên cứu	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp làm việc nhóm: thực hành phương pháp phân tích thông tin	Đọc tài liệu số [1] từ trang 396 đến trang 432. - Tự học: Lập kế hoạch tổ chức nghiên cứu	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
12 (4 tiết)	Thảo luận trên lớp bài tập nhóm lần 2 - Nội dung: Lựa chọn một vấn đề thuộc lĩnh vực Công tác xã hội và thiết kế đề cương nghiên cứu cho vấn đề đó.	- Giảng viên hỗ trợ điều hành thảo luận, đánh giá kết quả bài tập nhóm và tổng kết vấn đề. - Phương pháp Hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Các nhóm cử đại diện trình bày bài tập nhóm. Các thành viên còn lại bổ sung những nội dung khác (nếu có) - Sau khi trình bày bài tập nhóm thì lấy ý kiến góp ý, phản biện của các sinh viên trong lớp.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1

13 (4 tiết)	Nội dung: 4.3. Giai đoạn 3: Báo cáo kết quả nghiên cứu 4.3.1. Chuẩn bị báo cáo kết quả 4.3.2. Cấu trúc một báo cáo kết quả nghiên cứu	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp làm việc nhóm: thực hành phương pháp phân tích thông tin	Đọc tài liệu số [1] từ trang 377 đến trang 386.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.4 A2.1
14 (3 tiết)	Hoạt động thảo luận trên lớp Nội dung: - Mỗi nhóm lựa chọn một vấn đề và thực hành các loại phỏng vấn. - Nhận xét về ưu nhược điểm của phương pháp phỏng vấn, các loại hình phỏng vấn.	- Giảng viên điều hành thảo luận nhóm, các nhóm trình bày kết quả thảo luận - Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Các nhóm cử đại diện trình bày bài tập nhóm. Các thành viên còn lại bổ sung những nội dung khác (nếu có) - Sau khi trình bày bài tập nhóm thì lấy ý kiến góp ý, phản biện của các sinh viên trong lớp.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
15 (4 tiết)	Ôn tập kiến thức lý thuyết đã học - Nội dung: chương 1,2,3,4,5	Giảng viên: Hệ thống hóa lại những kiến thức lý thuyết của học phần. - Đặt ra các câu hỏi nhanh để kiểm tra kiến thức, khả năng tổng hợp của sinh viên.	Tự xây dựng lịch trình ôn tập dựa trên sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.4 A2.1

8. Nhiệm vụ của người học:

9. Ngày phê duyệt:

10. Cấp phê duyệt:

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN AN SINH XÃ HỘI**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: ThS. Phùng Văn Nam

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0941250777, phungvannam@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, An sinh xã hội, Xã hội học

Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Hoài An

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0868214777; annth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): An sinh xã hội (tiếng Anh): Social Protection	
- Mã số học phần: SOW30001	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Mã số HP: + Học phần học trước: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% trở lên + Sinh viên/nhóm phải nộp đầy đủ các sản phẩm theo quy định.	
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại: 0941250777 Email: phungvannam@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

An sinh xã hội là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội. Học phần giúp người học nhận diện một cách khái quát về an sinh xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. Người học được tích lũy các kiến thức, kỹ năng để đảm bảo an sinh xã hội; được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp với phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự chủ quá trình học tập của bản thân.

3. Mục tiêu học phần

Học phần An sinh xã hội giúp người học trình bày một số kiến thức chung về an sinh xã hội, hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam; thể hiện kỹ năng nghiên cứu, khám phá tri thức khoa học ngành công tác xã hội; có khả năng làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp; nắm bắt môi trường xã hội, các chính sách và giải pháp an sinh xã hội hiện hành. Từ đó, đưa ra được

các cách thức để đảm bảo an sinh xã hội cho người dân nói chung và đối tượng khó khăn, yếu thế nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo			
	PLO1.2	PLO2.2	PLO3.1	PLO4.1
	1.2.2	2.2.1	3.1.3	4.1.1
CLO1.1	✓			
CLO1.2	✓			
CLO2.1		✓		
CLO3.1			✓	
CLO4.1				✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày một số kiến thức chung về an sinh xã hội	Thuyết trình, hướng dẫn bài tập, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.2	K3	Trình bày hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam	Thuyết trình, hướng dẫn bài tập, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO2.1	S2	Thể hiện kỹ năng nghiên cứu, khám phá tri thức khoa học ngành công tác xã hội	Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO3.1	S2	Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.1	C3	Nắm bắt môi trường xã hội, các chính sách và giải pháp an sinh xã hội hiện hành	Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	- Chuyên cần, thái độ học tập: Điểm danh trên LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 1			10%
A1.2	- Bài tập cá nhân: SV nộp bài qua LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO1.1	40%	30%
			CLO1.2	40%	
			CLO2.1	20%	
A1.3	- Thảo luận nhóm: SV nộp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO1.1	30%	30%
			CLO1.2	30%	
			CLO2.1	20%	
			CLO3.1	20%	
A1.4	- Thi trắc nghiệm; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	40%	30%
			CLO2.1	30%	
			CLO4.1	30%	
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A2.1	- Thi tự luận; Trung tâm Đảm bảo chất	Đáp án	CLO1.1	30%	100%

	lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ		CLO1.2	30%	
			CLO2.1	20%	
			CLO4.1	20%	
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,1 + A1.2 x 0,3 + A1.3 x 0,3 + A1.4 x 0,3) x 0,5 + A2.1 x 0,5					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham gia các buổi học trên lớp theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90% đến dưới 95% buổi học	Tham dự 85% đến dưới 90% buổi học	Tham dự 80% đến dưới 85% buổi học	Tham dự dưới 80% buổi học	50
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung bài tập	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	70
Hình thức trình bày bài tập	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	30

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50
Hình thức trình bày báo cáo	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Thuyết trình báo cáo	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	20

	hỏi			40%-59% câu hỏi		
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40% thành viên tham gia	10

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Nguyễn Hải Hữu (Chủ biên), *Giáo trình Nhập môn an sinh xã hội*, NXB Lao động - Xã hội, 2012.

[2] Nguyễn Văn Định, *Giáo trình An sinh xã hội*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2008.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Nguyễn Văn Chiêu, *Chính sách An sinh xã hội và vai trò của nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, 2014.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần (số tiết)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
1(3)	Chương 1: Một số vấn đề chung về an sinh xã hội 1.1. Khái niệm và các khái niệm có liên đến an sinh xã hội 1.2. Đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu của an sinh xã hội	- Giới thiệu đề cương chi tiết học phần. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 46-88. - Lập email group của từng nhóm/hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với GV. - Tự học: Đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu của an sinh xã hội	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
2(3)	Chương 1: Một số vấn đề chung về an sinh xã hội (tiếp) 1.3. Chức năng, vai trò và các nguyên tắc cơ bản của an sinh xã hội	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 109-140. - Tự học: Vai trò của an sinh xã hội	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
3(3)	Chương 1: Một số vấn đề chung về an sinh xã hội (tiếp) 1.3. Chức năng, vai trò và các nguyên tắc cơ bản của an sinh xã hội (tiếp) 1.4. Vai trò của các thành phần trong việc phát triển an sinh xã hội 1.5. Mối quan hệ của an sinh xã hội với một số lĩnh vực khác	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 88-103 và từ trang 153-159. - Tự học: Cấu trúc của an sinh xã hội	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1

4(3)	Chương 1: Một số vấn đề chung về an sinh xã hội (tiếp) 1.5. Mối quan hệ của an sinh xã hội với một số lĩnh vực khác (tiếp)	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 88-103. - Tự học: An sinh xã hội với hội nhập quốc tế	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
5(3)	Thảo luận nhóm: Phân tích thực trạng, đề xuất giải pháp đảm bảo ASXH cho nông dân ở Việt Nam	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 88-103. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1	A1.1, A1.3
6(3)	Chương 2: Cơ sở khoa học của an sinh xã hội 2.1. Lịch sử hình thành và phát triển an sinh xã hội trên thế giới 2.2. Các quan điểm, học thuyết cơ bản về an sinh xã hội	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 20-41. - Tự học: Lý thuyết về chia sẻ trách nhiệm xã hội.	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
7(3)	Chương 2: Cơ sở khoa học của an sinh xã hội (tiếp) 2.3. Các trường phái an sinh xã hội trên thế giới 2.4. Mô hình an sinh xã hội của một số nước trên thế giới	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 103-107 và từ trang 159-194. - Tự học: Mô hình an sinh xã hội của một số nước châu Á.	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
8(3)	Thảo luận nhóm: Từ mô hình an sinh xã hội của các nước trên thế giới, hãy đề xuất mô hình an sinh xã hội phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam hiện nay	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 159-194. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1	A1.1, A1.3
9(3)	Chương 2: Cơ sở khoa học của an sinh xã hội (tiếp) 2.5. Các chỉ số đánh giá an sinh xã hội	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 141-153. - Tự học: Chỉ số tài chính	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
10(3)	Bài tập cá nhân: Tính toán chỉ số bao phủ, chỉ số tác động của các hợp phần an sinh xã hội	- Bài tập cá nhân.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 141-153.	CLO1.1, CLO2.1	A1.1, A1.2

11(3)	Chương 3: Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam 3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến hệ thống an sinh xã hội 3.2. Các mô hình và bài học kinh nghiệm để phát triển an sinh xã hội	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 194-200 và từ trang 201-225. - Tự học: Các trường phái và mô hình an sinh xã hội, kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới ảnh hưởng đến hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam.	CLO1.2	A1.1, A2.1, A3.1
12(3)	Chương 3: Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam (tiếp) 3.3. Thể chế chính sách an sinh xã hội	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 225-258. - Tự học: Một số văn bản pháp luật liên quan đến an sinh xã hội	CLO1.2	A1.1, A2.1, A3.1
13(3)	Bài tập cá nhân: Tính toán các chế độ, chính sách dành cho người có công với cách mạng/các đối tượng khó khăn, yếu thế	- Bài tập cá nhân.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 225-258.	CLO1.2, CLO2.1	A1.1, A1.2
14(3)	Chương 3: Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam (tiếp) 3.4. Thể chế tài chính an sinh xã hội 3.5. Thể chế tổ chức bộ máy và cán bộ thực hiện an sinh xã hội	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 258-271. - Tự học: Đội ngũ cán bộ tổ chức thực hiện an sinh xã hội.	CLO1.2	A1.1, A2.1, A3.1
15(3)	Thảo luận nhóm và ôn tập học phần: Phân tích thực trạng thất thu quỹ bảo hiểm xã hội/bội chi quỹ bảo hiểm y tế, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục	- Thảo luận nhóm.	- Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.2, CLO2.1, CLO3.1	A1.1, A1.3

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Ông Thị Mai Thương

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0977005095; ongmaithuong@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội, chính sách xã hội

Giảng viên 2: ThS. Phùng Văn Nam

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0941250777, phungvannam@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, An sinh xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Chính sách xã hội (tiếng Anh): Social Policy	
- Mã số học phần: SOW30002	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: + Học phần học trước:	
Mã số HP: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài tập nhóm và bài tập cá nhân	
- Bộ môn phụ trách học phần: Công tác xã hội Điện thoại: Email:	

2. Mô tả học phần

Chính sách xã hội là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống chính sách xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức lý thuyết cũng như phương pháp nghiên cứu chính sách xã hội để nhận diện, phân tích các vấn đề xã hội diễn ra trong thực tiễn hiện nay. Người học được hình thành những kỹ năng cần thiết như: nhận diện các vấn đề về chính sách xã hội; có khả năng tư duy phản biện đối với những bất cập, hạn chế trong quá trình thực hiện một số chính sách trong thực tiễn; kỹ năng cập nhật những thông tin mới về các chính sách trong lĩnh vực công tác xã hội.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Chính sách xã hội giúp người học hiểu được những nội dung cơ bản về hệ thống chính sách xã hội và phương pháp nghiên cứu chính sách xã hội ở Việt Nam. Người học có thể vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích quá trình thực hiện một số chính sách trong thực tiễn; phát triển năng lực tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả và thể hiện thuyết trình tự tin. Ngoài ra, học phần còn giúp người học tiếp tục rèn luyện thái độ tích cực, chủ động trong học tập và thể hiện tư duy nhận diện, phân tích ảnh hưởng của bối cảnh xã hội trong nước cũng như trên thế giới đến quá trình vận động hoạch định chính sách xã hội cụ thể.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo			
	PLO 1.2	PLO 2.2	PLO 3.1	PLO 4.1
	1.2.2	2.2.1	3.1.3	4.1.1
CLO1.1	✓			
CLO2.1		✓		
CLO3.1			✓	
CLO4.1				✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày những kiến thức lý luận cơ bản về chính sách xã hội; chính sách xã hội đối với các nhóm đối tượng yếu thế ở Việt Nam hiện nay	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	-Trắc nghiệm khách quan
CLO2.1	S2	Thể hiện kỹ năng phân tích thực tiễn triển khai thực hiện chính sách xã hội ở Việt Nam	- Thảo luận nhóm	- Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Làm việc nhóm hiệu quả khi thảo luận trên lớp và thực hiện các bài tập nhóm về nhà	- Thảo luận nhóm	- Phiếu đánh giá
CLO4.1	C3	Thể hiện khả năng nhận diện các vấn đề chính sách xã hội tác động tới cá nhân, nhóm và cộng đồng	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Thảo luận nhóm	-Trắc nghiệm khách quan - Phiếu đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ % trong đánh giá học phần
A1. Đánh giá thường xuyên				50%
A1.1	Sự chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO 3.1	10%
A1.2	Bài tập cá nhân: Trình bày quá trình hình thành chính sách xã hội trên thế giới và ở Việt Nam GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO 1.1	10%

A1.3	Bài tập nhóm lần 1: - Nội dung: Phân tích thực trạng chênh lệch giới tính khi sinh ở Việt Nam hiện nay - GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 3.1 CLO 4.1	5%
A1.4	Bài tập nhóm lần 2 - Nội dung: Thực trạng và giải pháp phòng chống xâm hại trẻ em ở Việt Nam. - GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 4	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 3.1 CLO 4.1	5%
A 1.5.	Đánh giá giữa kỳ - Thi trắc nghiệm; GV tự tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO 1.1	20%
A2. Đánh giá cuối kỳ				50%
A 2.1	- Bài thi tự luận; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.	Đáp án	CLO 1.1 CLO 4.1	
Công thức tính điểm tổng kết: $A1.1 \times 0.1 + A1.2 \times 0.1 + A1.3 \times 0.05 + A1.4 \times 0.05 + A1.5 \times 0.2 + A2.1 \times 0.5$				

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham gia các buổi học trên lớp theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90% đến dưới 95% buổi học	Tham dự 85% đến dưới 90% buổi học	Tham dự 80% đến dưới 85% buổi học	Tham dự dưới 80% buổi học	50
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung bài tập	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	70
Hình thức trình bày bài tập	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính tả 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính tả 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính tả 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	30

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu cầu	Đáp ứng 70% đến	Đáp ứng 55% đến dưới 69%	Đáp ứng 40% đến	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50

	cầu trở lên	dưới 84% yêu cầu	yêu cầu	dưới 54% yêu cầu		
Hình thức trình bày báo cáo	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính tả 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính tả 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính tả 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Thuyết trình báo cáo	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	20
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40%-thành viên tham gia	10

Rubric 4: Đánh giá bài A1.4

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50
Hình thức trình bày báo cáo	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính tả 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính tả 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính tả 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Thuyết trình báo cáo	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	20
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40%-thành viên tham gia	10

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Nguyễn Tiệp, *Giáo trình Chính sách xã hội*, NXB Lao động – xã hội, 2011.

[2] Nguyễn Tuấn Anh, *Giáo trình Chính sách xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Lê Ngọc Hùng, *Chính sách xã hội*, NXB Thế giới, 2017.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
Chương 1: Một số vấn đề chung về chính sách xã hội					
1 (3 tiết)	- Nội dung: + Khái niệm chính sách xã hội + Chức năng của chính sách xã hội + Yêu cầu đối với chính sách xã hội	- Thuyết trình - Phương pháp hỏi - đáp - Phương pháp làm việc nhóm	Sinh viên đọc tài liệu số [1] từ trang 3 đến trang 22. Tài liệu [2] từ trang 20 đến 38.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.5 A2.1
2 (3 tiết)	- Nội dung: + Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành của hệ thống chính sách xã hội + Quy trình của chính sách xã hội	- Thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp làm việc nhóm	Sinh viên đọc trước tài liệu ở nhà. Tài liệu số [1] từ trang 22 đến trang 43.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.5 A2.1
Chương 2: Quá trình phát triển và hệ thống chính sách xã hội ở Việt Nam					
3 (3 tiết)	- Nội dung: + Quá trình phát triển chính sách xã hội trên thế giới và ở Việt Nam + Tổng quan văn bản chính sách xã hội + Hệ thống chính sách xã hội ở Việt Nam	- Thuyết trình - Phương pháp làm việc nhóm	Sinh viên đọc trước tài liệu ở nhà. Tài liệu số [1] từ trang 45 đến trang 50. Bài tập cá nhân: Trình bày quá trình hình thành chính sách xã hội trên thế giới và ở Việt Nam	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.3 A1.5 A2.1
4 (3 tiết)	- Nội dung: + Một số phương pháp nghiên cứu chính sách + Đặc điểm nghiên cứu chính sách + Các bước tiến hành một nghiên cứu chính sách theo phương pháp Xã hội học	- Phương pháp thảo luận nhóm - Phương pháp Hỏi đáp	- Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 239 đến 247. - Hoạt động nhóm: mỗi nhóm lập sơ đồ tư duy các phương pháp thu thập thông tin chủ yếu trong nghiên cứu Chính sách xã hội theo phương pháp Xã hội học	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.3 A1.5 A2.1
5 (3 tiết)	Thảo luận nhóm trên lớp - Nội dung: + Các bước tiến hành một nghiên cứu chính sách theo phương pháp Xã hội học	- Trình bày các bài thảo luận nhóm - Phương pháp Hỏi đáp giữa các nhóm - Phương pháp làm việc nhóm	- Hoàn thiện các bài tập nhóm sau khi trình bày trên cơ sở sự góp ý của các nhóm, giảng viên	CLO1.1 CLO3.1 CLO2.1	A2.1 A1.5 A3.1
Chương 3: Chính sách dân số và chính sách việc làm					

6 (3 tiết)	- Nội dung: + Chính sách dân số + Quan điểm của Đảng về vấn đề dân số + Mục tiêu của chính sách dân số	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp Hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 177 đến 199; tài liệu số [2] từ trang 63 đến 79.	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.2 A2.1
7 (3 tiết)	- Nội dung: Chính sách việc làm	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp làm việc nhóm	Đọc tài liệu số [1] từ trang 311 đến trang 330 ; tài liệu số [2] từ trang 93 đến 107. - Tự học: Tổ chức thực hiện chính sách việc làm ở nước ta.	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
8 (3 tiết)	Thảo luận bài tập nhóm lần 1. - Nội dung: Phân tích thực trạng chênh lệch giới tính khi sinh ở Việt Nam hiện nay	- Giảng viên điều hành thảo luận nhóm, các nhóm trình bày kết quả thảo luận - Phương pháp Hỏi đáp Phương pháp làm việc nhóm	- Các nhóm cử đại diện trình bày bài tập nhóm. Các thành viên còn lại bổ sung những nội dung khác (nếu có) - Sau khi trình bày bài tập nhóm thì lấy ý kiến góp ý, phản biện của các sinh viên trong lớp. - Giảng viên hỗ trợ điều hành thảo luận, đánh giá kết quả bài tập nhóm và tổng kết vấn đề.	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
Chương 4: Chính sách xã hội trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo và chính sách bình đẳng giới					
9 (3 tiết)	- Nội dung: Chính sách xã hội trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo	- Phương pháp thuyết trình + Đặt một số câu hỏi nhanh về hệ thống giáo dục – đào tạo ở nước ta hiện nay - Phương pháp làm việc nhóm	- Đọc tài liệu số [1] từ trang 239 đến trang 247; tài liệu số [2] từ trang 145 đến 160. - Tự học: giải pháp cơ bản để thực hiện mục tiêu chính sách xã hội trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở nước ta.	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
10 (3 tiết)	- Nội dung: Chính sách bình đẳng giới.	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp làm việc nhóm	- Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 193 đến trang 205.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
Chương 5: Một số chính sách xã hội khác ở Việt Nam					
11 (3 tiết)	Nội dung: Chính sách phòng chống tệ nạn xã hội.	- Phương pháp thuyết trình +Giới thiệu và dạy lý thuyết (thuyết trình kết hợp slide) về khái niệm, phân loại tệ nạn xã hội - Phương pháp làm việc nhóm	Đọc tài liệu số [1] từ trang 396 đến trang 432. - Tự học: Quản lý nhà nước về tệ nạn ma túy và mại dâm.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
12	Thảo luận trên lớp	- Phương pháp thuyết trình	- Thực hiện thuyết trình	CLO1.1	A1.1

(3 tiết)	Chương 5: Một số chính sách xã hội khác ở Việt Nam (tiếp)	trình - Phương pháp làm việc nhóm	về chủ đề này. - Tự học: Tổ chức thực hiện chính sách đối với người cao tuổi	CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A2.1
13 (3 tiết)	Chương 5 (tiếp): Nội dung: Chính sách bảo vệ, chăm sóc trẻ em.	+ Giới thiệu một số chính sách xã hội đối với trẻ em (thuyết trình kết hợp slide) - Phương pháp làm việc nhóm	Đọc tài liệu số [2] trang 236 – 249. - Lấy các ví dụ liên quan đến chủ đề thảo luận	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.4 A2.1
14 (3 tiết)	Thảo luận bài tập nhóm lần 2. Nội dung: Thực trạng và giải pháp phòng chống xâm hại trẻ em ở Việt Nam.	- Giảng viên điều hành thảo luận nhóm, các nhóm trình bày kết quả thảo luận - Phương pháp Hỏi đáp Phương pháp làm việc nhóm	- Các nhóm cử đại diện trình bày bài tập nhóm. Các thành viên còn lại bổ sung những nội dung khác (nếu có) - Giảng viên hỗ trợ điều hành thảo luận, đánh giá kết quả bài tập nhóm và tổng kết vấn đề. - Đọc giáo trình Chính sách xã hội [2]. - Lấy các ví dụ liên quan đến chủ đề thảo luận	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
15 (3 tiết)	Ôn tập kiến thức lý thuyết đã học - Nội dung: chương 1,2,3,4,5	Giảng viên: Hệ thống hóa lại những kiến thức lý thuyết của học phần. - Đặt ra các câu hỏi nhanh để kiểm tra kiến thức, khả năng tổng hợp của sinh viên.	Tự xây dựng lịch trình ôn tập dựa trên sự hướng dẫn của giảng viên. Thực hiện ôn tập toàn bộ nội dung học phần	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.4 A2.1

8. Nhiệm vụ của người học:

9. Ngày phê duyệt:

10. Cấp phê duyệt:

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN THỰC HÀNH NGHIÊN CỨU CÔNG TÁC XÃ HỘI

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Ông Thị Mai Thương

Địa chỉ liên hệ: Khoa Du lịch và Công tác xã hội, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0977005095; ongmaithuong@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội, chính sách xã hội

Giảng viên 2: TS. Võ Thị Cẩm Ly

Địa chỉ liên hệ: Khoa Du lịch và Công tác xã hội, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0962248209; lyvtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội.

Giảng viên 3: ThS. Phan Thị Thúy Hà

Địa chỉ liên hệ: Khoa Du lịch và Công tác xã hội, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0914912918; haptt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 4: ThS. Phùng Văn Nam

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Du lịch và Công tác xã hội, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0941250777, phungvannam@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, An sinh xã hội, Xã hội học

Giảng viên 5: ThS. Nguyễn Thị Hoài An

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Du lịch và Công tác xã hội, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0868214777; annth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 6: ThS. Trần Thị Khánh Dung

Địa chỉ liên hệ: Khoa Du lịch và Công tác xã hội, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0967237108; dungttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 7: ThS. Phạm Thị Oanh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Du lịch và Công tác xã hội, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0986529426; oanhpt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Thực hành nghiên cứu Công tác xã hội (tiếng Anh): Practice Social Work Research

- Mã số học phần: SOW31011	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 04 + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 60 + Số tiết tự học: 120	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: + Học phần học trước:	
Mã số HP: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại: 0941250777 Email: phungvannam@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Thực hành nghiên cứu Công tác xã hội là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Công tác xã hội ở phân kỳ 4. Sau khi sinh viên hoàn thành học phần Thiết kế nghiên cứu Công tác xã hội ở phân kỳ 2, đây là học phần giúp người học vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học với thái độ phù hợp để thực hành thiết kế nghiên cứu vấn đề Công tác xã hội cụ thể, sử dụng các phương pháp thu thập thông tin đã học và viết báo cáo kết quả nghiên cứu trong thực tiễn.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Thực hành nghiên cứu Công tác xã hội giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành thực hành trong môi trường nghề nghiệp; thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội. Đồng thời sinh viên có khả năng xác định, đánh giá vấn đề, xây dựng và thực hiện hoạt động trợ giúp với cá nhân, nhóm và cộng đồng.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo									
	PLO 1.2	PLO 2.1	PLO 2.2			PLO 3.2		PLO 4.2		
	1.2.3	2.1.1	2.2.1	2.2.2	2.2.3	3.2.2	3.2.3	4.2.1	4.2.2	4.2.3
CLO 1.1	✓									
CLO 2.1		✓								
CLO 2.2			✓							
CLO 2.3				✓						
CLO 2.4					✓					
CLO 3.1						✓				
CLO 3.2							✓			
CLO 4.1								✓		
CLO 4.2									✓	
CLO 4.3										✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
--------------------	-------------------	--------------------	---------------------	----------------------

CLO 1.1	K3	Áp dụng kiến thức lý thuyết và phương pháp nghiên cứu công tác xã hội để khám phá tri thức khoa học về công tác xã hội	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO 2.1	A3	Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp trong quá trình làm việc với các cá nhân và tổ chức xã hội	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO 2.2	S3	Thể hiện kỹ năng nghiên cứu, khám phá tri thức khoa học ngành công tác xã hội tại các cơ sở nghiên cứu, thực hành công tác xã hội	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO 2.3	S3	Thể hiện tư duy sáng tạo, phân biệt trong thực hành công tác xã hội	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO 2.4	S3	Vận dụng kỹ năng công nghệ thông tin trong công việc và nghiên cứu công tác xã hội	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO 3.1	S3	Vận dụng giao tiếp trực tiếp và gián tiếp hiệu quả	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO 3.2	S2	Sử dụng ngoại ngữ trong quá trình tìm tài liệu tổng quan về vấn đề nghiên cứu	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO 4.1	C4	Xác định vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO 4.2	C4	Đánh giá vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO 4.3	C4	Xây dựng hoạt động trợ giúp với cá nhân, nhóm và cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	Đánh giá ý thức thái độ	Rubric 1 Phiếu đánh giá	CLO2.1	50%	20%
			CLO3.1	50%	
A.1.2	Đánh giá tiến độ đồ án	Rubric 2 Báo cáo	CLO2.2	40%	20%
			CLO2.4	30%	
			CLO3.1	30%	
A1.3	Seminar	Rubric 3 Phiếu đánh giá	CLO1.1	40%	10%
			CLO2.3	30%	
			CLO2.4	30%	
A2. Đánh giá cuối kỳ					50%
A2.1	Hội đồng đánh giá nghiệm thu	Rubric 4	CLO3.2	25%	

	đồ án		CLO4.1	25%	
			CLO4.2	25%	
			CLO4.3	25%	
Công thức tính điểm học phần: $A1.1 \times 0,1 + A1.2 \times 0,2 + A1.3 \times 0,2 + A2.1 \times 0,5$					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá				F (0-3.9)	Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)		
Mức độ tham gia các buổi đi thực tế	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90%-dưới 95% buổi học	Tham dự 85%-dưới 90% buổi học	Tham dự 80%-dưới 85% buổi học	Tham dự <80% buổi học	50%
Mức độ tham gia các hoạt động thực tế	Tham dự từ 95% hoạt động trở lên	Tham dự 90%-dưới 95% hoạt động	Tham dự 85%-dưới 90% hoạt động	Tham dự 80%-dưới 85% hoạt động	Tham dự <80% hoạt động	50%

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Hình thành ý tưởng về đồ án	Xác định vấn đề nghiên cứu trên 90% yêu cầu	Xác định vấn đề nghiên cứu 80- dưới 90% yêu cầu	Xác định vấn đề nghiên cứu 75%-dưới 80% yêu cầu	Xác định cơ bản vấn đề nghiên cứu trên 70% yêu cầu.	Xác định vấn đề nghiên cứu dưới 70% yêu cầu.	40%
Thiết kế đồ án	- Lập luận, phân tích tốt. - Thiết kế cấu trúc đồ án trên 90% yêu cầu - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt.	- Lập luận, phân tích tốt. - Thiết kế cấu trúc đồ án 80- dưới 90% yêu cầu - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt.	- Lập luận, phân tích khá tốt. - Thiết kế cấu trúc đồ án 75%-dưới 80% yêu cầu - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt.	- Lập luận, phân tích ở mức cơ bản. - Thiết kế cấu trúc đồ án trên 70% yêu cầu. - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt.	- Lập luận, phân tích ở mức cơ bản. - Thiết kế cấu trúc đồ án dưới 70% yêu cầu. - Chưa đề xuất được giải pháp triển khai đồ án.	20%

Triển khai đồ án	- Triển khai đồ án bám sát vấn đề nghiên cứu, theo đúng kế hoạch trên 90% yêu cầu	- Triển khai đồ án bám sát vấn đề nghiên cứu dưới 90-trên 70% yêu cầu	- Triển khai đồ án đáp ứng khá tốt vấn đề nghiên cứu dưới 70%-trên 60% yêu cầu	- Triển khai đồ án đáp ứng cơ bản vấn đề nghiên cứu dưới 60 – trên 50% yêu cầu	- Triển khai đồ án từ dưới 50%	20%
Hình thức báo cáo	Trình bày khoa học, bố cục hợp lý	Trình bày có một vài lỗi chính tả, bố cục khá tốt	Trình bày có nhiều lỗi chính tả, bố cục đạt yêu cầu	Một số lỗi chính tả, bố cục không hợp lý	Trình bày sai quy cách	20%

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia seminar	-Thu thập và đưa ra nhiều tài liệu liên quan đến chủ đề seminar - Đưa ra những phân tích, lập luận rõ ràng, liên quan đến chủ đề	-Thu thập thông tin cơ bản về chủ đề - Tham gia tranh luận tích cực.	- Có đưa ra lập luận nhưng không rõ ràng.	- Chỉ tham gia vào tranh luận chủ đề khi giảng viên yêu cầu	- Không tham gia tranh luận	50%
Trả lời câu hỏi phản biện	Trả lời chính xác các câu hỏi	Trả lời được 2/3 số câu hỏi	- Trả lời được ½ số câu hỏi	- Trả lời được dưới 1/2 câu hỏi	Không trả lời được các câu hỏi	50%

Rubric 4: Đánh giá bài A2.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	

Nội dung đồ án Báo cáo thuyết minh bản Word	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành tốt.	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành khá tốt.	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành ở mức tạm được	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành ở mức cơ bản	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành chưa đạt yêu cầu	40%
Hình thức báo cáo	Trình bày khoa học, bố cục hợp lý	Trình bày có một vài lỗi chính tả, bố cục khá tốt	Trình bày có nhiều lỗi chính tả, bố cục đạt yêu cầu	Một số lỗi chính tả, bố cục không hợp lý	Trình bày sai quy cách	20%
Trình bày đồ án	- Slide thiết kế tốt. - Trình bày rõ ràng, cuốn hút.	- Slide thiết kế tốt. - Trình bày rõ ràng, trôi chảy.	- Slide thiết kế khá tốt. - Trình bày đầy đủ nội dung.	Có slide hỗ trợ thuyết trình - Trình bày chưa đầy đủ nội dung.	Có slide hỗ trợ thuyết trình Trình bày chưa đạt yêu cầu cơ bản	20%
Trả lời câu hỏi phản biện	Trả lời chính xác các câu hỏi	Trả lời 2/3 số câu hỏi	Trả lời 1/2 câu hỏi	Trả lời chưa chính xác các câu hỏi	Không trả lời câu hỏi	20%

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Trần Minh Điền, Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Trung Hải, *Phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong Công tác xã hội*, NXB Bách khoa Hà Nội, 2022.

[2] Phạm Văn Quyết – Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu Xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Học viện Thanh Thiếu Niên Việt Nam, *Tập bài giảng Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội*, Hà Nội, 2019.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CDR học phần
1 (4)	Hoạt động 1. Tổng quan về địa bàn thực hành nghiên cứu 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của địa phương 1.2. Đặc điểm về kinh tế - xã hội của địa phương	- Cơ sở thực tế	- Đến cơ sở thực tế và tìm hiểu chức năng nhiệm vụ của cơ sở thực tế - Lập group zalo của từng nhóm/hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với GV.	- Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển của địa bàn thực hành nghiên cứu	A1.1 A1.2	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2
2 (4)	Hoạt động 2. Thực hành tìm hiểu hệ thống tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất của địa phương 2.1. Hệ thống tổ	- Cơ sở thực hành	- Gặp gỡ lãnh đạo, nhân viên cơ sở thực hành để thu thập thông tin. - Tìm kiếm các văn bản, báo cáo có liên	- Thiết lập mối quan hệ với cán bộ cơ sở, kiểm huấn viên và có	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2

	chức, bộ máy 2.2. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức 2.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động		quan đến nội dung thực hành. - Tự học: thu thập thêm thông tin về cơ sở thực hành qua internet	các báo cáo liên quan đến nội dung thực hành		
3(4)	Hoạt động 3. Thực hành nghiên cứu công tác xã hội tại địa phương 3.1. Xác định vấn đề xã hội và lựa chọn đề tài nghiên cứu	- Cơ sở thực hành	Thu thập thông tin về các nhóm đối tượng trợ giúp, - Tự học: thu thập thêm thông tin về đối tượng qua các nghiên cứu đi trước	- Thu thập các thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu, từ đó xác định vấn đề nghiên cứu của đề án	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO4.1
4 (4)	3.2. Tổng quan tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu	- Cơ sở thực hành	- Lên kế hoạch thực hiện đề án và triển khai các hoạt động đề án	Sinh viên lập kế hoạch thực hiện đề án	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO4.2
5	3.3. Triển khai các phương pháp thu thập thông tin về đối tượng nghiên cứu	Cơ sở thực hành	- Lên kế hoạch thực hiện đề án và triển khai các hoạt động đề án	Sinh viên triển khai các phương pháp thu thập thông tin để thực hiện đề án	A.1.1 A1.2	CLO2.2 CLO3.2 CLO4.2
6 (4)	3.4. Hướng dẫn sinh viên xử lý và phân tích dữ liệu nghiên cứu	- Cơ sở thực hành	Sinh viên trình bày các thông tin đã thu thập được trong quá trình triển khai nghiên cứu tại địa phương	Sinh viên biết cách xử lý các thông tin đã thu thập	A1.3	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3
7	3.5. Hướng dẫn sinh viên viết báo cáo tổng kết	- Cơ sở thực hành	Sinh viên trình bày dữ liệu đã được xử lý	Sinh viên biết cách sử dụng dữ liệu để viết báo cáo kết quả	A1.3	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3
8 (4)	Semina về các kết quả thực tế: đề tài và kế hoạch đề án của cá nhân, khó khăn và thuận lợi triển khai đề án	Lớp học	Thảo luận nhóm Trình bày vấn đề nghiên cứu và kế hoạch đề án	Sinh viên trình bày rõ ràng, mạch lạc nội dung nghiên cứu	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO4.3
9 (4)	3.6. Thực trạng vấn đề nghiên cứu 3.7. Nguyên nhân	- Cơ sở thực hành	Triển khai các hoạt động đề án	Sinh viên thực hiện đề án	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3

10 (4)	3.8. Các chính sách, dịch vụ và nguồn lực trợ giúp.	- Cơ sở thực hành	Triển khai các hoạt động đồ án	Sinh viên thực hiện đồ án	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3
9 (4)	3.8. Các chính sách, dịch vụ và nguồn lực trợ giúp (tiếp)	- Cơ sở thực hành	Triển khai các hoạt động đồ án	Sinh viên thực hiện đồ án	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3
10 (4)	3.9. Nhận xét, đánh giá về các chính sách, dịch vụ và nguồn lực trợ giúp	- Cơ sở thực hành	Triển khai các hoạt động đồ án	Sinh viên thực hiện đồ án	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3
11 (4)	Tổng kết tại cơ sở thực hành	- Cơ sở thực hành	Đánh giá và kết thúc các hoạt động tại cơ sở	Sinh viên hoàn thành báo cáo	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO2.1 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3
12 (4)	Kết thúc thực tế đồ án Viết báo cáo đồ án	ở trường	Chỉnh sửa bản báo cáo đồ án, xin góp ý của giảng viên hướng dẫn	Báo cáo đồ án bản Word, PP	A.1.1 A2.1	CLO2.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3
13 (4)	Hoàn thiện đồ án Xây dựng slide trình chiếu	ở trường	Chỉnh sửa bản báo cáo, xin góp ý của giảng viên hướng dẫn	Báo cáo đồ án bản Word, PP	A.1.1 A2.1	CLO2.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3
14 (4)	Hoàn thiện báo cáo đồ án, hoàn thành các yêu cầu về sản phẩm đồ án	ở trường	Hoàn thành bản báo cáo chỉnh sửa theo góp ý của giảng viên hướng dẫn	Báo cáo đồ án bản Word, PP	A.1.1 A2.1	CLO2.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3
15 (4)	Hoàn thiện báo cáo đồ án, hoàn thành các yêu cầu về sản phẩm đồ án	ở trường	Hoàn thành bản báo cáo, nộp giảng viên hướng dẫn	Báo cáo đồ án bản Word, PP	A.1.1 A2.1	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI CÁ NHÂN**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Võ Thị Cẩm Ly

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0962248209; lyvtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội.

Giảng viên 2: ThS. Phạm Thị Oanh

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0986529426; oanhpt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Công tác xã hội với cá nhân (tiếng Anh): Social work with individuals	
- Mã số học phần: SOW30008	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 4 + Số tiết lý thuyết: 40 tiết + Số tiết thảo luận/bài tập: 20 tiết + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học: 120 tiết	
- Điều kiện đăng ký học: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Học phần tiên quyết: Nhập môn công tác xã hội Mã số HP: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% trở lên + Sinh viên phải nộp đầy đủ các sản phẩm theo quy định	
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội - Điện thoại: 0962248209 Email: lyvtc@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Học phần giúp sinh viên có kiến thức lý luận và thực tiễn chuyên sâu về công tác xã hội với cá nhân như: Khái niệm; các thành tố của công tác xã hội với cá nhân; vai trò của nhân viên công tác xã hội; lịch sử phát triển của công tác xã hội với cá nhân; các lý thuyết trong công tác xã hội với cá nhân; các nguyên tắc đạo đức trong công tác xã hội với cá nhân; đặc biệt là phương pháp và kỹ năng trong công tác xã hội với cá nhân. Bên cạnh đó môn học còn cung cấp khái niệm công tác xã hội với gia đình, lý thuyết trong công tác xã hội với gia đình; tiến trình công tác xã hội với gia đình và rèn luyện các kỹ năng trong công tác xã hội với gia đình.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị kiến thức về công tác xã hội với cá nhân để can thiệp hỗ trợ cho các thân chủ là các cá nhân và gia đình bằng phương pháp và kỹ năng trong công tác xã hội với cá nhân; Nắm bắt xu thế phát triển của nghề công tác xã hội trong nước và

quốc tế. Đồng thời, sinh viên có khả năng tổ chức và điều hành nhóm hiệu quả và thực hiện thuyết trình logic, thuyết phục. Bên cạnh đó, sinh viên thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội với cá nhân.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ảnh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ảnh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO 1.3		PLO2.1	PLO 3.1	PLO3.2	PLO 4.1
	1.3.1	1.3.2	2.1.2	3.1.1.	3.2.1	4.1.3
CLO1.1	✓					
CLO1.2		✓				
CLO2.1			✓			
CLO3.1				✓		
CLO3.2					✓	
CLO4.1						✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Giải thích mục đích, nguyên tắc, phương pháp của tiến trình công tác xã hội cá nhân để giải quyết vấn đề và nâng cao năng lực của thân chủ	Thuyết trình, hướng dẫn bài tập, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.2	K3	Diễn giải được các kỹ năng cơ bản của công tác xã hội với cá nhân để giải quyết vấn đề và nâng cao năng lực của thân chủ	Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO2.1	A3	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Tổ chức và điều hành nhóm hiệu quả	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO 3.2	S2	Thực hiện thuyết trình logic, thuyết phục	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO 4.1	C3	Nắm bắt xu thế phát triển của nghề công tác xã hội trong nước và quốc tế	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	Sự chuyên cần, thái độ học tập, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 1	CLO2.1	50%	10%
			CLO3.1	50%	
A1.2	- Bài tập cá nhân : Nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO1.1	50%	10%
			CLO2.1	50%	
A1.3	- Thảo luận nhóm: Nạp bài qua	Rubric 3	CLO1.1	40%	10%

	Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ		CLO2.1	20%	
			CLO3.1	20%	
			CLO3.2	20%	
A1.4	- Thi trắc nghiệm; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	100%	20%
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A2.1	- Bài thi tự luận: Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.	Đáp án	CLO1.1	60%	100%
			CLO2.1	20%	
			CLO4.1	20%	
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,1 + A1.2 x 0,3 + A1.3 x 0,3 + A1.4 x 0,3) x 0,5 + A2.1 x 0,5					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham dự theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90%-dưới 95% buổi học	Tham dự 85%-dưới 90% buổi học	Tham dự 80%-dưới 85% buổi học	Tham dự <80% buổi học	50%
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50%

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung bài tập	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	70
Hình thức trình bày bài tập	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	30

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50
Hình thức	Phông,	Phông, kích	Phông, cỡ chữ	Phông, cỡ	Nhiều phông,	20

trình bày báo cáo	kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	
Thuyết trình báo cáo	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	20
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40% thành viên tham gia	10

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình

[1]. Bùi Thị Xuân Mai, *Giáo trình Công tác xã hội với cá nhân và gia đình*. NXB Trường ĐH Lao động Xã hội, Năm 2011

6. Tài liệu tham khảo:

[2]. Lê Chí An, *Công tác xã hội cá nhân*, Đại học mở bán công TPHCM

[3]. Phạm Huy Dũng, 2006, *Một số lý thuyết Công tác xã hội*, ĐH Thăng Long, Hà

[4]. Mai Thị Kim Thanh, *Công tác xã hội với cá nhân* (Bài giảng)

[5]. Bùi Thị Xuân Mai (Chủ biên), *Giáo trình tham vấn*, NXB Lao động-xã hội, 2008.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
1 (4 tiết)	Chương 1: Những vấn đề chung về CTXH với cá nhân 1.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của CTXH với cá nhân 1.1.1. Sự hình thành CTXH trên thế giới 1.1.2 Công tác xã hội cá nhân ở Việt Nam 1.2. Khái niệm CTXH cá nhân và các khái niệm liên quan 1.2.1 Khái niệm CTXH cá nhân 1.2.2 Vị trí của CTXH cá nhân	- Giới thiệu đề cương chi tiết học phần - Thuyết trình	- Chuẩn bị học liệu Giáo trình <i>Công tác xã hội với cá nhân và gia đình</i> . NXB trường ĐH Lao động Xã hội, Năm 2011 - Đọc học liệu [1] trang 7-28	CLO1.1 CLO2.1 CLO4.1	A1.1 A1.4 A2.1
2 (4 tiết)	1.2. Khái niệm công tác xã hội với cá nhân và các khái niệm liên quan (tiếp) 1.2.3 Các khái niệm có liên quan 1.3. Các thành tố của công tác xã hội với cá nhân 1.3.1 Con người 1.3.2 Vấn đề của đối tượng 1.3.3 Tổ chức, cơ quan cung cấp dịch vụ 1.3.4 Tiến trình CTXH cá nhân	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình - Thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu [1] trang 22-36, tài liệu trên Elearning Tự học: Các thành tố tổ chức, cơ quan cung cấp dịch vụ xã hội	CLO1.1 CLO2.1 CLO4.1	A1.1 A1.4 A2.1
	Chương 2: Vai trò, chức năng của nhân viên xã hội và các nguyên tắc đạo đức trong công tác xã hội với cá nhân	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình	- Đọc học liệu [1] trang 36-40, tài liệu trên	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.3 A2.1

3 (4 tiết)	2.1. Vai trò, chức năng của nhân viên xã hội trong tác xã hội cá nhân 2.1.1 Vai trò, chức năng của nhà giáo dục 2.1.2 Vai trò, chức năng của nhà tham vấn 2.1.3 Vai trò, chức năng của nhà kết nối 2.1.4 Vai trò, chức năng của nhà biện hộ 2.1.5 Vai trò, chức năng của nhà quản lý ca 2.1.6 Vai trò, chức năng của nhà chuyên môn		Elearning Tự học: Vai trò chức năng nhà chuyên môn		A1.4
4 (4 tiết)	Thảo luận nhóm: 2.2. Nguyên tắc đạo đức trong công tác xã hội với cá nhân 2.2.1 Nguyên tắc tôn trọng chấp nhận 2.2.2 Nguyên tắc cá biệt hoá 2.2.3 Nguyên tắc không phê phán 2.2.4 Nguyên tắc quyền tự quyết của đối tượng 2.2.5 Khuyến khích thân chủ tham gia vào giải quyết vấn đề 2.2.6. Nguyên tắc giữ bí mật của nhân viên công tác xã hội 2.2.7 Đảm bảo mối quan hệ công việc	- Phương pháp làm việc nhóm	- Đọc học liệu [1] trang 41 - 46, tài liệu trên Elearning - Tự học: Các giá trị của công tác xã hội với cá nhân	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.3 A2.1 A1.4
5 (4 tiết)	Chương 3: Một số lý thuyết và kỹ năng cơ bản trong công tác xã hội với cá nhân 3.1. Một số quan điểm và lý thuyết ứng dụng trong CTXH với cá nhân 3.1.1 Lý thuyết Nhân văn hiện sinh 3.1.2 Thuyết Thân chủ trọng tâm 3.1.3 Thuyết Nhu cầu và ứng dụng	- Ôn tập, củng cố kiến thức - Thuyết trình	- Đọc tài liệu [1] trang 47-79, tài liệu trên Elearning - Tự học: Quan điểm sinh thái, thuyết hệ thống ứng dụng trong CTXH với cá nhân	CLO1.1 CLO3.1 CLO2.1 CLO3.2	A1.1 A2.1 A1.2 A1.3
6 (4 tiết)	3.1. Một số quan điểm và lý thuyết ứng dụng trong công tác xã hội với cá nhân (tiếp) 3.1.4 Thuyết Hành vi và ứng dụng 3.1.5 Thuyết Nhận thức - hành vi và ứng dụng 3.1.6 Thuyết Động năng tâm lý và ứng dụng Bài tập cá nhân: Trình bày nội dung cơ bản của lý thuyết Thân chủ trọng tâm và ứng dụng trong CTXH cá nhân	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu [1] trang 47-79, tài liệu trên Elearning - Tự học: Quan điểm sinh thái, thuyết hệ thống ứng dụng trong CTXH cá nhân	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1 A1.3
7 (4 tiết)	Thảo luận nhóm: 3.2. Các kỹ năng được ứng dụng trong công tác xã hội với cá nhân 3.2.1 Kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ và giao tiếp phi ngôn ngữ 3.2.2 Kỹ năng nghe tích cực 3.2.3 Kỹ năng quan sát	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu [1] trang 160 - 178, tài liệu trên Elearning - Tự học: Kỹ năng đặt câu hỏi	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A2.1 A1.2 A1.3

	3.2.4 Kỹ năng thấu cảm 3.2.5 Kỹ năng đặt câu hỏi				
8 (4 tiết)	Thảo luận nhóm: 3.2. Các kỹ năng được ứng dụng trong công tác xã hội với cá nhân (tiếp) 3.2.6 Kỹ năng phản hồi 3.2.7 Kỹ năng vấn đàm 3.2.8 Kỹ năng Tham vấn 3.2.9 Kỹ năng biện hộ 3.2.10 Kỹ năng xử lý căng thẳng 3.2.11 Kỹ năng xử lý khủng hoảng 3.2.12 Kỹ năng ghi chép và lưu trữ hồ sơ	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu [1] trang 178-228, tài liệu trên Elearning - Tự học: Kỹ năng ghi chép và lưu trữ hồ sơ	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.3 A2.1
9 (4 tiết)	Chương 4: Tiến trình giải quyết vấn đề trong công tác xã hội với cá nhân 4.1. Tiếp cận thân chủ và nhận diện vấn đề 4.2. Thu thập thông tin	- Đóng vai - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu [1] trang 100 - 129, tài liệu trên Elearning	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A2.1 A1.3
10 (4 tiết)	4.3. Đánh giá và xác định vấn đề 4.4. Lên kế hoạch trị liệu	- Đóng vai - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu [1] trang 129 - 141, tài liệu trên Elearning	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1 A1.3
11 (4 tiết)	4.5. Trị liệu 4.6. Lượng giá và kết thúc	- Đóng vai - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu [1] trang 141 - 148, tài liệu trên Elearning	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1 A1.2 A1.3
12 (4 tiết)	Chương 5: Các vấn đề chung về công tác xã hội với gia đình 5.1 Các khái niệm 5.2. Các vấn đề cần chú trọng trong công tác xã hội với gia đình Việt Nam 5.3. Những lĩnh vực thực hành của công tác xã hội với gia đình	- Thuyết trình - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu [1] trang 246 - 257, tài liệu trên Elearning Tự học: Đặc trưng của gia đình Việt Nam	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
13 (4 tiết)	Chương 6: Tiến trình và kỹ năng giải quyết vấn đề gia đình 6.1 Tiến trình công tác xã hội với gia đình 6.1.1 Tiếp nhận ca 6.1.2 Thu thập thông tin 6.1.3 Đánh giá cấp độ nhu cầu	- Thuyết trình - Đóng vai - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu [1] trang 317 - 332, tài liệu trên Elearning Tự học: 6.1.3 Đánh giá cấp độ nhu cầu	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
14 (3 tiết)	6.1.4 Xây dựng kế hoạch đáp ứng nhu cầu 6.1.5 Hỗ trợ triển khai kế hoạch 6.1.6 Lượng giá	- Thuyết trình - Đóng vai - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu [1] trang 329 - 332, tài liệu trên Elearning	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1

15 (3 tiết)	6.2 Kỹ năng trong công tác xã hội với gia đình 6.2.1 Vãng gia 6.2.2 Kỹ năng quan sát 6.2.3 Kỹ năng biện hộ 6.2.4 Kỹ năng tham vấn gia đình 6.2.5 Kỹ năng vẽ sơ đồ phả hệ 6.2.6 Kỹ năng tổ chức các buổi họp gia đình	- Thuyết trình - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu [1] trang 334 - 357, tài liệu trên Elearning Tự học: 6.2.5 Kỹ năng vẽ sơ đồ phả hệ 6.2.6 Kỹ năng tổ chức các buổi họp gia đình	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
----------------	--	-----------------------------------	---	--------------------------------------	--------------

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Võ Thị Cẩm Ly

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0962248209; lyvtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội.

Giảng viên 2: ThS. Phạm Thị Oanh

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0986529426; oanhpt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên môn học (tiếng Việt): Công tác xã hội với nhóm (tiếng Anh): Social work with the group	
- Mã số học phần: SOW30009	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 4 + Số tiết lý thuyết: 40 + Số tiết thảo luận/bài tập: 20 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học: 120	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Nhập môn KHXH&NV + Học phần học trước: Không yêu cầu Mã số HP: SSH20001 Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: Sinh viên phải có mặt 80% số tiết theo quy định của học phần + Sinh viên phải nộp đầy đủ 2 BT nhóm và 1 BT thực hành qua hệ thống LMS. + Tham gia đầy đủ các bài thực hành, thảo luận.	
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại: Email:	

2. Mô tả học phần

Công tác xã hội với nhóm là môn học bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Công tác xã hội. Môn học này giúp sinh viên có hiểu biết khoa học về kiến thức lý luận và phương pháp thực hành cơ bản nhất về Công tác xã hội với nhóm. Đồng thời học phần còn trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và kỹ năng về công tác xã hội với nhóm, cách thức để làm công tác xã hội nhóm hiệu quả từ đó giúp sinh viên xây dựng được kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả cho môn học

3. Mục tiêu học phần

Học phần Công tác xã hội với nhóm thuộc khối kiến thức chuyên ngành cơ bản của ngành Công

tác xã hội, được giảng dạy tại học kỳ 5 trong khung chương trình đào tạo. Đây là một học phần quan trọng trong việc cung cấp kiến thức về một trong ba phương pháp thực hành nghề cơ bản của nghề Công tác xã hội. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan nhất về Công tác xã hội với nhóm như: Sự hình thành và phát triển của công tác xã hội với nhóm, khái niệm, mục đích vai trò của công tác xã hội với nhóm, các đặc trưng cơ bản của công tác xã hội với nhóm. Các loại lý thuyết ứng dụng công tác xã hội với nhóm. Tiến trình làm công tác xã hội với nhóm và các kỹ năng, kỹ thuật ứng dụng trong thực hành công tác xã hội với nhóm.

Đồng thời, học phần cũng cung cấp những kiến thức và kỹ năng về làm việc nhóm như: lãnh đạo nhóm, điều phối, thúc đẩy, giao tiếp trong nhóm, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình làm nhóm Qua đó, người học thể hiện khả năng điều hành nhóm hoạt động một cách hiệu quả trong quá trình tiếp nhận và lên ý tưởng, và thực hiện công tác xã hội với một nhóm thân chủ cụ thể. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp trong tương lai.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1.1	PLO2.1	PLO3.1		PLO3.2	PLO4.1
	1.3.2	2.1.2	3.1.1	3.1.3	3.2.1	4.1.3
CLO1.1	✓					
CLO2.1		✓				
CLO3.1			✓			
CLO3.2				✓		
CLO3.3					✓	
CLO4.1						✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K 3	Trình bày được khái niệm, các lý thuyết, vận dụng trong công tác xã hội với nhóm	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Quan sát, Hồ sơ học tập, TNKQ
CLO2.1	A3	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội công tác xã hội với nhóm	Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Quan sát, Hồ sơ học tập, TNKQ
CLO3.1	S2	Tổ chức và điều hành nhóm theo tiến trình công tác xã hội với nhóm một cách hiệu quả	Thảo luận nhóm	Rubric
CLO3.2	S2	Vận dụng được các kiến thức về tiến trình công tác xã hội với nhóm để làm việc nhóm hiệu quả	Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Hồ sơ học tập, Tự luận,
CLO3.3	S2	Thực hiện thuyết trình logic, thuyết phục	Thảo luận nhóm	Rubric
CLO4.1	C3	Nắm bắt được các kỹ năng và kỹ thuật trong quá trình làm việc nhóm một cách phù hợp	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Hồ sơ học tập, Tự luận

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 03 bài đánh giá)					50%
A1.1	Ý thức chuyên cần và thái độ học tập Điểm danh trên LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 1	CLO2.1	50%	10%
			CLO3.1	50%	
A1.2	Bài tập cá nhân: Sinh viên nộp bài quan Elearning, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO1.1	50%	10%
			CLO2.1	50%	
A1.3	Bài thảo luận nhóm Sinh viên nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO1.1	40%	10%
			CLO2.1	20%	
			CLO3.1	20%	
			CLO3.2 CLO4.1	20%	
A1.4	Bài tập trắc nghiệm TTĐBCL tổ chức và lưu bài thi	Đáp án	CLO1.1	100%	20%
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A2.1	Bài thi tự luận dưới hình thức thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	60%	50%
			CLO2.1	20%	
			CLO4.1	20%	
Công thức tính điểm học phần:A1.1×0,1+A1.2×0,1+A1.3×0,1+A1.4×0,1+ +A2.1× 0,5					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham dự theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90%-dưới 95% buổi học	Tham dự 85%-dưới 90% buổi học	Tham dự 80%-dưới 85% buổi học	Tham dự <80% buổi học	50%
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50%

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Hình thức, bố cục	Không có lỗi chính tả; bố cục hợp lý	Có một vài lỗi chính tả, bố cục khá hợp lý	Một số lỗi chính tả, bố cục không hợp lý	Nhiều lỗi chính tả; bố cục không hợp lý	Trình bày sai quy cách	50%

Nội dung	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 85% yêu cầu	Đáp ứng 60% đến dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng 50% đến dưới 60% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	50%
----------	-----------------------------	----------------------------------	----------------------------------	----------------------------------	--------------------------	-----

Rubric 3&4: Đánh giá bài A1.3 và A1.4

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Hình thức báo cáo	Bố cục logic, rõ ràng.	Bố cục tốt.	Bố cục khá tốt.	Bố cục ở mức cơ bản	Trình bày thiếu logic.	25%
Kỹ năng trình bày và trả lời câu hỏi	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói rõ ràng, thuyết phục, trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Nó khá rõ ràng, nhưng chưa tự tin, Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Nói nhỏ, trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Nói nhỏ, không trả lời được câu hỏi	25%
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng >70% yêu cầu	Đáp ứng >50% yêu cầu	Đáp ứng < 50% yêu cầu	40%
Tham gia thực hiện	100% thành viên tham gia thực hiện	~ 80% thành viên tham gia thực hiện	~ 60% thành viên tham gia thực hiện	< 50% thành viên tham gia thực hiện	< 40% thành viên tham gia thực hiện	10%

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

1. Nguyễn Thị Thái Lan (chủ biên), *Giáo trình Công tác xã hội nhóm*, Đại học Lao động - Xã hội, NXB Lao động- Xã hội, HN 2008.
2. Nguyễn Ngọc Lâm, *Công tác xã hội với nhóm*, Đại học Mở bán công Thành phố Hồ Chí Minh, 2007

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Trần Đình Tuấn, “*Công tác xã hội Lý thuyết và thực hành*”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
2. Alice Hines, *Tài liệu môn CTXH với nhóm*, lớp bồi dưỡng sau đại học về công tác xã hội do Unicef & ĐHKHXH & Nhân Văn, tháng 1/ 2009.
3. Lê Văn Phú, *Công tác xã hội*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004.
4. Trường Cao đẳng Lao động - Xã hội, *Công tác xã hội*, NXB Lao động -Xã hội, Hà Nội 2001.
5. Nguyễn Thị Oanh, *Công tác xã hội đại cương*, Đại học mở TPHCM, 1994.
6. Nguyễn Quang Uẩn, *Tâm lý học xã hội*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội 2000.
7. Phạm Huy Dũng và đồng sự, *Bài giảng công tác xã hội*, NXB Đại học sư phạm 2007

7. Kế hoạch dạy học

	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
1 (4tiết)	Chương 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM 1.1. Sự hình thành và phát triển của công tác xã hội với nhóm 1.2. Khái niệm, đặc trưng, tầm quan trọng của công tác xã hội nhóm 1.2.1. Khái niệm nhóm, nhóm xã	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài	Xem tài liệu trên Elearning Đọc từ trang 5 đến trang 37 ở giáo trình chính, đọc tài liệu số 2	- CLO1.1	A1.1 A1.2 A1.4 A2.1

	hội, phương pháp công tác xã hội với nhóm 1.2.2. Đặc trưng công tác xã hội với nhóm 1.2.3. Tầm quan trọng của công tác xã hội với nhóm	liệu			
2 (4tiết)	1.3. Mục đích, giá trị đạo đức công tác xã hội với nhóm 1.4. Các mô hình tiếp cận công tác xã hội với nhóm 1.5. Phân loại nhóm 1.6. Các giai đoạn phát triển của nhóm	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu	Xem tài liệu trên Elearning Đọc từ trang 45 đến trnag đến trang 55 ở giáo trình chính Đọc tài liệu số 2	CLO1.1, CLO2.1	A1.1 A1.2 A1.4 A2.1
3 (4tiết)	Thảo luận nhóm: <i>Hãy phân biệt giữa phương pháp công tác xã hội với cá nhân và phương pháp công tác xã hội với nhóm</i> Thực hành đóng tình huống: <i>Xây dựng các tình huống liên quan đến những vấn đề nảy sinh trong các giai đoạn phát triển nhóm và đề xuất các thức xử lý</i>	Địa điểm: Phòng học - Hướng dẫn làm việc nhóm, hướng dẫn nghiên cứu và xử lý tình huống	- Xem tài liệu trên Elearning - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint -Thực hành sắm vai tình huống - Đọc giáo trình	CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	A1.1 A1.2 A.1.3 A2.1
4 (4tiết)	Chương 2: MỘT SỐ LÝ THUYẾT VÀ CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN ỨNG DỤNG TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM 2.1.Một số lý thuyết cơ bản ứng dụng trong công tác xã hội với nhóm 2.1.1 Lý thuyết hệ thống 2.1.2 Lý thuyết lãnh đạo 2.1.3 Lý thuyết xung đột xã hội	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống	- Xem tài liệu trên Elearning Đọc trang 55 đến trang 85 ở giáo trình chính Đọc tài liệu số 2	CLO1.1, CLO2.1,	A1.1 A1.2 A.1.3 A1.4 A2.1
5 (4tiết)	2.1.4. Lý thuyết học tập xã hội 2.1.5. Lý thuyết vai trò 2.1.6. Lý thuyết trao đổi xã hội	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu	- Xem tài liệu trên Elearning Đọc trang 86 đến trang 95 ở giáo trình chính Đọc tài liệu số 2	CLO1.1, CLO2.1,	A1.1 A1.2 A.1.3 A1.4 A2.1
6	Chương 2: (tiếp theo)2.2.1. Các	Đưa tài liệu lên	- Xem tài liệu	CLO1.1,	A1.1

(4tiết)	kiến thức về năng động nhóm 2.2.2. Một số yếu tố sử dụng trong can thiệp nhóm công tác xã hội 2.2.3 Hiểu biết một số vấn đề để tác động hiệu quả đến nhóm 2.2.4. Vai trò của trưởng nhóm và nhân viên công tác xã hội trong công tác xã hội nhóm Thực hành đóng tình huống: Một nhóm phụ nữ đang sinh hoạt văn nghệ, chồng của một chị chạy vào lôi xệch chị ấy về	Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu - Hướng dẫn làm việc nhóm, hướng dẫn nghiên cứu và xử lý tình huống	trên Elearning Đọc trang 86 đến trang 95 ở giáo trình chính Đọc tài liệu số 2 Chuẩn bị các yếu tố cho quá trình sắm vai xử lý tình huống,	CLO2.1, CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	A1.2 A.1.3 A1.4 A2.1
7 (4tiết)	* Bài tập nhóm lần 1: Mỗi nhóm sẽ nhận một tình huống thuộc công tác xã hội với nhóm từ giảng viên và vận dụng các kiến thức về công tác xã hội với nhóm để giải quyết tình huống đó Thảo luận nhóm: <i>Vai trò của nhân viên xã hội trong công tác xã hội với nhóm qua các tình huống thực tế</i>	Địa điểm: Phòng học - Hướng dẫn làm việc nhóm, hướng dẫn nghiên cứu và xử lý tình huống	Đọc trang 86- trang 95 ở giáo trình chính Đọc tài liệu số 2 Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint và thuyết trình tại lớp, Nạp bài lên LMS	CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	A1.1 A1.2 A.1.3 A1.4 A2.1
8 (4tiết)	Chương 3: TIỀN TRÌNH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM 3.1 Giai đoạn chuẩn bị và thành lập nhóm 3.1.1. Xác định mục đích hỗ trợ nhóm. 3.1.2. Đánh giá khả năng thành lập nhóm. 3.1.3. Thành lập nhóm. 3.1.4. Định hướng cho các thành viên trong nhóm. 3.1.5. Thỏa thuận nhóm. 3.1.6. Chuẩn bị môi trường 3.1.7. Viết đề xuất nhóm Thảo luận nhóm: <i>Anh chị hãy lấy một ví dụ về mô hình nhóm và xây dựng bản đề xuất cho nhóm đối tượng</i>	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu Hướng dẫn làm việc nhóm, hướng dẫn nghiên cứu và xử lý tình huống	- Xem tài liệu trên Elearning Đọc trang 127 đến trang 153 ở giáo trình chính Đọc tài liệu số 2 Chuẩn bị các yếu tố cho quá trình sắm vai xử lý tình huống,	CLO2.1, CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
9 (4tiết)	3.2. Giai đoạn nhóm bắt đầu hoạt động 3.2.1. Giới thiệu các thành viên trong nhóm; 3.2.2. Làm rõ mục đích nhóm của nhân viên xã hội	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình,	- Xem tài liệu trên Elearning Đọc trang 155 đến trang 177 ở giáo trình chính Đọc tài liệu số	CLO2.1, CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

	3.2.3. Xây dựng mục tiêu nhóm; 3.2.4. Thảo luận đưa ra các nguyên tắc bảo mật thông tin cho nhóm 3.2.5. Làm cho các thành viên trong nhóm cảm thấy mình là một phần của nhóm 3.2.6. Định hướng phát triển nhóm 3.2.7. Cân bằng giữa nhiệm vụ và yếu tố tình cảm, xã hội của tiến trình nhóm 3.2.8. Thoả thuận các công việc của nhóm 3.2.9. Khích lệ động cơ các thành viên thực hiện mục tiêu đề ra 3.2.10. Dự đoán về những khó khăn và cản trở	hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu	2		
10 (4tiết)	3.3. Giai đoạn thực hiện nhiệm vụ 3.3.1. Nhóm can thiệp 3.3.2. Nhóm nhiệm vụ	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu	- Xem tài liệu trên Elearning Đọc trang 178 đến trang 225 ở giáo trình chính Đọc tài liệu số 2	CLO2.1, CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
11 (4tiết)	3.4. Giai đoạn kết thúc 3.4.1. Lượng giá 3.4.2. Kết thúc Thực hành đóng tình huống: <i>Một thành viên trong nhóm trẻ em lang thang không tham gia và phá rối không cho người khác tham gia.</i> * Bài tập cá nhân: Lấy một ví dụ về một tình huống của nhóm Công tác xã hội, anh/chị hãy lập kế hoạch để giải quyết vấn đề cho nhóm	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu - Hướng dẫn làm việc nhóm, hướng dẫn nghiên cứu và xử lý tình huống	- Xem tài liệu trên Elearning -Đọc trang 228 đến trang 243 ở giáo trình chính Đọc tài liệu số 2 -Chuẩn bị các yếu tố cho quá trình sắm vai xử lý tình huống, -Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint -Nộp bài lên LMS	CLO2.1, CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
12 (4tiết)	Chương 4: MỘT SỐ KỸ NĂNG VÀ KỸ THUẬT CƠ BẢN TRONG CTXH VỚI NHÓM 4.1. Các kỹ năng cơ bản trong công tác xã hội với nhóm 4.1.1. Kỹ năng thu hút sự tham gia 4.1.2. Kỹ năng tự bộc lộ 4.1.3. Kỹ năng phản hồi thành	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu	- Xem tài liệu trên Elearning - Đọc trang 245 đến trang 274 ở giáo trình chính Đọc tài liệu số 2 -Chuẩn bị các	CLO2.1 CLO3.1 CLO3.3 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1

	viên nhóm 4.1.4. Kỹ năng giải quyết xung đột 4.1.5. Kỹ năng hướng dẫn tương tác nhóm Thực hành đóng tình huống <i>Mỗi nhóm lấy một ví dụ về tình huống mâu thuẫn xảy ra trong nhóm và đưa ra cách giải quyết bằng sắm vai đóng tình huống</i>	- Hướng dẫn làm việc nhóm, hướng dẫn nghiên cứu và xử lý tình huống	yếu tố cho quá trình sắm vai xử lý tình huống,		
13 (4tiết)	4.1. Các kỹ năng cơ bản trong công tác xã hội với nhóm (tiếp theo) 4.1.6. Kỹ năng điều phối sinh hoạt nhóm 4.1.7. Kỹ năng thương lượng 4.1.8. Kỹ năng ra quyết định có sự tham gia 4.2. Các kỹ thuật tác nghiệp cơ bản trong công tác xã hội với nhóm 4.2.1. Các kỹ thuật giúp các thành viên vận động thay đổi không khí trong nhóm 4.2.2. Các kỹ thuật giúp các thành viên nhận biết, thể hiện suy nghĩ, tình cảm, sự sáng tạo của mình	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu	- Xem tài liệu trên Elearning -Đọc trang 275 đến trang 293 ở giáo trình chính Đọc tài liệu số 2	CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1
14 (4tiết)	* Bài tập nhóm lần 2: Mỗi nhóm hãy chọn một nhóm đối tượng công tác xã hội và xác định. <i>Đề nhóm thân chủ của mình bắt đầu hoạt động nhóm nhân viên xã hội cần thực hiện các công việc gì. Nêu những khó khăn mà nhân viên xã hội phải đối mặt trong giai đoạn nhóm mới bắt đầu sinh hoạt này và lên phương án giải quyết</i> *Thực hành đóng tình huống: Mỗi nhóm hãy chọn một nhóm đối tượng và thiết kế một trò chơi phù hợp để tăng hiệu quả của quá trình làm việc nhóm	Địa điểm: Phòng học - Hướng dẫn làm việc nhóm, hướng dẫn nghiên cứu và xử lý tình huống	- Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint - Chuẩn bị các yếu tố cho quá trình sắm vai xử lý tình huống, Nạp bài lên LMS - Đọc giáo trình	CLO2.1 CLO3.1 CLO3.3 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1
15 (4tiết)	4.2. Các kỹ thuật tác nghiệp cơ bản trong công tác xã hội với nhóm (tiếp theo) 4.2.3. Kỹ thuật vẽ sơ đồ tương tác các thành viên nhóm 4.2.4. Các kỹ thuật sử dụng trong việc lấy ý kiến của cả nhóm, giúp các thành viên học kỹ năng mới Hướng dẫn ôn tập	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài	- Xem tài liệu trên Elearning Đọc trang 275 đến trang 293 ở giáo trình chính Đọc tài liệu số 2	CLO2.1 CLO4.1	A1.1 A2.1

		liệu			
--	--	------	--	--	--

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: ThS. Phan Thị Thuý Hà

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0914912918; haptt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 2: S. Võ Thị Cẩm Ly

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0962248209; lyvtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội.

Giảng viên 3: ThS. Phùng Văn Nam

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0941250777, phungvannam@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, An sinh xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Giới và phát triển (tiếng Anh): Gender and development	
- Mã số học phần: SOW30033	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/ bài tập: 15 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: + Học phần học trước:	
Mã số HP: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt tại địa điểm thực hành: 80% + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại: 0914912918 Email: haptt@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Giới và phát triển là môn học bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Công tác xã hội. Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần giúp sinh viên có hiểu biết khoa học về kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản nhất về giới và phát triển, từ đó người học có thể vận dụng trong việc hoạch định chính sách, nghiên cứu và ứng dụng trong việc lồng ghép giới vào các chính sách hay chương trình phát triển.

3. Mục tiêu học phần

Giới và phát triển giúp sinh viên có những hiểu biết khoa học về kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản nhất về giới như: giới và các phương pháp nghiên cứu, tiếp cận giới, bình đẳng giới và hòa nhập giới, quá trình phát triển của khoa học nghiên cứu về giới, mối quan hệ giữa giới và phát triển; các kỹ năng về phân tích giới và lồng ghép giới trong lập kế hoạch hay hoạch định chính sách. Hình thành nên thái độ hành xử chuyên nghiệp trong quá trình làm việc.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo			
	PLO 1.2	PLO 2.1	PLO 3.2	PLO 4.1
	1.2.1	2.2.1	3.2.1	4.1.1
CLO1.1	v			
CLO2.1		v		
CLO3.1			v	
CLO4.1				v

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Vận dụng kiến thức hành vi con người và môi trường xã hội để phát hiện vấn đề của thân chủ	Thuyết trình, hướng dẫn bài tập, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO2.1	A3	Thể hiện kỹ năng nghiên cứu trong quá trình phân tích và lồng ghép giới.	Thuyết trình, hướng dẫn bài tập, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO3.1	S2	Thực hiện thuyết trình các vấn đề liên quan đến tham vấn và công tác tham vấn	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.1	S2	Thực hiện lồng ghép giới vào phân tích và hoạch định chính sách.	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên				30%
A1.1	- Chuyên cần, thái độ học tập: Điểm danh trên LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 1		10%
A1.2	- Bài tập cá nhân: SV nộp bài qua LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO1.1	10%
			CLO1.2	
			CLO2.1	
A1.3	- Thảo luận nhóm: SV nộp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO1.1	10%
			CLO1.2	
			CLO2.1	
			CLO3.1	
			CLO4.1	
A2. Đánh giá giữa kỳ				20%
A2.1	- Thi trắc nghiệm; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	20%
			CLO2.1	
			CLO4.1	
A3. Đánh giá cuối kỳ				50%

A3.1	- Thi tự luận; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	50%
			CLO1.2	
			CLO2.1	
			CLO4.1	
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = A1.1 x 0,1 + A1.2 x 0,1 + A1.3 x 0,1 + A2.1 x 0,2 + (A3.1 x 0,5)				

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham gia các buổi học trên lớp theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90% đến dưới 95% buổi học	Tham dự 85% đến dưới 90% buổi học	Tham dự 80% đến dưới 85% buổi học	Tham dự dưới 80% buổi học	50
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung bài tập	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	70
Hình thức trình bày bài tập	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	30

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50
Hình thức trình bày báo cáo	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Thuyết trình báo cáo	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời	20

	lời đúng tất cả các câu hỏi	đúng 80%-99% câu hỏi	60%-79% câu hỏi	phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	đúng dưới 40% câu hỏi	
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40% thành viên tham gia	10

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Nguyễn Thị Thuận (Chủ biên), *Giáo trình giới và phát triển*, NXB Lao động - xã hội, 2009.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Xuân Kỳ, *Giáo trình giới và phát triển*, NXB Lao động - Xã hội, 2008.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần (số tiết)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
1 (3)	Chương 1: Giới và phương pháp tiếp cận, nghiên cứu về giới 1.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn học.	- Giới thiệu đề cương chi tiết học phần. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 11 đến trang 17. - Vở ghi chép. - Lập email group của từng nhóm/hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với GV. - Tự học: Nguồn gốc xã hội của sự khác biệt về giới	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
2 (3)	Chương 1: Giới và phương pháp tiếp cận, nghiên cứu về giới (tiếp) 1.2. Một số khái niệm 1.3. Các lý thuyết liên quan đến giới và phát triển	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 17 đến trang 47. - Tự học: Tìm hiểu khái niệm phân biệt đối xử giới	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
3 (3)	Chương 2: Quá trình phát triển của khoa học nghiên cứu về giới ở Việt Nam và mối quan hệ giữa giới và phát triển 2.1. Quá trình phát triển của khoa học nghiên cứu về giới ở Việt Nam	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 47 đến trang 56. - Tự học: Tìm tài liệu về “Nâng quyền để thực hiện bình đẳng giới”.	CLO1.1 CLO2.1	A1.1, A2.1, A3.1
4 (3)	Thảo luận nhóm: Từ nghiên cứu phụ nữ đến nghiên cứu giới và phát triển.	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 47 đến trang 56. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1, A2.1, A3.1

5 (3)	Chương 2: Quá trình phát triển của khoa học nghiên cứu về giới ở Việt Nam và mối quan hệ giữa giới và phát triển (tiếp) 2.2. Mối quan hệ giữa giới và phát triển 2.3. Bình đẳng giới trên Thế giới và Việt Nam	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 92 đến trang 139. - Tự học: Tìm hiểu bình đẳng giới trong việc làm và thu nhập - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.1, CLO2.1 CLO3.1	A1.1, A1.3
6 (3)	Chương 3: Bộ máy thực thi bình đẳng giới ở Việt Nam 3.1. Quan điểm của Nhà nước về vấn đề giới và phụ nữ. 3.2. Bộ máy và cơ quan chuyên trách về vấn đề giới ở Việt Nam.	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 60 đến trang 97. - Tự học: Tìm hiểu thực trạng giới trong mức sống	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
7 (3)	Bài tập cá nhân: Phân tích về thực trạng giới trong giáo dục ở Việt Nam hiện nay.	- Bài tập cá nhân.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 60 đến trang 97. - Vở bài tập cá nhân. - Tự học: Tìm hiểu các tình huống CTXH có liên quan đến nhu cầu của các cá nhân.	CLO1.1, CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1, A1.2
8 (3)	Chương 4: Bình đẳng giới trong lao động và các vấn đề xã hội 4.1. Hệ thống văn bản, luật pháp quốc tế có liên quan đến bình đẳng giới	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 288 đến trang 315. - Tự học: Tìm hiểu về mục tiêu thiên niên kỷ	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
9 (3)	Chương 4: Bình đẳng giới trong lao động và các vấn đề xã hội (tiếp) 4.2. Luật pháp, chính sách có liên quan đến bình đẳng giới ở Việt Nam	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 135 đến trang 345. - Vở bài tập cá nhân. - Tự học: Tìm hiểu luật Phòng, chống bạo lực gia đình	CLO1.1, CLO2.1	A1.1, A1.2

10 (3)	Thảo luận nhóm: Phân tích giới trong các chính sách, chương trình, dự án phát triển	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 202 đến trang 256. - Tự học: Một số nguyên tắc khi phân tích giới.	CLO1.2 CLO3.1 CLO4.1	A1.1, A2.1, A3.1
11 (3)	Chương 4: Lòng ghép giới, phân tích giới trong các chính sách, chương trình và dự án phát triển 4.1. Lòng ghép giới, trong các chính sách, chương trình và dự án phát triển	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 164 đến trang 202. - Tự học: Lợi ích của lòng ghép giới trong các chính sách, chương trình, dự án phát triển.	CLO1.2 CLO2.1	A1.1, A2.1, A3.1
12 (3)	Chương 4: Lòng ghép giới, phân tích giới trong các chính sách, chương trình và dự án phát triển (tiếp) 4.2. Phân tích giới	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 157 đến trang 171. - Tự học: Tìm hiểu sự cần thiết khi phân tích giới	CLO1.2 CLO2.1	A1.1, A2.1, A3.1
13 (3)	Bài tập cá nhân: Tìm hiểu một số nguyên tắc khi phân tích giới	- Bài tập cá nhân.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 171 đến trang 184. - Vở bài tập cá nhân.	CLO1.2, CLO2.1 CLO3.1	A1.1, A1.2
14 (3)	Chương 4: Lòng ghép giới, phân tích giới trong các chính sách, chương trình và dự án phát triển (tiếp) 4.3. Lòng ghép giới ở Việt Nam	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 256 đến trang 288. - Tự học: Tìm hiểu các kỹ năng tuyên truyền, vận động giới.	CLO1.2 CLO2.1	A1.1, A2.1, A3.1
15 (3)	Thảo luận nhóm và ôn tập học phần: Thực trạng lòng ghép giới ở Việt Nam hiện nay	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 184 đến trang 192. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ... - Tự học: Ôn tập học phần	CLO1.2, CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1, A1.3

8. Nhiệm vụ của người học

9. Ngày phê duyệt:

10. Cấp phê duyệt:

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN THỰC TẾ CHUYÊN MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI**

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Võ Thị Cẩm Ly

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0962248209; lyvtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội.

Giảng viên 2: ThS. Trần Thị Khánh Dung

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0967237108; Email: dungttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Thực tế chuyên môn công tác xã hội Tiếng Anh: Professional practice of social work	
- Mã số học phần: SOW31012	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành	
☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 04 + Số tiết lý thuyết: 0 + Số tiết thực hành: 60 + Số tiết tự học: 120	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Chính sách xã hội Mã số HP: SOW30002 + Học phần học trước: An sinh xã hội Mã số HP: SOW30001	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% trở lên + Sinh viên phải nộp đầy đủ các sản phẩm theo quy định	
- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại: 0962248209 Email: lyvtc@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Thực tế chuyên môn công tác xã hội là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành công tác xã hội. Học phần vận dụng kiến thức và kỹ năng trong công tác xã hội đã được học vào thực tế để tìm hiểu về đời sống của các đối tượng khó khăn, yếu thế nói chung và việc tiếp cận các chế độ, chính sách, dịch vụ, hoạt động can thiệp của chính quyền địa phương và cộng đồng cho các đối tượng khó khăn, yếu thế nói riêng. Học phần đưa ra những đánh giá và khuyến nghị về các chế độ, chính sách, dịch vụ, hoạt động can thiệp của chính quyền địa phương và cộng đồng cho các đối tượng khó khăn, yếu thế.

Học phần không chú trọng nhiều vào những kỹ năng giải quyết vấn đề của đối tượng yếu thế mà tập trung vào kỹ năng đánh giá, tổ chức xây dựng các hoạt động để nhận diện giải quyết vấn đề cho đối tượng.

Học phần giúp sinh viên hình dung được mối quan hệ chặt chẽ giữa cá nhân đối tượng và các nhóm, tổ chức chính thức và phi chính thức trong cộng đồng, Nhà nước. Từ đó, sinh viên sẽ có năng lực thẩm định, đánh giá việc triển khai các chính sách an sinh xã hội của các nhóm, tổ chức chính thức và phi chính thức trong cộng đồng, chính quyền địa phương.

3. Mục tiêu học phần

Sinh viên học xong học phần thực tế chuyên môn công tác xã hội sẽ hiểu các quy tắc phân tích vấn đề của các đối tượng yếu thế, hiện trạng và đánh giá việc triển khai các chính sách an sinh xã hội của nhóm, tổ chức ở cộng đồng và chính quyền địa phương như: mô hình phát triển kinh tế; chính sách an sinh xã hội như giảm nghèo, trợ cấp xã hội... của cộng đồng và chính quyền địa phương. Từ đó, các em sẽ có ý thức nhìn nhận hoạt động chuyên môn công tác xã hội trên bình diện tổng thể về cả nội dung và hình thức và đánh giá các hoạt động công tác xã hội tại cơ sở thực tế.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo							
	PLO1.2	PLO2.1	PLO2.2	PLO3.2	PLO4.1	PLO 4.2		
	1.2.2	2.1.2	2.2.2	3.2.2	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3
CLO1.2	✓							
CLO2.1		✓						
CLO2.2			✓					
CLO3.2				✓				
CLO4.1					✓			
CLO4.2						✓		
CLO4.3							✓	
CLO4.4								✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.2	K3	Vận dụng kiến thức về chính sách xã hội và an sinh xã hội để giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội	Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO2.1	S3	Hiểu về các quy tắc đạo đức cơ bản chi phối nghề nghiệp. Thể hiện quan điểm/ thái độ đối với đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và các hành vi thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp	Thảo luận nhóm, Đồ án	Quan sát Phiếu đánh giá
CLO2.2	S3	Thể hiện tư duy sáng tạo, phản biện trong thực hành công tác xã hội	Thảo luận nhóm Đồ án	Quan sát Phiếu đánh giá
CLO3.2	S3	Hiểu về vai trò quan trọng của giao tiếp bằng lời nói Thực hiện việc xác định chiến lược giao tiếp trực tiếp theo đặc điểm đối tượng giao tiếp, cách sử dụng ngôn từ và hành vi ứng xử phù hợp	Thảo luận nhóm Đồ án	Quan sát Phiếu đánh giá
CLO4.1	C3	Trình bày khái quát tình hình hoạt động công tác xã hội của các tổ chức xã hội	Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO4.2	C3	Xác định vấn đề, nhu cầu của cá nhân, nhóm và cộng đồng	Đồ án	Phiếu đánh giá

CLO4.3	C3	Đánh giá vấn đề, nhu cầu của cá nhân, nhóm và cộng đồng	Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO4.4	C3	Xây dựng hoạt động trợ giúp với cá nhân, nhóm và cộng đồng	Đồ án	Phiếu đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	Đánh giá ý thức thái độ	Rubric 1 Phiếu đánh giá	CLO2.1	50%	10%
			CLO3.2	50%	
A.1.2	Đánh giá tiến độ đồ án	Rubric 2 Báo cáo	CLO2.2	40%	20%
			CLO3.2	30%	
			CLO4.2	30%	
A1.3	Seminar	Rubric 3 Phiếu đánh giá	CLO1.2	40%	20%
			CLO2.1	30%	
			CLO2.2	30%	
A2. Đánh giá cuối kỳ					50%
A2.1	Hội đồng đánh giá nghiệm thu đồ án	Rubric 4	CLO4.1	25%	100%
			CLO4.2	25%	
			CLO4.3	25%	
			CLO4.4	25%	
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,2 + A1.2 x 0,4 + A1.3 x 0,4) x 0,5 + A2.1 x 0,5					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá điểm thường xuyên

Rubric 1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham gia các buổi đi thực tế	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90%-dưới 95% buổi học	Tham dự 85%-dưới 90% buổi học	Tham dự 80%-dưới 85% buổi học	Tham dự <80% buổi học	50%
Mức độ tham gia các hoạt động thực tế	Tham dự từ 95% hoạt động trở lên	Tham dự 90%-dưới 95% hoạt động	Tham dự 85%-dưới 90% hoạt động	Tham dự 80%-dưới 85% hoạt động	Tham dự <80% hoạt động	50%

Rubric 2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	

Hình thành ý tưởng về đề án	Xác định vấn đề nghiên cứu trên 90% yêu cầu	Xác định vấn đề nghiên cứu 80- dưới 90% yêu cầu	Xác định vấn đề nghiên cứu 75%-dưới 80% yêu cầu	Xác định cơ bản vấn đề nghiên cứu trên 70% yêu cầu.	Xác định vấn đề nghiên cứu dưới 70% yêu cầu.	40%
Thiết kế đề án	- Lập luận, phân tích tốt. - Thiết kế cấu trúc đề án trên 90% yêu cầu - Đề xuất giải pháp triển khai đề án tốt.	- Lập luận, phân tích tốt. - Thiết kế cấu trúc đề án 80- dưới 90% yêu cầu - Đề xuất giải pháp triển khai đề án tốt.	- Lập luận, phân tích khá tốt. - Thiết kế cấu trúc đề án 75%-dưới 80% yêu cầu - Đề xuất giải pháp triển khai đề án tốt.	- Lập luận, phân tích ở mức cơ bản. - Thiết kế cấu trúc đề án trên 70% yêu cầu. - Đề xuất giải pháp triển khai đề án tốt.	- Lập luận, phân tích ở mức cơ bản. - Thiết kế cấu trúc đề án dưới 70% yêu cầu. - Chưa đề xuất được giải pháp triển khai đề án.	20%
Triển khai đề án	- Triển khai đề án bám sát vấn đề nghiên cứu, theo đúng kế hoạch trên 90% yêu cầu	- Triển khai đề án bám sát vấn đề nghiên cứu dưới 90- trên 70% yêu cầu	- Triển khai đề án đáp ứng khá tốt vấn đề nghiên cứu dưới 70%-trên 60% yêu cầu	- Triển khai đề án đáp ứng cơ bản vấn đề nghiên cứu dưới 60 – trên 50% yêu cầu	- Triển khai đề án từ dưới 50%	20%
Hình thức báo cáo	Trình bày khoa học, bố cục hợp lý	Trình bày có một vài lỗi chính tả, bố cục khá tốt	Trình bày có nhiều lỗi chính tả, bố cục đạt yêu cầu	Một số lỗi chính tả, bố cục không hợp lý	Trình bày sai quy cách	20%

Rubric 3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia seminar	-Thu thập và đưa ra nhiều tài liệu liên quan đến chủ đề	-Thu thập thông tin cơ bản về chủ đề - Tham gia tranh luận	- Có đưa ra lập luận nhưng không rõ ràng.	- Chỉ tham gia vào tranh luận chủ đề khi giảng viên yêu cầu	- Không tham gia tranh luận	50%

	seminar - Đưa ra những phân tích, lập luận rõ ràng, liên quan đến chủ đề	tích cực.				
Trả lời câu hỏi phản biện	Trả lời chính xác các câu hỏi	Trả lời được 2/3 số câu hỏi	- Trả lời được ½ số câu hỏi	- Trả lời được dưới 1/2 câu hỏi	Không trả lời được các câu hỏi	50%

5.2.3. Bộ tiêu chí đánh giá điểm cuối kỳ

Rubric 4

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung đồ án Báo cáo thuyết minh bản Word	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành tốt.	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành khá tốt.	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành ở mức tạm được	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành ở mức cơ bản	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành chưa đạt yêu cầu	40%
Hình thức báo cáo	Trình bày khoa học, bố cục hợp lý	Trình bày có một vài lỗi chính tả, bố cục khá tốt	Trình bày có nhiều lỗi chính tả, bố cục đạt yêu cầu	Một số lỗi chính tả, bố cục không hợp lý	Trình bày sai quy cách	20%
Trình bày đồ án	- Slide thiết kế tốt. - Trình bày rõ ràng, cuốn hút.	- Slide thiết kế tốt. - Trình bày rõ ràng, trôi chảy.	- Slide thiết kế khá tốt. - Trình bày đầy đủ nội dung.	Có slide hỗ trợ thuyết trình - Trình bày chưa đầy đủ nội dung.	Có slide hỗ trợ thuyết trình Trình bày chưa đạt yêu cầu cơ bản	20%
Trả lời câu hỏi phản biện	Trả lời chính xác các câu hỏi	Trả lời 2/3 số câu hỏi	Trả lời ½ câu hỏi	Trả lời chưa chính xác các câu hỏi	Không trả lời câu hỏi	20%

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Nguyễn Tuấn Anh (chủ biên), Giáo trình Chính sách xã hội, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021.

[2] Nguyễn Hải Hữu (Chủ biên), Giáo trình Nhập môn an sinh xã hội, NXB Lao động - Xã hội, 2012.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Nguyễn Văn Định, *Giáo trình An sinh xã hội*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2008.

[4] Nguyễn Văn Chiêu, *Chính sách An sinh xã hội và vai trò của nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, 2014.

[5] Báo cáo, văn bản của địa phương

7. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Kết quả cần đạt được	CDR học phần	Bài đánh giá
1 (4)	Thực tế tổng quan về cơ sở thực tế - Lịch sử hình thành và phát triển của cơ sở thực tế - Thuận lợi và khó khăn của cơ sở thực tế - Thành tích và tồn tại, hạn chế của cơ sở thực tế	- Cơ sở thực tế	- Đến cơ sở thực tế và tìm hiểu chức năng nhiệm vụ của cơ sở thực tế - Lập group zalo của từng nhóm/hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với GV.	- Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển của cơ sở thực tế	CLO4.1	A1.1 A1.2
2 (4)	Thực tế hệ thống tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất của cơ sở thực tế - Hệ thống tổ chức, bộ máy - Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức - Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động	- Cơ sở thực tế	- Gặp gỡ lãnh đạo, nhân viên cơ sở thực tế để thu thập thông tin. - Tìm kiếm các văn bản, báo cáo có liên quan đến nội dung thực tế. - Tự học: thu thập thêm thông tin về cơ sở thực tế qua internet	- Thiết lập mối quan hệ với cán bộ cơ sở, kiểm huấn viên và có các báo cáo liên quan đến nội dung thực tế	CLO1.2 CLO4.1	A.1.1 A1.2 A2.1
3(4)	Thực tế về đối tượng can thiệp, trợ giúp ở cơ sở thực tế - Một vài nét về đối tượng trợ giúp	- Cơ sở thực tế	Thu thập thông tin về các nhóm đối tượng trợ giúp, - Tự học: thu thập thêm thông tin về đối tượng qua các nghiên cứu đi trước	- Thu thập các thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu, từ đó xác định vấn đề nghiên cứu của đề án	CLO2.2 CLO3.2 CLO4.1	A.1.1 A1.2 A2.1
4 (4)	- Hoàn cảnh, mức sống, tình trạng sức khỏe của nhóm đối tượng + Thực trạng hoàn cảnh, mức sống, tình trạng sức khỏe	- Cơ sở thực tế	- Lên kế hoạch thực hiện đề án và triển khai các hoạt động đề án	Sinh viên lập kế hoạch thực hiện đề án	CLO1.2 CLO2.1 CLO4.2	A.1.1 A1.2 A2.1

5 (4)	Semina về các kết quả thực tế: đề tài và kế hoạch đồ án của cá nhân, khó khăn và thuận lợi triển khai đồ án	Lớp học/Cơ sở thực tế	Thảo luận nhóm Trình bày vấn đề nghiên cứu và kế hoạch đồ án	Xây dựng và bảo vệ đề cương với giảng viên hướng dẫn	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3	A1.3
6 (4)	- Hoàn cảnh, mức sống, tình trạng sức khỏe của nhóm đối tượng (tiếp) + Nguyên nhân dẫn đến hoàn cảnh khó khăn và tình trạng sức khỏe kém	- Cơ sở thực tế	Triển khai các hoạt động đồ án	Sinh viên thực hiện đồ án	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO4.3 CLO4.4	A.1.1 A1.2 A2.1
7 (4)	- Các chính sách, dịch vụ và nguồn lực trợ giúp + Các chính sách trợ giúp xã hội	- Cơ sở thực tế	Triển khai các hoạt động đồ án	Sinh viên thực hiện đồ án	CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4	A.1.1 A1.2 A2.1
8 (4)	Semina về các kết quả thực tế: Các chính sách, dịch vụ và nguồn lực trợ giúp (tiếp) + Các dịch vụ trợ giúp xã hội	- Cơ sở thực tế	Triển khai các hoạt động đồ án	Sinh viên thực hiện đồ án	CLO2.2 CLO3.2	A.1.1 A1.2 A2.1
9 (4)	- Các chính sách, dịch vụ và nguồn lực trợ giúp (tiếp) + Các nguồn lực trợ giúp	- Cơ sở thực tế	Triển khai các hoạt động đồ án	Sinh viên thực hiện đồ án	CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4	A.1.1 A1.2 A2.1
10 (4)	- Các chính sách, dịch vụ và nguồn lực trợ giúp (tiếp) + Nhận xét, đánh giá về các chính sách, dịch vụ và nguồn lực trợ giúp	- Cơ sở thực tế	Triển khai các hoạt động đồ án	Sinh viên thực hiện đồ án	CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4	A.1.1 A1.2 A2.1
11 (4)	Tổng kết tại cơ sở thực tế	- Cơ sở thực tế	Đánh giá và kết thúc các hoạt động tại cơ sở	Sinh viên hoàn thành báo cáo	CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4	A.1.1 A1.2 A2.1
12 (4)	Kết thúc thực tế đồ án	ở trường	Chỉnh sửa bản báo cáo đồ án, xin góp ý của	Báo cáo đồ án bản	CLO2.2 CLO4.1	A.1.1 A2.1

	Viết báo cáo đồ án		giảng viên hướng dẫn	Word, PP	CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4	
13 (4)	Hoàn thiện đồ án Xây dựng slice trình chiếu	ở trường	Chỉnh sửa bản báo cáo, xin góp ý của giảng viên hướng dẫn	Báo cáo đồ án bản Word, PP	CLO2.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4	A.1.1 A2.1
14 (4)	Hoàn thiện báo cáo đồ án, hoàn thành các yêu cầu về sản phẩm đồ án	ở trường	Hoàn thành bản báo cáo chỉnh sửa theo góp ý của giảng viên hướng dẫn	Báo cáo đồ án bản Word, PP	CLO2.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4	A.1.1 A2.1
15 (4)	Hoàn thiện báo cáo đồ án, hoàn thành các yêu cầu về sản phẩm đồ án	ở trường	Hoàn thành bản báo cáo, nộp giảng viên hướng dẫn	Báo cáo đồ án bản Word, PP	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4	A.1.1 A2.1

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Ông Thị Mai Thương

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0977005095; ongmaithuong@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội, chính sách xã hội

Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Hoài An

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0868214777; annth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN (tiếng Anh): Social work in hospital	
- Mã số học phần: XH20055	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 20 + Số tiết thảo luận/bài tập: 25 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học:	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: + Học phần học trước:	
Mã số HP: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm dự án học phần qua LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành	
- Bộ môn phụ trách học phần: Công tác xã hội Điện thoại: Email:	

2. Mô tả học phần

Học phần *Công tác xã hội trong bệnh viện* là học phần bắt buộc trong khối kiến thức khoa học giáo dục của Chương trình đào tạo cử nhân Công tác xã hội. Học phần giúp người học có nền tảng cơ sở về công tác xã hội trong lĩnh vực bệnh viện. Học phần cũng là cơ sở để học các học phần khác như thực hành cá nhân và nhóm, tham vấn trong công tác xã hội... Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, tiếp cận những kiến thức đầu tiên về các vấn đề trong lĩnh vực bệnh viện, y tế; có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự và làm chủ quá trình học tập của bản thân.

3. Mục tiêu học phần

Học phần *Công tác xã hội trong bệnh viện* được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những

kiến thức cơ bản về công tác xã hội trong bệnh viện; một số phương pháp can thiệp của công tác xã hội trong bệnh viện; một số kỹ năng của người làm công tác xã hội trong bệnh viện và quy trình thực hành công tác xã hội trong bệnh viện.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ảnh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ảnh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO1.2	PLO2.1	PLO3.1	PLO3.2	PLO4.1
	1.2.3	2.1.1	3.1.3	3.2.1	4.1.1
CLO1.1	1,0				
CLO 2.1		1,0			
CLO3.1			1,0		
CLO3.2				1,0	
CLO4.1					1,0

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày các kiến thức chung về công tác xã hội trong bệnh viện	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) Hoạt động nhóm tại lớp học	- Quan sát, hồ sơ học tập. -Trắc nghiệm khách quan
CLO 2.1	A2	Thể hiện thái độ chuyên nghiệp trong quá trình làm việc	- Thảo luận nhóm	- Quan sát, hồ sơ học tập. -Trắc nghiệm khách quan
CLO3.1	S2	Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp	- Thảo luận nhóm	- Quan sát, hồ sơ học tập. -Trắc nghiệm khách quan
CLO3.2	S2	Thực hiện thuyết trình logic, thuyết phục	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử)	- Quan sát, hồ sơ học tập. -Trắc nghiệm khách quan
CLO4.1	C3	Nắm bắt một số phương pháp can thiệp của công tác xã hội trong bệnh viện; một số kỹ năng của người làm công tác xã hội trong bệnh viện và quy trình thực hành công tác xã hội trong bệnh viện.	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Thảo luận nhóm	- Quan sát, hồ sơ học tập. -Trắc nghiệm khách quan

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần		Tỷ lệ % trong đánh giá học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	Sự chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO 2.1	50%	10%
			CLO 3.1	50%	

A1.2	Bài tập cá nhân: - Nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO 1.1	50%	10%
			CLO 2.1	50%	
A1.3	Bài tập nhóm lần 1: - Nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO 1.1	50%	10%
			CLO 2.1	50%	
			CLO 3.1	50%	
			CLO3.2	50%	
A1.4	Bài tập nhóm lần 2 - Nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 4	CLO 2.1	50%	10%
			CLO 3.1	50%	
			CLO3.2	50%	
			CLO 4.1	50%	
A 1.5.	- Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.	Đáp án	CLO 1.1	10%	10%
A2. Đánh giá cuối kỳ					50%
A 2.1	- Bài thi tự luận; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.	Ngân hàng đề thi	CLO 1.1 CLO 4.1		
Công thức tính điểm tổng kết: $A1.1 \times 0.1 + A1.2 \times 0.1 + A1.3 \times 0.05 + A1.4 \times 0.05 + A1.5 \times 0.2 + A2.1 \times 0.5$					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham dự theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90%-dưới 95% buổi học	Tham dự 85%-dưới 90% buổi học	Tham dự 80%-dưới 85% buổi học	Tham dự <80% buổi học	50%
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50%

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Hình thức, bố cục	Không có lỗi chính tả; bố cục hợp lý	Có một vài lỗi chính tả, bố cục khá hợp lý	Có một số lỗi chính tả, bố cục không hợp lý	Nhiều lỗi chính tả; bố cục không hợp lý	Trình bày sai quy cách	50%
Nội dung	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 85% yêu cầu	Đáp ứng 60% đến dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng 50% đến dưới 60% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	50%

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	

giá						
Hình thức báo cáo	Bố cục logic, rõ ràng.	Bố cục tốt.	Bố cục khá tốt.	Bố cục ở mức cơ bản	Trình bày thiếu logic.	25%
Kỹ năng trình bày và trả lời câu hỏi	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói rõ ràng, thuyết phục, trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Nó khá rõ ràng, nhưng chưa tự tin, Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Nói nhỏ, trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Nói nhỏ, không trả lời được câu hỏi	25%
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng >70% yêu cầu	Đáp ứng >50% yêu cầu	Đáp ứng < 50% yêu cầu	40%
Tham gia thực hiện	100% thành viên tham gia thực hiện	~ 80% thành viên tham gia thực hiện	~ 60% thành viên tham gia thực hiện	< 50% thành viên tham gia thực hiện	< 40% thành viên tham gia thực hiện	10%

Rubric 4: Đánh giá bài A1.4

CĐR	TIÊU CHÍ	TỶ LỆ %	CHẤT LƯỢNG				ĐIỂM
			Tốt (10-9)	Khá (7-8.5)	Trung bình (5-6.5)	Yếu (<5)	
CLO 1.1 CLO 4.1	Nội dung bài trình bày	50	Nội dung đúng, rõ ràng và đầy đủ quy trình	Nội dung đúng, trình bày chưa rõ ràng hoặc không đầy đủ	Nội dung đúng, trình bày chưa rõ ràng và chưa đầy đủ	Nội dung không đúng, trình bày không rõ ràng và không đầy đủ	5
CLO 2.1	Trả lời câu hỏi và trao đổi trong phần thảo luận.	15	Câu trả lời hợp lý, trao đổi tự tin, rõ ràng và súc tích.	Câu trả lời hợp lý, trao đổi tự tin, thiếu rõ ràng hoặc thiếu súc tích.	Câu trả lời hợp lý, trao đổi thiếu tự tin, thiếu rõ ràng hoặc thiếu súc tích.	Câu trả lời thiếu hợp lý, trao đổi tự tin, thiếu rõ ràng hoặc thiếu súc tích. trong giờ học.	1.5
	Mức độ tham gia của các thành viên trong nhóm	15	Đạt trên 9 điểm tích cực do nhóm đánh giá	Đạt trên 7 điểm tích cực do nhóm đánh giá	Đạt dưới 6 điểm tích cực do nhóm đánh giá	Đạt dưới 5 điểm tích cực do nhóm đánh giá.	1.5
CLO 3.1	Đánh giá kỹ năng trình bày	20	Trình bày trôi chảy, to rõ, tự tin và tương tác với người nghe.	Trình bày trôi chảy, to rõ, thiếu tự tin hoặc thiếu tương tác	Trình bày trôi chảy, không to rõ hoặc thiếu tự tin hoặc thiếu	Trình bày không trôi chảy, không to rõ hoặc thiếu tự tin hoặc thiếu	2.0

				với người nghe.	tương tác với người nghe.	tương tác với người nghe.	
--	--	--	--	--------------------	---------------------------------	---------------------------------	--

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Phạm Huy Dũng, Phạm Huy Tuấn Kiệt, 2016, *Giáo trình công tác xã hội trong y tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

[2] Phạm Tiến Nam, Lý Thị Hảo, Bùi Thị Thu Hà (Đồng chủ biên), 2019, *Tài liệu công tác xã hội trong bệnh viện*, NXB LĐXH

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Trung Hải, 2021, *Hoạt động công tác xã hội trong bệnh viện*, NXB KHXH

[4] Sarah Gehlert, Teri Browne, 2012, *Handbook of health Social work*. NY: Wiley

7. Kế hoạch dạy học

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN					
1 (3 tiết)	1.1. Một số khái niệm 1.2. Mục đích và chức năng của công tác xã hội trong bệnh viện	Ở lớp - Thuyết trình - Phương pháp hỏi - đáp - Phương pháp làm việc nhóm Ở nhà - Phương pháp tự học	- Chuẩn bị học liệu Giáo trình công tác xã hội trong bệnh viện - Bài tập cá nhân: Tìm hiểu chức năng của công tác xã hội trong bệnh viện	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.5 A2.1
2 (3 tiết)	1.3. Nguyên tắc hoạt động và yêu cầu của người làm công tác xã hội trong bệnh viện 1.4 Một số hoạt động trọng tâm của công tác xã hội trong bệnh viện	Ở lớp - Thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp làm việc nhóm Ở nhà - Tự học - Phương pháp làm việc nhóm	- Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, bài tập trắc nghiệm modul kiến thức trên hệ thống Elearning trước khi lên lớp - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.5 A2.1
3 (3 tiết)	1.5 Các chính sách, pháp luật liên quan đến hoạt động công tác xã hội bệnh viện Bài tập cá nhân	Ở lớp - Thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp làm việc nhóm Ở nhà - Tự học - Phương pháp làm việc nhóm	- Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, bài tập trắc nghiệm modul kiến thức trên hệ thống Elearning trước khi lên lớp - Thực hiện thuyết trình về chủ đề này. - Đọc giáo trình công tác xã hội trong bệnh viện nội dung 1.5	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.3 A1.5 A2.1
CHƯƠNG 2: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP CAN THIỆP CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN					

4 (3 tiết)	2.1 Phương pháp quản lý trường hợp/quản lý ca trong bệnh viện 2.2 Phương pháp công tác xã hội nhóm trong bệnh viện	Ở lớp - Phương pháp thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp thảo luận nhóm - Phương pháp Hỏi đáp Ở nhà - Tự học - Làm việc nhóm	- Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, bài tập trắc nghiệm modul kiến thức trên hệ thống Elearning trước khi lên lớp - Thực hiện thuyết trình về chủ đề này. - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết. - Đọc giáo trình công tác xã hội trong bệnh viện - Chuẩn bị bài thảo luận nhóm lần 1	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.3 A1.5 A2.1
5 (3 tiết)	2.3 Phương pháp truyền thông về công tác xã hội trong bệnh viện 2.4 Phương pháp tham vấn tâm lý trong bệnh viện Thảo luận nhóm lần 1	Ở lớp - Phương pháp thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp Hỏi đáp Phương pháp làm việc nhóm Ở nhà - Phương pháp tự học	- Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, bài tập trắc nghiệm modul kiến thức trên hệ thống Elearning trước khi lên lớp - Thực hiện thuyết trình về chủ đề này. - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết. - Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, bài tập trắc nghiệm trong bài giảng Elearning trước khi lên lớp	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.2 A2.1
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KỸ NĂNG CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN					
6 (3 tiết)	3.1 Kỹ năng giao tiếp 3.2 Kỹ năng lắng nghe	Ở lớp - Phương pháp thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp Hỏi đáp Phương pháp làm việc nhóm Ở nhà - Tự học - Phương pháp nhóm	- Chuẩn bị tình huống về đề thực hành kỹ năng giao tiếp và kỹ năng lắng nghe - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết. - Đọc giáo trình công tác xã hội trong bệnh viện nội dung 3.1; 3.2.	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
7 (3 tiết)	3.3 Kỹ năng quan sát 3.4 Kỹ năng phản hồi	Ở lớp - Phương pháp thuyết trình (bài giảng điện tử trước	- Chuẩn bị tình huống về đề thực hành kỹ năng quan sát và kỹ năng phản hồi	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.5 A2.1

		khi lên lớp) - Phương pháp Hỏi đáp Phương pháp làm việc nhóm	- SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.		
		Ở nhà - Tự học	- Đọc giáo trình công tác xã hội trong bệnh viện nội dung 3.1; 3.2.		
8 (3 tiết)	3.5 Kỹ năng thấu cảm 3.6 Kỹ năng lập kế hoạch	Ở lớp - Thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp làm việc nhóm	- Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, bài tập trắc nghiệm trong bài giảng Elearning trước khi lên lớp - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.5 A2.1
		Ở nhà - Tự học - Phương pháp làm việc nhóm	- Đọc giáo trình công tác xã hội trong bệnh viện nội dung 3.5; 3.6 - Nghe bài giảng điện tử		
9 (3 tiết)	3.7 Kỹ năng quản lý khủng hoảng truyền thông 3.8 Kỹ năng huy động và điều phối nguồn lực	Ở lớp - Phương pháp thảo luận nhóm - Phương pháp Hỏi đáp	Chuẩn bị các câu hỏi thảo luận nhóm về nội dung 3.7; 3.8		
		Ở nhà - Tự học - Làm việc nhóm	- Đọc giáo trình công tác xã hội trong bệnh viện		
10 (3 tiết)	3.9 Kỹ năng xây dựng mạng lưới công tác xã hội trong bệnh viện	Ở lớp - Phương pháp thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Hoàn thành nghe bài giảng điện tử và các câu hỏi trắc nghiệm của bài giảng trước khi lên lớp - Thực hiện thuyết trình về chủ đề này. - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
		Ở nhà - Tự học	- Đọc giáo trình - Làm bài tập cá nhân giáo viên ra về nhà		
CHƯƠNG 4: QUY TRÌNH THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI BỆNH VIỆN					
11 (3 tiết)	4.1 Quy trình hỗ trợ người bệnh 4.2 Quy trình vận động, tiếp nhận và điều phối nguồn lực Thảo luận nhóm lần 2	Ở lớp - Phương pháp thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Hoàn thành nghe bài giảng điện tử và các câu hỏi trắc nghiệm của bài giảng trước khi lên lớp - Thực hiện thuyết trình về chủ đề này. - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
		Ở nhà	- Đọc giáo trình công tác		

		- Tự học	xã hội trong bệnh viện		
12 (3 tiết)	4.3 Quy trình tổ chức sự kiện cho người bệnh và nhân viên y tế 4.4 Quy trình truyền thông	Ở lớp - Phương pháp thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm Ở nhà - Phương pháp tự học	- Hoàn thành nghe bài giảng điện tử và các câu hỏi trắc nghiệm của bài giảng trước khi lên lớp - Thực hiện thuyết trình về chủ đề này. - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết. - Tìm hiểu về quy trình tổ chức sự kiện cho người bệnh và nhân viên y tế	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
13 (3 tiết)	4.5 Quy trình quản lý trường hợp/ca	- Phương pháp thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp làm việc nhóm Ở nhà - Phương pháp tự học	- Hoàn thành nghe bài giảng điện tử và các câu hỏi trắc nghiệm của bài giảng trước khi lên lớp - Thực hiện thuyết trình về chủ đề này. - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với nhóm về vấn đề lý thuyết. - Tìm hiểu về quy trình quản lý ca/quản lý trường hợp	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1
14 (3 tiết)	4.6 Quy trình làm việc nhóm	- Phương pháp làm việc nhóm - Phương pháp thuyết trình (các nhóm đã chuẩn bị) Ở nhà - Tự học - Phương pháp nhóm	- Chuẩn bị bài tập thảo luận trước khi đến lớp - Tìm hiểu quy trình làm việc nhóm trong bệnh viện	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.4 A2.1
15 (3 tiết)	4.7 Quy trình tham vấn tâm lý	- Phương pháp thuyết trình (các nhóm đã chuẩn bị) - Phương pháp thảo luận nhóm Ở nhà - Phương pháp tự học	- Thực hiện thuyết trình, đánh giá BT nhóm về chủ đề này. - SV củng cố lý thuyết bằng việc đưa ra các câu hỏi thảo luận nhóm Thực hiện ôn tập toàn bộ nội dung học phần	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.4 A2.1

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TRẺ EM**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: ThS. Trần Thị Khánh Dung

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0967237108; dungttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 2: ThS. Phan Thị Thúy Hà

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0914912918; haptt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên môn học (tiếng Việt): Công tác xã hội với trẻ em (tiếng Anh): Social work with children	
- Mã số học phần: SOW31026	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: + Học phần học trước:	
Mã số HP: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: Sinh viên có mặt tối thiểu 80% thời gian theo quy định + Sinh viên phải nộp đầy đủ các sản phẩm theo quy định.	
Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại: 0967237108 Email: dungttk@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Công tác xã hội với trẻ em là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức trong lĩnh vực công tác xã hội với trẻ em. Thông qua môn học, người học sẽ có những hiểu biết, kỹ năng cần thiết trong quá trình làm việc với đối tượng là trẻ em, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, cũng như kịp thời phát hiện, can thiệp trợ giúp cho trẻ em nói chung và những đối tượng trẻ em bị lạm dụng, trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt nói riêng vượt qua được những khó khăn, hòa nhập với gia đình cộng đồng và xã hội.

3. Mục tiêu học phần

Học phần công tác xã hội với trẻ em trang bị cho người học những kiến thức về lý thuyết cơ bản

trong lĩnh vực công tác xã hội với trẻ em. Rèn luyện kỹ năng nhận diện và phân loại được các đối tượng là trẻ em bị lạm dụng, trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt, cung cấp dịch vụ công tác xã hội cho trẻ em, trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng các kỹ năng làm việc với trẻ để giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của trẻ em. Tích cực chủ động trong tuyên truyền, xây dựng luật pháp, các chính sách, chương trình dịch vụ giành cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhằm giúp trẻ hòa nhập cộng đồng và phát triển, hoàn thiện nhân cách. Với hoạt động giảng dạy, học tập tiếp cận CDIO, người học sẽ được rèn luyện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong các nhóm đa ngành cũng như thái độ tích cực, chủ động tự tìm kiếm tài liệu, nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO1.2	PLO1.3	PLO2.1	PLO3.1	LPO3.2
	1.2.2	1.3.1	2.1.2	3.1.3	3.2.1
CLO1.1	✓				
CLO1.2	✓				
CLO1.3		✓			
CLO2.1			✓		
CLO3.1				✓	
CLO3.2					✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K2	Trình bày các khái niệm và yếu tố cơ bản trong công tác xã hội với trẻ em	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.2	K3	Nắm bắt được các kiến thức cơ bản về công tác xã hội với trẻ em. Hiểu về trẻ em, trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị lạm dụng	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.3	K3	Sử dụng được các kiến thức về kỹ năng, phương pháp trong việc trợ giúp, giải quyết vấn đề của trẻ	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Trắc nghiệm, tự luận
CLO2.1	A3	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội với trẻ em	Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO3.1	S2	Tham gia hoạt động trong hoạt động nghề nghiệp	Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO3.2	S2	Vận dụng giao tiếp trực tiếp và gián tiếp hiệu quả với trẻ em và các bên liên quan	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Trắc nghiệm, tự luận

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%

A1.1	- Chuyên cần, thái độ học tập: Điểm danh trên LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 1			10%
A1.2	- Bài tập cá nhân: SV nộp bài qua LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO1.1	40%	30%
			CLO1.2	40%	
			CLO2.1	20%	
A1.3	- Thảo luận nhóm: SV nộp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO1.1	30%	30%
			CLO1.2	30%	
			CLO2.1	20%	
			CLO3.1	20%	
A1.4	- Thi trắc nghiệm; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	40%	30%
			CLO3.1	30%	
			CLO3.2	30%	
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A2.1	- Thi tự luận: Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	30%	100%
			CLO1.2	30%	
			CLO1.3	20%	
			CLO3.2	20%	
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,1 + A1.2 x 0,3 + A1.3 x 0,3 + A1.4 x 0,3) x 0,5 + A2.1 x 0,5					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham gia các buổi học trên lớp theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90% đến dưới 95% buổi học	Tham dự 85% đến dưới 90% buổi học	Tham dự 80% đến dưới 85% buổi học	Tham dự dưới 80% buổi học	50
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung bài tập	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	70
Hình thức trình bày bài tập	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	30

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí	Mức đánh giá	Trọng
----------	--------------	-------

đánh giá	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	số (%)
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50
Hình thức trình bày báo cáo	Thông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Thông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Thông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Thông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều thông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Thuyết trình báo cáo	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	20
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40% thành viên tham gia	10

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1]. Đoàn Thị Thanh Huyền (chủ biên), *Giáo trình Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt*, Học viện phụ nữ Việt Nam, NXB đại học quốc gia Hà Nội (2021)

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Thị Khánh Dung, *Tập bài giảng công tác xã hội với trẻ em*, (tài liệu lưu hành nội bộ), Đại học Vinh (2021)

[3]. Nguyễn Lê Trang và Nguyễn Thị Thanh Hương, *Giáo trình công tác xã hội với gia đình và trẻ em*, Đại học Lao động xã hội, 2011.

[4]. UNICEP VIỆT NAM, "*Quản lý trường hợp bảo vệ trẻ em*", 2012.

[5]. UNICEP VIỆT NAM, "*Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em bị lạm dụng*", 2012.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
1 (3 tiết)	Chương 1: Tổng quan về công tác xã hội với trẻ em 1.1. Khái niệm 1.1.1. Hiểu về trẻ em 1.1.2. Công tác xã hội với trẻ em và công tác xã hội bảo vệ trẻ em	- Giới thiệu đề cương chi tiết học phần. - Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide. - Hướng dẫn và thành lập các nhóm học tập của SV. - Hoạt động nhóm tại lớp.	- Chuẩn bị các học liệu liên quan phục vụ cho môn học. - Lập email group của từng nhóm/hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với GV. - Đọc tài liệu số [1], [2], và [3] - Tự học: Các khái niệm liên	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

			quan về trẻ em		
2 (3tiết)	1.2. Mục đích, vai trò và các nguyên tắc trong công tác xã hội với trẻ em 1.2.1. Mục đích của công tác xã hội với trẻ em 1.2.2. Vai trò của nhân viên xã hội khi làm việc với trẻ em Hoạt động nhóm: <i>Các nhóm thảo luận về vai trò của nhân viên công tác xã hội với trẻ em</i>	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi vấn đề cho SV. Ra bài tập cho nhóm, hướng dẫn làm việc nhóm	- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. -Đọc tài liệu số [1], [2], và [3] - Tham gia làm việc nhóm - Tự học: Các vai trò của nhân viên công tác xã hội	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
3 (3tiết)	1.2. Mục đích, vai trò và các nguyên tắc trong công tác xã hội với trẻ em (tt) 1.2.3. Các nguyên tắc hành động trong công tác xã hội với trẻ em Hoạt động nhóm: <i>Phân tích các nguyên tắc hành động trong công tác xã hội với trẻ em</i>	- Đặt một số câu hỏi nhanh để ôn lại nội dung buổi học trước. - Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. Ra bài tập, hướng dẫn làm việc nhóm	- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. -Đọc tài liệu số [1], [2], và [3] - Tham gia làm việc nhóm	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
4 (3Tiết)	1.3. Các lý thuyết vận dụng trong công tác xã hội với trẻ em 1.3.1. Thuyết nhu cầu theo quan điểm của Maslow 1.3.2. Thuyết về các giai đoạn phát triển của E.Erikson 1.3.3. Thuyết gắn bó của J.BOWLBY 1.3.4. Thuyết năng động tâm lý/phân tâm của Sigmund Freud Hoạt động nhóm: <i>Vận dụng các thuyết khi phân tích nhu cầu của trẻ và các giai đoạn phát triển của trẻ</i>	- Đặt một số câu hỏi nhanh để ôn lại nội dung buổi học trước. - Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. Ra bài tập, hướng dẫn làm việc nhóm	-Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. -Đọc tài liệu số [1], [2], và [3] - Tham gia làm việc nhóm - Tự học: <i>Thuyết về các Thuyết năng động tâm lý/phân tâm của Sigmund Freud</i>	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
5 (3Tiết)	Thảo luận nhóm: <i>Vận dụng các lý thuyết trong công tác xã hội với trẻ em, phân tích về nhu cầu của trẻ, và các giai đoạn phát triển của trẻ</i>	- Thuyết trình, ôn tập - Ra bài tập, nêu vấn đề, định hướng sinh viên làm việc nhóm, giải quyết vấn đề	- Tham gia làm việc nhóm - Đọc tài liệu số [1], [2], và [3]. Tìm kiếm các tài liệu trên mạng Internet. - Máy tính xách tay có cài ứng	CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

			dụng Powerpoint hoặc giấy Ao, bút dạ...		
6 (3Tiết)	Chương 2: Công tác xã hội với trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt và thực hành công tác xã hội với trẻ em 2.1. Công tác xã hội với trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt 2.1.1. Khái niệm trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt và phân loại trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt 2.1.2. Công tác xã hội với một số nhóm đối tượng trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt	- Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. Câu hỏi cho cá nhân, và cho nhóm.	- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc tài liệu số [1], [2], và [3] Tự học: Các khái niệm liên quan về trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A2.1
7 (3Tiết)	2.1. Công tác xã hội với trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt (tt) 2.1.2. Công tác xã hội với một số nhóm đối tượng trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt Hoạt động nhóm: <i>Mỗi nhóm phân tích về một đối tượng cụ thể trong các đối tượng trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt. Thuyết trình trên lớp</i>	- Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Ra bài tập, nêu vấn đề, định hướng sinh viên làm việc nhóm, giải quyết vấn đề	- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc tài liệu số [1], [2], và [3] - Tham gia làm việc nhóm Tự học: Các nhóm trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A2.1
8 (3Tiết)	2.2. Cơ sở pháp lý liên quan đến trẻ em 2.2.1. Công ước quốc tế về quyền trẻ em 2.2.2. Một số chính sách, pháp luật liên quan đến trẻ em ở Việt Nam	- Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. Câu hỏi cho cá nhân, và cho nhóm.	- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc tài liệu số [1], [2], và [3] - Tham gia làm việc nhóm Tự học: Các văn bản pháp luật liên quan đến trẻ em, trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A2.1
9 (3Tiết)	2.3. Một số kỹ năng trong công tác xã hội với trẻ em 2.3.1. Kỹ năng thu hút sự tham gia của trẻ 2.3.2. Kỹ năng quan sát 2.3.3. Kỹ năng tham vấn trẻ em 2.3.4. Kỹ năng đặt câu hỏi Hoạt động nhóm: <i>Thực hành sắm vai vận dụng</i>	- Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Ra bài tập, nêu vấn đề, định hướng sinh viên làm việc nhóm, giải quyết vấn đề	- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc tài liệu số [1], [2], và [3] - Tham gia làm việc nhóm - Xây dựng tình huống và giải quyết vấn đề	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3 CLO2.1	A1.1 A1.2 A2.1

	<i>các kỹ năng xử lý tình huống</i>		theo nhóm		
10 (3Tiết)	2.4. Một số kỹ thuật sử dụng trong công tác xã hội với trẻ em 2.4.1. Kỹ thuật vẽ tranh, kể chuyện 2.4.2. Kỹ thuật sắm vai 2.4.3. Kỹ thuật tổ chức trò chơi 2.4.4. Kỹ thuật ghi chép Thảo luận nhóm: <i>Thực hành vẽ tranh, kể chuyện và phân tích tác phẩm</i>	- Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. Ra bài tập cho nhóm. - Hướng dẫn làm việc nhóm	- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc tài liệu số [1], [2], và [3] - Tham gia làm việc nhóm. - Chuẩn bị tranh, chuẩn bị câu chuyện, và thuyết trình	CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1
11 (3Tiết)	Chương 3: Trẻ em bị lạm dụng và quy trình quản lý trường hợp bảo vệ trẻ em bị lạm dụng 3.1. Trẻ bị lạm dụng 3.1.1. Khái niệm trẻ em bị lạm dụng 3.1.2. Phân loại các hình thức của lạm dụng trẻ em 3.1.3. Nhận diện trẻ bị lạm dụng	- Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết.	- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc tài liệu số [2], [4], và [5] - Tự học: <i>Một số hình thức khác được coi là lạm dụng trẻ em</i>	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3 CLO2.1	A1.1 A1.2 A2.1
12 (3Tiết)	3.2. Quy trình quản lý trường hợp bảo vệ trẻ em bị lạm dụng 3.2.1 Tiếp nhận thông báo và đánh giá sơ bộ tổn hại và nguy cơ Hoạt động nhóm: <i>Thực hành sắm vai về một cuộc gọi điện tiếp nhận thông báo</i>	- Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. Ra bài tập cho nhóm.	- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc tài liệu số [2], [4], và [5] - Tham gia làm việc nhóm	CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1
13 (3Tiết)	3.2. Quy trình quản lý trường hợp bảo vệ trẻ em bị lạm dụng (tt) 3.2.2. Xác minh và đánh giá toàn diện 3.2.3. Lập kế hoạch can thiệp Hoạt động nhóm: <i>Thực hành sắm vai đi xác minh, làm việc nhóm về đánh giá toàn diện sau khi xác</i>	- Hướng dẫn làm việc nhóm	Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc tài liệu số [2], [4], và [5] - Tham gia làm việc nhóm - Tự học: <i>Đánh giá sơ bộ tổn hại nguy cơ</i>	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A2.1

	<i>minh.</i>				
14 (3Tiết)	3.2. Quy trình quản lý trường hợp bảo vệ trẻ em bị lạm dụng (tt) 3.2.4. Triển khai kế hoạch bảo vệ 3.2.5. Kết thúc và lưu giữ hồ sơ	- Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết.	Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - -Đọc tài liệu số [2], [4], và [5] - Tham gia làm việc nhóm	CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1
15 (3Tiết)	Bài tập cá nhân: <i>Vận dụng quy trình quản lý trường hợp bảo vệ trẻ em, lập kế hoạch can thiệp cho 1 trường hợp cụ thể.</i> Ôn tập toàn học phần	- Thuyết trình, ôn tập - Giáo viên ra bài tập. Sinh viên làm bài cá nhân và nộp bài - Ôn tập toàn học phần	- Ôn tập, chuẩn bị các học liệu cần thiết. Tìm kiếm các tài liệu trên mạng Internet về 1 trường hợp trẻ em bị lạm dụng. -Đọc tài liệu số [2], [4], và [5] - Tự học: Hệ thống các nội dung của học phần	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3 CLO2.1	A1.1 A1.2 A2.1

8. Nhiệm vụ của người học:

- Người học phải tham gia nghe giảng tại lớp đạt số giờ quy định của học phần.
- Người học phải chuẩn bị bài, có ý thức học tập và tinh thần xây dựng bài trên lớp.
- Hoàn thành các bài kiểm, bài thi theo quy định
- Dự thi kết thúc học phần

9. Ngày phê duyệt:

10. Cấp phê duyệt:

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: ThS. Phùng Văn Nam

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0941250777, phungvannam@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, An sinh xã hội, Xã hội học

Giảng viên 2: ThS. Trần Thị Khánh Dung

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: dungttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 3: ThS. Phan Thị Thuý Hà

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: haptt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Phát triển cộng đồng (tiếng Anh): Community Development		
- Mã số học phần: SOW30015		
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội		
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:		
☐ Kiến thức cơ bản	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung	
☐ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Kiến thức khác	
☒ Kiến thức ngành		
- Thuộc loại học phần:	☒ Bắt buộc	☐ Tự chọn
- Số tín chỉ: 04		
+ Số tiết lý thuyết: 40		
+ Số tiết thảo luận/bài tập: 20		
+ Số tiết thực hành: 0		
+ Số tiết tự học: 120		
- Điều kiện đăng ký học:		
+ Học phần tiên quyết:	Mã số HP:	
+ Học phần học trước:	Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:		
+ Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% trở lên		
+ Sinh viên/nhóm phải nộp đầy đủ các sản phẩm theo quy định.		
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội		
Điện thoại: 0941250777		Email: phungvannam@vinhuni.edu.vn

2. Mô tả học phần

Phát triển cộng đồng là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội. Học phần giúp người học nắm bắt một số kiến thức về phát triển cộng đồng. Người học được tích lũy các kiến thức, kỹ năng để công tác xã hội với cộng đồng; được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp với phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự chủ quá trình học tập của bản thân.

3. Mục tiêu học phần

Phát triển cộng đồng giúp người học trình bày một số kiến thức chung về quản trị ngành công tác xã hội, các hoạt động trong quản trị công tác xã hội ở cấp độ tổ chức và cấp độ nhân viên xã hội; thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp trong quá trình làm việc với các cá nhân và tổ chức xã hội; vận dụng kỹ năng công nghệ thông tin, giao tiếp trực tiếp và gián tiếp hiệu quả. Từ đó, đưa ra được các cách thức quản trị trong các cơ sở xã hội hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO1.3	PLO2.1	PLO3.1	PLO3.2	PLO4.1
	1.3.3	2.1.2	3.1.1	3.2.1	4.1.1
CLO1.1	✓				
CLO1.2	✓				
CLO1.3	✓				
CLO2.1		✓			
CLO3.1			✓		
CLO3.2				✓	
CLO4.1					✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày được một số kiến thức cơ bản về cộng đồng và vấn đề cộng đồng	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.2	K3	Trình bày được một số kỹ năng và phương pháp vận dụng trong nghề tác viên cộng đồng	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.3	K3	Trình bày được khái niệm và chu trình dự án phát triển cộng đồng	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO2.1	A3	Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp trong quá trình làm việc với cộng đồng	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Tổ chức và điều hành nhóm hiệu quả	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.2	S2	Thực hiện thuyết trình logic, thuyết phục	Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO4.1	C3	Nắm bắt các vấn đề cộng đồng	Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	- Chuyên cần, thái độ học tập: Điểm danh trên LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 1			20%
A1.2	- Thảo luận nhóm: SV nộp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO1.1	20%	40%
			CLO1.2	20%	
			CLO1.3	20%	

			CLO2.1	10%	
			CLO3.1	10%	
			CLO3.2	10%	
			CLO4.1	10%	
A1.3	- Thi trắc nghiệm; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	100%	40%
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A2.1	- Thi tự luận; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	30%	100%
			CLO1.2	30%	
			CLO1.3	30%	
			CLO4.1	10%	
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,2 + A1.2 x 0,3 + A1.3 x 0,4) x 0,5 + A2.1 x 0,5					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham gia các buổi học trên lớp theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90% đến dưới 95% buổi học	Tham dự 85% đến dưới 90% buổi học	Tham dự 80% đến dưới 85% buổi học	Tham dự dưới 80% buổi học	50
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo/chất lượng sản phẩm	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	40
Hình thức báo cáo	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Kỹ năng trình bày	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục	20
Trả lời câu hỏi	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	10
Tham gia	100%	Từ 80%-99%	Từ 60%-79%	Từ 40%-	Dưới 40%-	10

thực hiện	thành viên tham gia	thành viên tham gia	thành viên tham gia	59% thành viên tham gia	thành viên tham gia	
-----------	------------------------	------------------------	------------------------	-------------------------------	------------------------	--

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Nguyễn Kim Liên (2010), *Giáo trình Phát triển cộng đồng*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Trần Thị Kim Xuyên (Chủ biên) (2010), *Phát triển cộng đồng: Từ lý thuyết đến thực hành*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[3] Nguyễn Trung Hải (Chủ biên) (2016), *Giáo trình phát triển cộng đồng*, NXB Dân trí, Hà Nội.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
1(4)	Chương 1: Cộng đồng và những yếu tố tác động đến sự hình thành, hội nhập của cộng đồng 1.1. Nhận thức về cộng đồng 1.1.1. Khái niệm cộng đồng 1.1.2. Cá nhân trong cộng đồng 1.1.3. Sự khác biệt giữa cộng đồng và xã hội 1.2. Vai trò của cộng đồng 1.2.1. Vai trò đối với cá nhân 1.2.2. Vai trò đối với đất nước	- Giới thiệu đề cương chi tiết học phần. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 10-19. - Lập email group của từng nhóm/hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với GV. - Tự học: Sự khác biệt giữa cộng đồng và xã hội	CLO1.1	A1.1, A1.3, A2.1
2(4)	Chương 1: Cộng đồng và những yếu tố tác động đến sự hình thành, hội nhập của cộng đồng (tiếp) 1.3. Các yếu tố tạo thành cộng đồng 1.3.1. Yếu tố địa vực 1.3.2. Yếu tố kinh tế 1.3.3. Yếu tố văn hoá, xã hội 1.4. Những yếu tố tác động đến sự hội nhập của cộng đồng 1.4.1. Đoàn kết cộng đồng và ý thức cộng đồng 1.4.2. Nhu cầu cộng đồng 1.4.3. Các thiết chế và thể chế cộng đồng 1.4.4. Quản lý, lãnh đạo cộng đồng 1.5. Cộng đồng ở Việt Nam 1.5.1. Một số đặc điểm cộng đồng nông thôn Việt Nam 1.5.2. Một số đặc điểm cộng	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 20-32. - Tự học: Quản lý, lãnh đạo cộng đồng	CLO1.1	A1.1, A1.3, A2.1

	đồng thành thị Việt Nam				
3(4)	Thảo luận nhóm: Phân tích những yếu tố tác động đến sự hội nhập cộng đồng. Lấy ví dụ tại một cộng đồng cụ thể ở Việt Nam.	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 20-32. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	A1.1, A1.2
4(4)	Chương 2: Một số nội dung về vấn đề cộng đồng và phát triển cộng đồng 2.1. Vấn đề cộng đồng 2.1.1. Khái niệm về vấn đề cộng đồng 2.1.2. Phân loại vấn đề cộng đồng 2.1.3. Nguồn gốc của vấn đề cộng đồng 2.1.4. Tính cục bộ và tính thời đại của vấn đề cộng đồng 2.2. Các phương pháp giải quyết vấn đề cộng đồng 2.2.1. Phương pháp hành chính 2.2.2. Phương pháp kinh tế 2.2.3. Phương pháp phát triển cộng đồng	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 41-62. - Tự học: Tính cục bộ và tính thời đại của vấn đề cộng đồng	CLO1.1	A1.1, A2.1
5(4)	Chương 2: Một số nội dung về vấn đề cộng đồng và phát triển cộng đồng (tiếp) 2.3. Phát triển cộng đồng 2.3.1. Khái niệm phát triển cộng đồng 2.3.2. Ý nghĩa của phát triển cộng đồng 2.3.3. Bản chất của phát triển cộng đồng 2.3.4. Nguyên tắc của phát triển cộng đồng 2.4. Lịch sử hình thành và phát triển của phát triển cộng đồng 2.4.1. Phát triển cộng đồng trên thế giới 2.4.2. Phát triển cộng đồng ở Việt Nam	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 62-84, từ trang 115-129. - Tự học: Bản chất của phát triển cộng đồng	CLO1.1	A1.1, A2.1
6(4)	Chương 2: Một số nội dung về vấn đề cộng đồng và phát triển cộng đồng (tiếp)	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 84-100. - Tự học: Khái	CLO1.1	A1.1, A2.1

	2.5. Tiến trình phát triển cộng đồng 2.5.1. Khái niệm tiến trình phát triển cộng đồng 2.5.2. Các giai đoạn trong tiến trình phát triển cộng đồng		niệm tiến trình phát triển cộng đồng		
7(4)	Thảo luận nhóm: Xác định vấn đề tại một cộng đồng cụ thể, áp dụng tiến trình phát triển cộng đồng để giải quyết vấn đề cộng đồng nêu trên.	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 84-100. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy Ao, bút dạ...	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	A1.1, A1.2
8(4)	Chương 3: Nội dung, kỹ năng, công cụ và phương pháp vận dụng trong nghề tác viên cộng đồng 3.1. Tác viên cộng đồng 3.1.1. Khái niệm tác viên cộng đồng 3.1.2. Yêu cầu đối với tác viên cộng đồng 3.1.3. Vai trò của tác viên cộng đồng 3.1.4. Những điều nên làm và không nên làm của tác viên cộng đồng	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 130-135. - Tự học: Những điều nên làm và không nên làm của tác viên cộng đồng	CLO1.2	A1.1, A2.1
9(4)	Chương 3: Nội dung, kỹ năng, công cụ và phương pháp vận dụng trong nghề tác viên cộng đồng (tiếp) 3.2. Kỹ năng của nghề tác viên cộng đồng 3.2.1. Tổ chức các cuộc họp với người dân 3.2.2. Tổ chức tập huấn 3.2.3. Xây dựng các tổ chức của dân 3.2.4. Đánh giá và lập kế hoạch cộng đồng có sự tham gia	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 137-177. - Tự học: Đánh giá và lập kế hoạch cộng đồng có sự tham gia	CLO1.2	A1.1, A2.1
10(4)	Thảo luận nhóm: Xây dựng tình huống và sắm vai thể hiện kỹ năng tổ chức cuộc họp với người dân, tổ chức tập huấn.	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 137-177. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy Ao, bút dạ...	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	A1.1, A1.2
11(4)	Chương 3: Nội dung, kỹ năng, công cụ và phương	- Ôn tập, củng cố kiến thức.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 178-	CLO1.2	A1.1, A2.1

	pháp vận dụng trong nghề tác viên cộng đồng (tiếp) 3.3. Công cụ của nghề tác viên cộng đồng 3.3.1. Về sơ đồ cộng đồng 3.3.2. Lược sử cộng đồng 3.3.3. Phân tích các tổ chức 3.3.4. Phân loại, xếp hạng ưu tiên 3.3.5. Bảng kiểm 3.4. Một số phương pháp vận dụng trong nghề tác viên cộng đồng 3.4.1. Phương pháp phân tích vấn đề 3.4.2. Phương pháp phân tích mục tiêu 3.4.3. Phương pháp thúc đẩy sự tham gia	- Thuyết trình.	209. - Tự học: Bảng kiểm		
12(4)	Chương 4: Khái niệm, phân loại và chu trình dự án phát triển cộng đồng 4.1. Khái niệm, phân loại và chu trình dự án phát triển cộng đồng 4.1.1. Khái niệm dự án phát triển cộng đồng 4.1.2. Phân loại dự án phát triển cộng đồng 4.1.3. Chu trình dự án phát triển cộng đồng 4.2. Thiết kế dự án phát triển cộng đồng 4.2.1. Nhận diện cộng đồng 4.2.2. Xác định nhu cầu 4.2.3. Xác định mục tiêu	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 210-261. - Tự học: Phân loại dự án phát triển cộng đồng	CLO1.3	A1.1, A2.1
13(4)	Chương 4: Khái niệm, phân loại và chu trình dự án phát triển cộng đồng (tiếp) 4.2.4. Đánh giá nguồn lực và trở ngại 4.2.5. Hoạch định các hoạt động 4.3. Thực hiện dự án phát triển cộng đồng 4.3.1. Các hoạt động phối hợp 4.3.2. Hoạt động giám sát 4.3.3. Quản lý dự án	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 210-261. - Tự học: Quản lý dự án	CLO1.3	A1.1, A2.1

14(4)	Chương 4: Khái niệm, phân loại và chu trình dự án phát triển cộng đồng (tiếp) 4.4. Đánh giá dự án phát triển cộng đồng 4.4.1. Thiết kế đánh giá 4.4.2. Thu thập thông tin 4.4.3. Phân tích thông tin 4.4.4. Sử dụng các kết luận 4.5. Thành công và thất bại của dự án phát triển cộng đồng 4.5.1. Thành công của dự án phát triển cộng đồng 4.5.2. Thất bại của dự án phát triển cộng đồng	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 210-261. - Tự học: Thất bại của dự án phát triển cộng đồng	CLO1.3	A1.1, A2.1
15(4)	Thảo luận nhóm: Mô tả lại chu trình của một dự án phát triển cộng đồng.	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 215-227. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	A1.1, A1.2

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN THAM VẤN TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: ThS. Phan Thị Thuý Hà

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0914912918; haptt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 2: TS. Võ Thị Cẩm Ly

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0962248209; lyvtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội.

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Tham vấn trong công tác xã hội (tiếng Anh): Consultation in social work	
- Mã số học phần: SOW31010	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành	
☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Học phần dạy học theo hình thức dự án/đề án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/ bài tập: 15 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: + Học phần học trước:	
Mã số HP: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt tại địa điểm thực hành: 80% + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại: 0914912918 Email: haptt@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Tham vấn trong công tác xã hội là môn học bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Công tác xã hội. Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy tại học kỳ 5. Học phần giúp sinh viên có hiểu biết khoa học về kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản nhất về công tác tham vấn, từ đó người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp với phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự chủ quá trình học tập của bản thân.

3. Mục tiêu học phần

Tham vấn trong công tác xã hội giúp sinh viên có những hiểu biết khoa học về kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản nhất về công tác tham vấn như: bản chất của tham vấn, các nguyên tắc đạo đức trong thực hành tham vấn; các vấn đề của cá nhân, gia đình, nhóm và mối quan hệ giữa nhà tham vấn và các loại thân chủ trên; các kỹ năng tham vấn cơ bản và các bước thực hiện một tiến

trình tham vấn. Hình thành nên thái độ hành xử chuyên nghiệp trong quá trình làm việc với các thân chủ.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo			
	PLO 1.2	PLO 2.1	PLO 3.1	PLO 3.2
	1.2.1	2.1.1	3.1.1	3.2.1
CLO1.1	v			
CLO2.1		v		
CLO3.1			v	
CLO3.2				v

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Vận dụng kiến thức hành vi con người và môi trường xã hội để phát hiện vấn đề của thân chủ	Thuyết trình, hướng dẫn bài tập, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO2.1	A3	Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp trong quá trình tham vấn	Thuyết trình, hướng dẫn bài tập, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO3.1	S2	Tổ chức và điều hành nhóm hiệu quả	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.2	S2	Thực hiện thuyết trình các vấn đề liên quan đến tham vấn và công tác tham vấn	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên				30%
A1.1	- Chuyên cần, thái độ học tập: Điểm danh trên LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 1		10%
A1.2	- Bài tập cá nhân: SV nộp bài qua LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1	10%
A1.3	- Thảo luận nhóm: SV nộp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ				20%
A2.1	- Thi trắc nghiệm; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.2	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ				50%
A3.1	- Thi tự luận; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.2	50%
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,1 + A1.2 x 0,1+ A1.3 x 0,1) + (A2.1 x				

0,2) + A3.1 x 0,5

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham gia các buổi học trên lớp theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90% đến dưới 95% buổi học	Tham dự 85% đến dưới 90% buổi học	Tham dự 80% đến dưới 85% buổi học	Tham dự dưới 80% buổi học	50
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung bài tập	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	70
Hình thức trình bày bài tập	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính từ 70% trở lên	30

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50
Hình thức trình bày báo cáo	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính từ 70% trở lên	20
Thuyết trình báo cáo	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	20
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40% thành viên tham gia	10

				gia		
--	--	--	--	-----	--	--

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Bùi Thị Xuân Mai (Chủ biên), *Giáo trình tham vấn*, NXB Lao động-xã hội, 2008.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Thị Minh Đức, *Giáo trình tham vấn tâm lý*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2011.

[3]. Trần Đình Tuấn, *Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2013.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần (số tiết)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
1 (3)	Chương 1: Khái niệm, mục đích, ý nghĩa của tham vấn 1.1. Khái niệm tham vấn và các khái niệm có liên quan 1.2. Mục đích, ý nghĩa của tham vấn	- Giới thiệu đề cương chi tiết học phần. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 5 đến trang 11. - Vở ghi chép. - Lập email group của từng nhóm/hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với GV. - Tự học: Ý nghĩa của Tham vấn	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
2 (3)	Chương 1: Khái niệm, mục đích, ý nghĩa của tham vấn (tiếp) 1.3. Tiến trình tham vấn	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 37 đến trang 39. - Tự học: Những kỹ năng cần chú ý trong từng giai đoạn của tiến trình tham vấn.	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
3 (3)	Chương 2: Nghề tham vấn và giá trị đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn 2.1. Nghề tham vấn và sự hình thành nghề tham vấn	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 18 đến trang 27 - Tự học: Nghề tham vấn ở Việt Nam	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
4 (3)	Thảo luận nhóm: Tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển nghề tham vấn trên Thế giới và Việt Nam.	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 44 đến trang 60. - Tìm kiếm các tài liệu trên mạng Internet về lịch sử hình thành và phát triển nghề tham vấn trên Thế giới và Việt Nam - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.1 CLO3.2	A1.1, A2.1, A3.1

5 (3)	Chương 2: Nghề tham vấn và giá trị đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn (tiếp) 2.2. Giá trị đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn.	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 20 đến trang 35. - Tự học: Tìm hiểu một số yếu tố tác động đến kỹ năng tham vấn của nhà tham vấn. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.1, CLO2.1 CLO3.1	A1.1, A1.3
6 (3)	Chương 3: Lý luận chung về tham vấn cá nhân 3.1. Khái niệm chung về tham vấn cá nhân. 3.2. Một số lý thuyết và cách tiếp cận trong tham vấn cá nhân	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 60 đến trang 97. - Tự học: Lý thuyết về các giai đoạn phát triển của Erick Erikson.	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
7 (3)	Bài tập cá nhân: Ứng dụng nội dung lý thuyết nhu cầu của Abraham Maslow trong tham vấn cá nhân	- Bài tập cá nhân.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 60 đến trang 97. - Vở bài tập cá nhân. - Tự học: Tìm hiểu các tình huống CTXH có liên quan đến nhu cầu của các cá nhân.	CLO1.1, CLO2.1 CLO3.2	A1.1, A1.2
8 (3)	Chương 4: Thực hành tham vấn cá nhân tại lớp học 4.1. Thực hành các kỹ năng trong tham vấn cá nhân	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 141 đến trang 153. - Tự học: Kỹ năng tóm lược	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
9 (3)	Chương 4: Thực hành tham vấn cá nhân tại lớp học (tiếp) 4.2. Thực hành quy trình tham vấn cá nhân	- Bài tập cá nhân.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 141 đến trang 153. - Vở bài tập cá nhân. - Tự học: Tìm hiểu và xây dựng một tình huống CTXH thuộc lĩnh vực nghiên cứu của tham vấn cá nhân.	CLO1.1, CLO2.1	A1.1, A1.2
10 (3)	Thảo luận nhóm: Lập kế hoạch tham vấn cá nhân cho một tình huống cụ thể thuộc đối tượng nghiên cứu	- Bài tập cá nhân.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 61 đến trang 114. - Tự học: Tìm hiểu các bước can thiệp cho tình huống tham vấn cá nhân đã xây dựng.	CLO1.2 CLO3.2	A1.1, A2.1, A3.1

11 (3)	Chương 5: Một số vấn đề chung về tham vấn gia đình 5.1. Khái niệm, mục đích, ý nghĩa của tham vấn gia đình 5.2. Một số nguyên tắc cơ bản trong tham vấn gia đình 5.3. Gia đình và những vấn đề trong gia đình	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 157 đến trang 171. - Tự học: Một số nguyên tắc cơ bản trong tham vấn gia đình.	CLO1.2	A1.1, A2.1, A3.1
12 (3)	Chương 5: Một số vấn đề chung về tham vấn gia đình (tiếp) 5.4. Một số mô hình can thiệp trong tham vấn gia đình	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 157 đến trang 171. - Tự học: Xây dựng một tình huống gia đình thuộc đối tượng nghiên cứu của tham vấn.	CLO1.2	A1.1, A2.1, A3.1
13 (3)	Bài tập cá nhân: Ứng dụng mô hình can thiệp cấu trúc gia đình để giải quyết một tình huống cụ thể thuộc đối tượng nghiên cứu	- Bài tập cá nhân.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 171 đến trang 184. - Vở bài tập cá nhân. - Tự học: Mô hình can thiệp hệ thống gia đình.	CLO1.2, CLO2.1 CLO3.2	A1.1, A1.2
14 (3)	Chương 6: Thực hành tham vấn gia đình tại lớp học 6.1. Thực hành một số kỹ năng trong tham vấn gia đình 6.2. Thực hành quy trình tham vấn trong gia đình	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 184 đến trang 206. - Tự học: Các mối quan hệ trong gia đình.	CLO1.2	A1.1, A2.1, A3.1
15 (3)	Thảo luận nhóm và ôn tập học phần: Lập kế hoạch tham vấn gia đình cho một đối tượng thuộc phạm vi nghiên cứu	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước học liệu số [1] từ trang 184 đến trang 192. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ... - Tự học: Ôn tập học phần	CLO1.2, CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1, A1.3

8. Nhiệm vụ của người học

9. Ngày phê duyệt:

10. Cấp phê duyệt:

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN VÀ NHÓM**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: ThS. Phùng Văn Nam

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0941250777, phungvannam@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, An sinh xã hội, Xã hội học

Giảng viên 2: TS. Võ Thị Cẩm Ly

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0962248209; lyvtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội.

Giảng viên 3: TS. Ông Thị Mai Thương

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0977005095; ongmaithuong@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội, chính sách xã hội

Giảng viên 4: ThS. Phan Thị Thuý Hà

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0914912918; haptt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 5: ThS. Nguyễn Thị Hoài An

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0868214777; annth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 6: ThS. Trần Thị Khánh Dung

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0967237108; dungttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 7: ThS. Phạm Thị Oanh

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0986529426; oanhpt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN VÀ NHÓM (tiếng Anh): Practice individual and group social work		
- Mã số học phần: SOW30017		
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội		
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:		
☐ Kiến thức cơ bản	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung	
☐ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Kiến thức khác	
☒ Kiến thức ngành		
- Thuộc loại học phần:	☒ Bắt buộc	☐ Tự chọn
- Số tín chỉ: 05		

+ Số tiết lý thuyết:	0
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	60
+ Số tiết đồ án:	15
+ Số tiết tự học:	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết:	Mã số HP:
+ Học phần học trước:	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:	
+ Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần	
+ Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm dự án học phần qua LMS (Mục 5.1).	
+ Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành	
- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội	
Điện thoại: 0868214777	Email: annth@vinhuni.edu.vn

2. Mô tả học phần

Thực hành công tác xã hội cá nhân và nhóm là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội nhằm giúp người học có cơ hội vận dụng các kiến thức đã học tại giảng đường vào thực tiễn giúp sinh viên định hướng và giải quyết được những vấn đề mà đối tượng đang gặp tại địa bàn cơ sở. Thực hành công tác xã hội cá nhân và nhóm còn giúp sinh viên rèn luyện những kỹ năng về giao tiếp ứng xử, về lắng nghe, chia sẻ và nhìn nhận cuộc sống theo nhiều phương diện khác nhau.

3. Mục tiêu học phần

Học phần thực hành công tác xã hội cá nhân và nhóm giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành thực hành trong môi trường chuyên nghiệp; thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội. Đồng thời sinh viên có khả năng xác định, đánh giá vấn đề, xây dựng và thực hiện hoạt động trợ giúp với cá nhân và nhóm

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo								
	PLO 2.1		PLO 2.2	PLO3.2	PLO4.1	PLO4.2			
	2.1.1	2.1.2	2.2.3	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
CLO2.1	✓								
CLO2.2		✓							
CLO2.3			✓						
CLO3.1				✓					
CLO4.1					✓				
CLO4.2						✓			
CLO4.3							✓		
CLO4.4								✓	
CLO4.5									✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO2.1	A4	Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp trong quá trình làm việc với các cá nhân và tổ chức xã hội	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO2.2	A4	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá

CLO2.3	S3	Vận dụng kỹ năng công nghệ thông tin trong công việc và nghiên cứu công tác xã hội	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S3	Vận dụng giao tiếp trực tiếp và gián tiếp hiệu quả	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO4.1	K3	Nắm bắt các vấn đề xã hội và môi trường xã hội	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO4.2	C4	Xác định vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO4.3	C4	Đánh giá vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp, đồ án	Phiếu đánh giá
CLO4.4	C4	Xây dựng hoạt động trợ giúp với cá nhân, nhóm và cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO4.5	C4	Thực hiện hoạt động trợ giúp với cá nhân, nhóm và cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	Đánh giá ý thức thái độ	Rubric 1 Phiếu đánh giá	CLO2.1	50%	20%
			CLO2.2	50%	
A.1.2	Đánh giá tiến độ đồ án	Rubric 2 Báo cáo	CLO4.1	100%	20%
A1.3	Seminar	Rubric 3 Phiếu đánh giá	CLO2.3	50%	10%
			CLO3.1	50%	
A2. Đánh giá cuối kỳ					50%
			CLO4.2	25%	
			CLO4.3	25%	
			CLO4.4	25%	
			CLO4.5	50%	
Công thức tính điểm học phần: $A1.1 \times 0,2 + A1.2 \times 0,2 + A1.3 \times 0,1 + A2.1 \times 0,5$					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá				F (0-3.9)	Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)		
Mức độ tham gia các buổi đi thực hành cá nhân và	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90%-dưới 95% buổi học	Tham dự 85%-dưới 90% buổi học	Tham dự 80%-dưới 85% buổi học	Tham dự <80% buổi học	50%

nhóm						
Mức độ tham gia các hoạt động thực hành cá nhân và nhóm	Tham dự từ 95% hoạt động trở lên	Tham dự 90%-dưới 95% hoạt động	Tham dự 85%-dưới 90% hoạt động	Tham dự 80%-dưới 85% hoạt động	Tham dự <80% hoạt động	50%

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Hình thành ý tưởng về đồ án	Xác định vấn đề nghiên cứu trên 90% yêu cầu	Xác định vấn đề nghiên cứu 80- dưới 90% yêu cầu	Xác định vấn đề nghiên cứu 75%-dưới 80% yêu cầu	Xác định cơ bản vấn đề nghiên cứu trên 70% yêu cầu.	Xác định vấn đề nghiên cứu dưới 70% yêu cầu.	40%
Thiết kế đồ án	- Lập luận, phân tích tốt. - Thiết kế cấu trúc đồ án trên 90% yêu cầu - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt.	- Lập luận, phân tích tốt. - Thiết kế cấu trúc đồ án 80- dưới 90% yêu cầu - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt.	- Lập luận, phân tích khá tốt. - Thiết kế cấu trúc đồ án 75%-dưới 80% yêu cầu - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt.	- Lập luận, phân tích ở mức cơ bản. - Thiết kế cấu trúc đồ án trên 70% yêu cầu. - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt.	- Lập luận, phân tích ở mức cơ bản. - Thiết kế cấu trúc đồ án dưới 70% yêu cầu. - Chưa đề xuất được giải pháp triển khai đồ án.	20%
Triển khai đồ án	- Triển khai đồ án bám sát vấn đề nghiên cứu, theo đúng kế hoạch trên 90% yêu cầu	- Triển khai đồ án bám sát vấn đề nghiên cứu dưới 90- trên 70% yêu cầu	- Triển khai đồ án đáp ứng khá tốt vấn đề nghiên cứu dưới 70%-trên 60% yêu cầu	- Triển khai đồ án đáp ứng cơ bản vấn đề nghiên cứu dưới 60 – trên 50% yêu cầu	- Triển khai đồ án từ dưới 50%	20%

Hình thức báo cáo	Trình bày khoa học, bố cục hợp lý	Trình bày có một vài lỗi chính tả, bố cục khá tốt	Trình bày có nhiều lỗi chính tả, bố cục đạt yêu cầu	Một số lỗi chính tả, bố cục không hợp lý	Trình bày sai quy cách	20%
--------------------------	-----------------------------------	---	---	--	------------------------	-----

Rubric 3: Đánh giá bài A.13

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia seminar	-Thu thập và đưa ra nhiều tài liệu liên quan đến chủ đề seminar - Đưa ra những phân tích, lập luận rõ ràng, liên quan đến chủ đề	-Thu thập thông tin cơ bản về chủ đề - Tham gia tranh luận tích cực.	- Có đưa ra lập luận nhưng không rõ ràng.	- Chỉ tham gia vào tranh luận chủ đề khi giảng viên yêu cầu	- Không tham gia tranh luận	50%
Trả lời câu hỏi phản biện	Trả lời chính xác các câu hỏi	Trả lời được 2/3 số câu hỏi	- Trả lời được ½ số câu hỏi	- Trả lời được dưới 1/2 câu hỏi	Không trả lời được các câu hỏi	50%

Rubric 4: Đánh giá bài A2.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung đồ án Báo cáo thuyết minh bản Word	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành tốt.	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành khá tốt.	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành ở mức tạm được	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành ở mức cơ bản	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành chưa đạt yêu cầu	40%
Hình thức báo cáo	Trình bày khoa học, bố cục hợp lý	Trình bày có một vài lỗi chính tả, bố cục khá tốt	Trình bày có nhiều lỗi chính tả, bố cục đạt yêu cầu	Một số lỗi chính tả, bố cục không hợp lý	Trình bày sai quy cách	20%
Trình bày đồ án	- Slide thiết kế tốt. -Trình bày	- Slide thiết kế tốt. -Trình bày	- Slide thiết kế khá tốt. -Trình bày	Có slide hỗ trợ thuyết trình	Có slide hỗ trợ thuyết trình	20%

	rõ ràng, cuốn hút.	rõ ràng, trôi chảy.	đầy đủ nội dung.	- Trình bày chưa đầy đủ nội dung.	Trình bày chưa đạt yêu cầu cơ bản	
Trả lời câu hỏi phản biện	Trả lời chính xác các câu hỏi	Trả lời 2/3 số câu hỏi	Trả lời ½ câu hỏi	Trả lời chưa chính xác các câu hỏi	Không trả lời câu hỏi	20%

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

1. Nguyễn Thị Thái Lan, *Giáo trình Công tác xã hội nhóm*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội, 2008.
2. Nguyễn Thị Thái Lan, Bùi Thị Xuân Mai, *Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và gia đình*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội, 2011.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Huy Dũng (Chủ biên), *Công tác xã hội – lý thuyết và thực hành công tác xã hội trực tiếp*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007.
2. Bùi Thị Xuân Mai (Chủ biên), *Tham vấn*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2008.
3. Trần Đình Tuấn, *Thực hành công tác xã hội với cá nhân*, Lớp đào tạo sau đại học của Unicef và ĐHKHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CDR học phần
1 (5)	NỘI DUNG THỰC HÀNH 1: TIẾP CẬN CƠ SỞ VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH 1.1. Đến địa điểm thực hành, ổn định chỗ ở, sinh hoạt cho giảng viên và sinh viên	- Cơ sở thực hành	- Đoàn sinh viên di chuyển đến cơ sở thực hành. Hướng dẫn sinh viên gặp gỡ lãnh đạo, nhân viên cơ sở thực hành để trao đổi những thông tin sơ bộ ban đầu. Phối hợp với cán bộ và địa phương ổn định chỗ ăn ở cho sinh viên	- Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển của cơ sở thực tế	A1.1 A1.2	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2
2 (5)	1.2. Gặp mặt lãnh đạo, cán bộ cơ sở để báo cáo kế hoạch, nội dung thực hành và nghe báo cáo sơ qua về đặc điểm tình hình chung của cơ sở thực hành	- Cơ sở thực hành	- Hướng dẫn sinh viên gặp gỡ lãnh đạo, nhân viên cơ sở thực hành để báo cáo kế hoạch, nội dung thực hành và nghe báo cáo sơ qua về đặc điểm tình hình chung của cơ sở thực hành - Hướng dẫn sinh viên tìm	- Thiết lập mối quan hệ với cán bộ cơ sở, kiểm huấn viên và có các báo cáo liên quan đến nội dung thực hành		

			kiểm các văn bản, báo cáo có liên quan đến nội dung thực hành			
3(5)	1.3. Thâm nhập cơ sở, gặp mặt các cán bộ cơ sở tìm hiểu thêm thông tin, thu thập tài liệu, báo cáo liên quan đến cơ sở	- Cơ sở thực hành	- Hướng dẫn sinh viên gặp gỡ lãnh đạo, nhân viên cơ sở thực hành để thu thập thông tin. - Hướng dẫn sinh viên tìm kiếm các văn bản, báo cáo có liên quan đến nội dung thực hành.	-Thu thập được nhiều tài liệu, thông tin về cơ sở thực hành		
4(5)	1.4. Tiếp cận những đối tượng cần làm việc để đánh giá nhu cầu hỗ trợ khẩn cấp của đối tượng; chia sẻ những thông tin về vai trò, mục tiêu hỗ trợ nghề nghiệp cho đối tượng trong đó nhấn mạnh vai trò cùng đối tượng, hỗ trợ đối tượng tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề	- Cơ sở thực hành	- Hướng dẫn sinh viên gặp gỡ các kiểm huấn viên tại cơ sở - Cùng Kiểm huấn viên hỗ trợ sinh viên thâm nhập vào địa bàn thực tế và tìm đối tượng thực hành và viết báo cáo	- Tìm hiểu được nhu cầu của đối tượng để hỗ trợ đối tượng tăng cường năng lực giải quyết vấn đề		
5 (5)	NỘI DUNG THỰC HÀNH 2: THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI CÁ NHÂN VÀ NHÓM 2.1. Thực hành kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, tạo lập mối quan hệ...để giúp đối tượng hiểu về NVXH, đồng thời xây dựng lòng tin và mở đầu mối quan hệ nghề nghiệp cởi mở giữa NVXH với cá nhân và nhóm	- Cơ sở thực hành	- Gặp gỡ lãnh đạo, nhân viên cơ sở thực tế để thu thập thông tin. - Tìm kiếm các văn bản, báo cáo có liên quan đến nội dung thực tế. - Tự học: thu thập thêm thông tin về cơ sở thực tế qua internet	- Thiết lập mối quan hệ với cán bộ cơ sở, kiểm huấn viên và có các báo cáo liên quan đến nội dung thực tế	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2
3(4)	2.2. Đánh giá ban đầu về vấn đề của cá nhân và nhóm	- Cơ sở thực tế	Thu thập thông tin về các nhóm đối tượng trợ giúp,	- Thu thập các thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu,	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2

			- Tự học: thu thập thêm thông tin về đối tượng qua các nghiên cứu đi trước	từ đó xác định vấn đề nghiên cứu của đề án		CLO4.1
6 (5)	2.3. Ghi hồ sơ thông tin ban đầu về cá nhân và nhóm	- Cơ sở thực tế	- Lên kế hoạch thực hiện đề án và triển khai các hoạt động đề án	Sinh viên lập kế hoạch thực hiện đề án	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO4.2
7 (5)	2.4 Thực hành các kỹ năng phỏng vấn, quan sát, wawancara, đặt câu hỏi... để thu thập thông tin: Thông tin về đối tượng, nhóm đối tượng, gia đình và bạn bè, cộng đồng, luật pháp và chính sách xã hội	Lớp học/Cơ sở thực tế	Thảo luận nhóm Trình bày vấn đề nghiên cứu và kế hoạch đề án	Xây dựng và bảo vệ đề cương với giảng viên hướng dẫn	A1.3	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3
8 (5)	2.5. Đánh giá thông tin	- Cơ sở thực tế	Lượng giá và kết thúc can thiệp/trợ giúp đối tượng. Hoàn thiện các sản phẩm, giấy tờ thực tập theo yêu cầu. Chia tay cơ sở thực tập.	Sinh viên thực hiện đề án	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO4.3 CLO4.4
9 (5)	2.6. Lên kế hoạch trợ giúp cá nhân và nhóm	- Cơ sở thực tế	Triển khai các hoạt động đề án	Sinh viên thực hiện đề án	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4
10 (5)	2.7. Triển khai thực hiện kế hoạch	- Cơ sở thực tế	Triển khai các hoạt động đề án	Sinh viên thực hiện đề án	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4
11 (5)	Lượng giá và kết thúc can thiệp/trợ giúp cá nhân, nhóm Hoàn thiện các sản phẩm, giấy tờ thực tập theo yêu cầu. Chia tay cơ sở thực hành.	- Cơ sở thực tế	Đánh giá và kết thúc các hoạt động tại cơ sở	Sinh viên thực hiện đề án	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4
12 (5)	Thông qua tên đề tài, đề cương đề án cá nhân. Viết bản thảo đề án	- Cơ sở thực tế	Triển khai các hoạt động đề án	Sinh viên thực hiện đề án	A.1.1 A1.2 A2.1	CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4
13 (5)	NỘI DUNG THỰC	ở	Triển khai các	Sinh viên	A.1.1	CLO2.1

	HÀNH 3: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐỒ ÁN Viết bản thảo đồ án cá nhân	trường	hoạt động đồ án	hoàn thành báo cáo	A1.2 A2.1	CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4
14 (5)	Viết bản thảo đồ án cá nhân	ở trường	Chỉnh sửa bản báo cáo đồ án, xin góp ý của giảng viên hướng dẫn	Báo cáo đồ án bản Word, PP	A.1.1 A2.1	CLO2.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4
15 (5)	Bảo vệ đồ án	ở trường	Bảo vệ đồ án	Báo cáo đồ án bản Word, PP	A.1.1 A2.1	CLO2.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT
THỰC HÀNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: ThS. Phan Thị Thuý Hà

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0914912918; haptt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 2: ThS. Phùng Văn Nam

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0941250777, phungvannam@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, An sinh xã hội, Xã hội học

Giảng viên 3: ThS. Trần Thị Khánh Dung

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0967237108; dungttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Thực hành phát triển cộng đồng (tiếng Anh): Practice community development	
- Mã số học phần: SOW31028	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Học phần dạy học theo hình thức dự án/đề án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 04 + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 60 + Số tiết tự học: 120	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: + Học phần học trước:	
Mã số HP: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt tại địa điểm thực hành: 80% + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại: 0941250777 Email: phungvannam@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Thực hành phát triển cộng đồng là học phần dạy học theo hình thức đồ án trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội. Học phần giúp người học áp dụng các kiến thức lý thuyết đã được học vào thực tế để tìm hiểu về những cộng đồng khó khăn, yếu thế: thực trạng và nguyên nhân của vấn đề đang gặp phải, nguồn lực hiện có... Để từ đó giúp cộng đồng xây dựng và thực hiện kế hoạch giải quyết các vấn đề, khó khăn mà cộng đồng đang gặp phải.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Thực hành phát triển cộng đồng giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành về phát triển cộng đồng để thực hành trong môi trường chuyên nghiệp; thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội. Đồng thời sinh viên có khả năng tạo lập mối quan hệ với cộng đồng, xác định, đánh giá vấn đề của cộng đồng, xây dựng và thực hiện các hoạt động trợ giúp để giải quyết các vấn đề mà cộng đồng đang gặp phải.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo									
	PLO 1.3	PLO 2.1	PLO2.2		PLO3 .1	PLO3 .2	PLO4.2			
	1.3.3	2.1.2	2.2.1	2.2.3	3.2.2	3.2.3	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
CLO1.1	v									
CLO2.1		v								
CLO2.2			v							
CLO2.3				v						
CLO3.1					v					
CLO3.2						v				
CLO4.1							v			
CLO4.2								v		
CLO4.3									v	
CLO4.4										v

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Áp dụng kiến thức công tác xã hội với cộng đồng để giải quyết vấn đề và nâng cao năng lực cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO2.1	A4	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S3	Thể hiện kỹ năng nghiên cứu, khám phá tri thức khoa học tại các cơ sở thực hành phát triển cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO2.3	S3	Vận dụng kỹ năng công nghệ thông tin trong công việc và nghiên cứu xã hội	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S3	Tham gia hoạt động trong các nhóm đa ngành	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO3.2	S2	Sử dụng ngoại ngữ giao tiếp trong công việc và nghiên cứu công tác xã hội	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO4.1	C4	Xác định vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO4.2	C4	Đánh giá vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá

CLO4.3	C4	Xây dựng hoạt động trợ giúp với cá nhân, nhóm và cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá
CLO4.4	C4	Thực hiện hoạt động trợ giúp với cá nhân, nhóm và cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				30%
A1.1	Đánh giá ý thức thái độ	Rubric 1 Phiếu đánh giá	CLO2.1	10%
A.1.2	Đánh giá tiến độ đồ án	Rubric 2 Báo cáo	CLO1.1	20%
			CLO2.2	
			CLO3.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ				20%
A2.1	Seminar	Rubric 3 Phiếu đánh giá	CLO2.3	20%
			CLO3.1	
A3. Đánh giá cuối kỳ				50%
A3.1	Hội đồng đánh giá nghiệm thu đồ án	Rubric 4	CLO4.1	50%
			CLO4.2	
			CLO4.3	
			CLO4.4	
Công thức tính điểm học phần: $A1.1 \times 0,2 + A1.2 \times 0,2 + A1.3 \times 0,1 + A2.1 \times 0,5$				

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá				F (0-3.9)	Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)		
Mức độ tham gia các buổi đi thực hành	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90%-dưới 95% buổi học	Tham dự 85%-dưới 90% buổi học	Tham dự 80%-dưới 85% buổi học	Tham dự <80% buổi học	50%
Mức độ tham gia các hoạt động thực hành	Tham dự từ 95% hoạt động trở lên	Tham dự 90%-dưới 95% hoạt động	Tham dự 85%-dưới 90% hoạt động	Tham dự 80%-dưới 85% hoạt động	Tham dự <80% hoạt động	50%

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Hình thành ý tưởng về đồ án	Xác định vấn đề nghiên cứu trên 90% yêu cầu	Xác định vấn đề nghiên cứu 80- dưới 90% yêu	Xác định vấn đề nghiên cứu 75%-dưới 80% yêu	Xác định cơ bản vấn đề nghiên cứu trên 70% yêu	Xác định vấn đề nghiên cứu dưới 70% yêu cầu.	30%

		cầu	cầu	cầu.		
Thiết kế đồ án	- Lập luận, phân tích tốt. - Thiết kế cấu trúc đồ án trên 90% yêu cầu. - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt.	-Lập luận, phân tích tốt. - Thiết kế cấu trúc đồ án 80-dưới 90% yêu cầu - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt.	-Lập luận, phân tích khá tốt. - Thiết kế cấu trúc đồ án 75%-dưới 80% yêu cầu - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt.	-Lập luận, phân tích ở mức cơ bản. - Thiết kế cấu trúc đồ án trên 70% yêu cầu. - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt.	-Lập luận, phân tích ở mức cơ bản. - Thiết kế cấu trúc đồ án dưới 70% yêu cầu. - Chưa đề xuất được giải pháp triển khai đồ án.	30%
Triển khai đồ án	- Triển khai đồ án bám sát vấn đề nghiên cứu, theo đúng kế hoạch trên 90% yêu cầu	- Triển khai đồ án bám sát vấn đề nghiên cứu dưới 90-trên 70% yêu cầu	- Triển khai đồ án đáp ứng khá tốt vấn đề nghiên cứu dưới 70%-trên 60% yêu cầu	- Triển khai đồ án đáp ứng cơ bản vấn đề nghiên cứu dưới 60 – trên 50% yêu cầu	- Triển khai đồ án từ dưới 50%	20%
Hình thức báo cáo	Trình bày khoa học, bố cục hợp lý	Trình bày có một vài lỗi chính tả, bố cục khá tốt	Trình bày có nhiều lỗi chính tả, bố cục đạt yêu cầu	Một số lỗi chính tả, bố cục không hợp lý	Trình bày sai quy cách	20%

Rubric 3: Đánh giá bài A2.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia seminar	-Thu thập và đưa ra nhiều tài liệu liên quan đến chủ đề seminar - Đưa ra những phân tích, lập luận rõ ràng, liên quan đến chủ đề	-Thu thập thông tin cơ bản về chủ đề - Tham gia tranh luận tích cực.	- Có đưa ra lập luận nhưng không rõ ràng.	- Chỉ tham gia vào tranh luận chủ đề khi giảng viên yêu cầu	- Không tham gia tranh luận	50%

Trả lời câu hỏi phản biện	Trả lời chính xác các câu hỏi	Trả lời được 2/3 số câu hỏi	- Trả lời được ½ số câu hỏi	- Trả lời được dưới 1/2 câu hỏi	Không trả lời được các câu hỏi	50%
----------------------------------	-------------------------------	-----------------------------	-----------------------------	---------------------------------	--------------------------------	-----

Rubric 4: Đánh giá bài A3.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung đồ án Báo cáo thuyết minh bản Word	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành tốt.	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành khá tốt.	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành ở mức tạm được	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành ở mức cơ bản	Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành chưa đạt yêu cầu	40%
Hình thức báo cáo	Trình bày khoa học, bố cục hợp lý	Trình bày có một vài lỗi chính tả, bố cục khá tốt	Trình bày có nhiều lỗi chính tả, bố cục đạt yêu cầu	Một số lỗi chính tả, bố cục không hợp lý	Trình bày sai quy cách	20%
Trình bày đồ án	- Slide thiết kế tốt. - Trình bày rõ ràng, cuốn hút.	- Slide thiết kế tốt. - Trình bày rõ ràng, trôi chảy.	- Slide thiết kế khá tốt. - Trình bày đầy đủ nội dung.	Có slide hỗ trợ thuyết trình - Trình bày chưa đầy đủ nội dung.	Có slide hỗ trợ thuyết trình Trình bày chưa đạt yêu cầu cơ bản	20%
Trả lời câu hỏi phản biện	Trả lời chính xác các câu hỏi	Trả lời 2/3 số câu hỏi	Trả lời ½ câu hỏi	Trả lời chưa chính xác các câu hỏi	Không trả lời câu hỏi	20%

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Nguyễn Kim Liên, *Giáo trình Phát triển cộng đồng*, (2008), NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Trung Hải (chủ biên) (2016), *Giáo trình phát triển cộng đồng*, NXB Dân trí, Hà Nội.

[3] Nguyễn Thị Kim Hoa (Chủ biên) (2012), *Sổ tay hướng dẫn thực hành công tác xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần (số tiết)	Nội dung công việc	Địa điểm thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CĐR học phần
1 (4)	Hoạt động 1. - Đến địa điểm thực hành, ổn định chỗ ở, sinh hoạt; tổ chức gặp mặt lãnh đạo, cán bộ cộng đồng để báo cáo kế hoạch, nội dung thực hành và nghe báo cáo về	- Cơ sở thực hành	- Đến cơ sở thực hành, gặp gỡ lãnh đạo để báo cáo và tìm hiểu cộng đồng. - Lập group zalo của từng nhóm/hoặc ứng	- Hiểu được lịch sử hình thành đặc điểm của cộng đồng. - Tạo lập được mạng lưới xã hội trong nhóm thực hành và	A1.1 A1.2	CLO2.1 CLO1.1 CLO2.2 CLO3.2

	đặc điểm tình hình chung của cộng đồng.		dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với GV.	cộng đồng		
2 (4)	Hoạt động 2. - Thăm nhập cộng đồng, gặp mặt các cán bộ và người dân cộng đồng để tìm hiểu tình hình chung về cộng đồng	- Cơ sở thực hành	- Gặp gỡ người dân trong cộng đồng để thu thập thông tin. - Tìm kiếm các văn bản, báo cáo có liên quan đến nội dung thực hành. - Tự học: thu thập thêm thông tin về cơ sở thực tập và các vấn đề cộng đồng qua internet	- Thiết lập mối quan hệ với cán bộ cơ sở, kiểm huấn viên và có các báo cáo liên quan đến nội dung thực hành	A.1.1 A1.2 A3.1	CLO2.1 CLO1.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4
3 (4)	Hoạt động 3. - Thu thập các tài liệu, báo cáo liên quan đến các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế... của cộng đồng	- Cơ sở thực hành	- Thu thập thông tin về các vấn đề cộng đồng. - Tự học: thu thập thêm thông tin về vấn đề cộng đồng qua các nghiên cứu đi trước	- Thu thập các thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu.	A.1.1 A1.2 A2.1 A3.1	CLO2.1 CLO1.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO2.3 CLO4.1
4 (4)	Hoạt động 4. - Cùng cán bộ cộng đồng tiếp xúc, phỏng vấn người dân để tìm hiểu các vấn đề, nhu cầu, nguồn lực... của cộng đồng	- Cơ sở thực hành	- Thu thập thông tin về các vấn đề, nhu cầu, nguồn lực,... của cộng đồng. - Lên kế hoạch thực hiện đồ án và triển khai các hoạt động đồ án	- Sinh viên xác định vấn đề nghiên cứu và lập kế hoạch thực hiện đồ án	A.1.1 A1.2 A2.1 A3.1	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO3.1 CLO4.1
5 (4)	Hoạt động 4 (tiếp). - Cùng cán bộ cộng đồng tiếp xúc, phỏng vấn người dân để tìm hiểu các vấn đề, nhu cầu, nguồn lực... của cộng đồng (tiếp)	- Cơ sở thực hành	- Thu thập thông tin về các vấn đề, nhu cầu, nguồn lực,... của cộng đồng. - Thảo luận nhóm Trình bày vấn đề nghiên cứu và kế hoạch đồ án	Xây dựng và bảo vệ đề cương với giảng viên hướng dẫn	A.1.1 A1.2 A2.1 A3.1	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO3.1 CLO4.1

6 (4)	Hoạt động 5. - Thực hành công cụ về sơ đồ cộng đồng với sự tham gia của người dân trong cộng đồng	- Cơ sở thực hành	-Tiến hành vẽ sơ đồ cộng đồng	Sơ đồ cộng đồng	A.1.1 A1.2	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2
7 (4)	Hoạt động 6. - Thực hành một số công cụ: phân tích SWOT, sơ đồ Venn, cây vấn đề, cây mục tiêu...	- Cơ sở thực hành	-Tiến hành phân tích các bên liên quan	Bảng phân tích các bên liên quan	A.1.1 A1.2 A3.1	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO4.1
8 (4)	Hoạt động 7. - Thực hành kỹ năng họp dân để tìm hiểu thêm thông tin, xác định các vấn đề cộng đồng đang gặp phải, lựa chọn vấn đề ưu tiên mang tính khả thi của cộng đồng	- Cơ sở thực hành	- Tìm hiểu, đánh giá, xác định vấn đề ưu tiên của cộng đồng	Xác định được vấn đề ưu tiên của cộng đồng	A.1.1 A1.2 A2.1 A3.1	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO4.1 CLO4.2
9 (4)	Hoạt động 8. - Xây dựng kế hoạch để giải quyết vấn đề ưu tiên của cộng đồng với các giải pháp có tính khả thi	- Cơ sở thực hành	-Xây dựng kế hoạch giải quyết vấn đề ưu tiên của cộng đồng	Bảng kế hoạch giải quyết vấn đề ưu tiên của cộng đồng	A.1.1 A1.2 A3.1	CLO2.1 CLO2.2 CLO4.2 CLO4.3
10 (4)	Hoạt động 8 (tiếp). 2.4. Xây dựng kế hoạch để giải quyết vấn đề ưu tiên của cộng đồng với các giải pháp có tính khả thi (tiếp)	- Cơ sở thực hành	-Xây dựng kế hoạch giải quyết vấn đề ưu tiên của cộng đồng	Bảng kế hoạch giải quyết vấn đề ưu tiên của cộng đồng	A.1.1 A1.2 A3.1	CLO2.1 CLO2.2 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4
11 (4)	Hoạt động 9. - Huy động mọi nguồn lực có liên quan như: con người, tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị...	- Cơ sở thực hành	-Tiến hành huy động nguồn lực cộng đồng	Bảng danh sách các nguồn lực trong cộng đồng	A.1.1 A1.2 A3.1	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2 CLO4.2
12 (4)	Hoạt động 10. - Tổ chức thực hiện một số hoạt động trong kế hoạch để giải quyết vấn đề ưu tiên của cộng đồng	- Cơ sở thực hành	-Triển khai các hoạt động thực hành và thực hiện đồ án - Chỉnh sửa bản báo cáo đồ án, xin góp ý của giảng viên hướng dẫn	Báo cáo đồ án bản Word, PP	A.1.1 A3.1	CLO2.1 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4
13 (4)	Hoạt động 10 (tiếp) - Tổ chức thực hiện một số hoạt động trong kế hoạch để giải quyết vấn đề ưu tiên của cộng đồng	- Cơ sở thực hành	-Triển khai các hoạt động thực hành và thực hiện đồ án - Chỉnh sửa bản	Báo cáo đồ án bản Word, PP	A.1.1 A3.1	CLO2.1 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4

	đồng (tiếp)		báo cáo, xin góp ý của giảng viên hướng dẫn			
14 (4)	Hoạt động 11. - Tham gia các hoạt động công tác xã hội tại cộng đồng như: tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng; vệ sinh môi trường, giúp đỡ các trẻ em học tập, tặng quà cho các gia đình chính sách...	- Cơ sở thực hành	-Triển khai các hoạt động thực hành và thực hiện đồ án - Hoàn thành bản báo cáo chỉnh sửa theo góp ý của giảng viên hướng dẫn	Báo cáo đồ án bản Word, PP	A.1.1 A3.1	CLO2.1 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4
15 (4)	Hoạt động 12. - Cùng lãnh đạo, người dân trong cộng đồng lượng giá kết quả thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề cộng đồng; tổng kết các nội dung hoạt động thực hành phát triển cộng đồng, hoàn thành các thủ tục và chia tay cộng đồng	- Cơ sở thực hành	Hoàn thành bản báo cáo, nộp giảng viên hướng dẫn	Báo cáo đồ án bản Word, PP	A.1.1 A3.1	CLO2.1 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4

8. Nhiệm vụ của người học

9. Ngày phê duyệt:

10. Cấp phê duyệt:

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN ƯU ĐÃI VÀ TRỢ GIÚP XÃ HỘI**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: ThS. Phùng Văn Nam

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0941250777, phungvannam@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, An sinh xã hội, Xã hội học

Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Hoài An

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0868214777; annth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Ưu đãi và Trợ giúp xã hội (tiếng Anh): Social Offers and Assistance	
- Mã số học phần: SOW30029	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 04 + Số tiết lý thuyết: 40 + Số tiết thảo luận/bài tập: 20 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học: 120	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Mã số HP: + Học phần học trước: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% trở lên + Sinh viên/nhóm phải nộp đầy đủ các sản phẩm theo quy định.	
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại: 0941250777 Email: phungvannam@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Ưu đãi và Trợ giúp xã hội là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội. Học phần giúp người học nắm bắt một số kiến thức về các chế độ chính sách an sinh xã hội. Người học được tích lũy các kiến thức, kỹ năng để giải quyết các chế độ chính sách cho người có công với cách mạng và các đối tượng khó khăn yếu thế; được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp với phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự chủ quá trình học tập của bản thân.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Ưu đãi và Trợ giúp xã hội giúp người học trình bày một số kiến thức cơ bản về ưu đãi và trợ giúp xã hội; chính sách ưu đãi xã hội qua các thời kỳ và trợ giúp xã hội hiện nay; việc tổ chức thực hiện và quản lý chính sách ưu đãi và trợ giúp xã hội cho các đối tượng; thể hiện kỹ

năng nghiên cứu, khám phá tri thức khoa học ngành công tác xã hội; có khả năng làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp; nắm bắt các vấn đề xã hội liên quan đến ưu đãi và trợ giúp xã hội. Từ đó, đưa ra được các cách thức để thực hiện tốt chính sách ưu đãi và trợ giúp xã hội.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo			
	PLO1.2	PLO2.2	PLO3.1	PLO4.1
	1.2.2	2.2.1	3.1.3	4.1.1
CLO1.1	✓			
CLO1.2	✓			
CLO1.3	✓			
CLO2.1		✓		
CLO3.1			✓	
CLO4.1				✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Hiểu được một số kiến thức cơ bản về ưu đãi và trợ giúp xã hội.	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.2	K3	Hiểu được chính sách ưu đãi và trợ giúp xã hội hiện hành.	Thuyết trình, hướng dẫn bài tập, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.3	K3	Hiểu được việc tổ chức thực hiện và quản lý chính sách ưu đãi và trợ giúp xã hội.	Thuyết trình, hướng dẫn bài tập, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO2.1	S2	Thể hiện kỹ năng nghiên cứu, khám phá tri thức khoa học về ưu đãi và trợ giúp xã hội.	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp.	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.1	C3	Nắm bắt các vấn đề xã hội liên quan đến ưu đãi và trợ giúp xã hội.	Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	- Chuyên cần, thái độ học tập: Điểm danh trên LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 1			10%
A1.2	- Bài tập cá nhân: SV nộp bài qua LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO1.2	40%	30%
			CLO1.3	40%	
			CLO2.1	20%	
A1.3	- Thảo luận nhóm: SV nộp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO1.1	20%	30%
			CLO1.2	20%	
			CLO1.3	20%	
			CLO2.1	20%	

			CLO3.1	20%	
A1.4	- Thi trắc nghiệm; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	30%	30%
			CLO1.2	30%	
			CLO2.1	20%	
			CLO4.1	20%	
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A2.1	- Thi tự luận; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	20%	100%
			CLO1.2	20%	
			CLO1.2	20%	
			CLO2.1	20%	
			CLO4.1	20%	
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,1 + A1.2 x 0,3 + A1.3 x 0,3 + A1.4 x 0,3) x 0,5 + A2.1 x 0,5					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham gia các buổi học trên lớp theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90% đến dưới 95% buổi học	Tham dự 85% đến dưới 90% buổi học	Tham dự 80% đến dưới 85% buổi học	Tham dự dưới 80% buổi học	50
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung bài tập	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	70
Hình thức trình bày bài tập	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	30

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50
Hình thức trình bày	Phông, kích cỡ chữ	Phông, kích cỡ chữ khá	Phông, cỡ chữ không phù	Phông, cỡ chữ không	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi	20

báo cáo	phù hợp; không lỗi chính tả	phù hợp; lỗi chính 1%-19%	hợp; lỗi chính 20%-49%	phù hợp; lỗi chính 50%-69%	chính tả từ 70% trở lên	
Thuyết trình báo cáo	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	20
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40% thành viên tham gia	10

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Trần Xuân Kỳ, *Giáo trình trợ giúp xã hội*, NXB Lao động - Xã hội, 2008.

[2] Đặng Thị Phương Lan, Phạm Hồng Trang, *Giáo trình Ưu đãi xã hội*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2013.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Chính phủ, *Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, ngày 21/10/2013 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*.

[4] Chính phủ, *Nghị định số 99/2018/NĐ-CP, ngày 12/07/2018 quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng*.

[5] UBTV Quốc hội, *Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11, ngày 29/6/2005 về ưu đãi người có công với cách mạng*.

[6] UBTV Quốc hội, *Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13, ngày 16/7/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng*.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần (số tiết)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
1(4)	Chương 1: Một số lý luận cơ bản về ưu đãi và trợ giúp xã hội 1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.2. Vị trí, vai trò và nguyên tắc của chính sách ưu đãi xã hội	- Giới thiệu đề cương chi tiết học phần. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 35-37; tài liệu số [2] từ trang 5-14, từ trang 26-32, từ trang 46-48. - Lập email group của từng nhóm/hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với GV. - Tự học: Các đối tượng ưu đãi xã hội. Vai trò của chính sách ưu đãi xã hội	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1
2(4)	Chương 1: Một số lý luận cơ bản về ưu đãi và trợ giúp xã hội (tiếp) 1.3. Tính tất yếu khách quan và cách tiếp cận	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 5-34, từ trang 45-51; tài liệu số [2] từ trang 54-82. - Tự học: Cách tiếp cận nghiên cứu chính sách trợ	CLO1.1	A1.1, A2.1, A3.1

	nghiên cứu chính sách trợ giúp xã hội 1.4. Lịch sử hình thành và phát triển của ưu đãi và trợ giúp xã hội		giúp xã hội, lịch sử hình thành và phát triển của trợ giúp xã hội		
3(4)	Thảo luận nhóm: Phân tích lịch sử hình thành và phát triển của trợ giúp xã hội	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 12-34. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.1, CLO2.1 CLO3.1	A1.1, A1.3
4(4)	Chương 2: Chính sách ưu đãi xã hội ở Việt Nam 2.1. Đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 2.2. Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 2.3. Đối với liệt sỹ 2.4. Đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 116-136. - Tự học: Tiêu chuẩn xác nhận cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa. Tiêu chuẩn xác nhận liệt sỹ và thân nhân liệt sỹ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng.	CLO1.2	A1.1, A2.1, A3.1
5(4)	Chương 2: Chính sách ưu đãi xã hội ở Việt Nam (tiếp) 2.5. Đối với Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động 2.6. Đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh 2.7. Đối với bệnh binh	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 137-165. - Tự học: Tiêu chuẩn xác nhận anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động thời kỳ kháng chiến; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh. Tiêu chuẩn xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh.	CLO1.2	A1.1, A2.1, A3.1
6(4)	Chương 2: Chính sách ưu đãi xã hội ở Việt Nam (tiếp) 2.8. Đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học 2.9. Đối với người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày 2.10. Đối với đối với người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc,	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 165-177. - Tự học: Tiêu chuẩn xác nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học và con đẻ của họ; người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày. Tiêu chuẩn xác nhận người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; người có công giúp đỡ cách mạng.	CLO1.2	A1.1, A2.1, A3.1

	bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế 2.11. Đối với người có công giúp đỡ cách mạng				
7(4)	Bài tập cá nhân: Tính toán chế độ ưu đãi người có công.	- Bài tập cá nhân.	- Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 116-156.	CLO1.2	A1.1, A1.2
8(4)	Bài tập cá nhân: Tính toán chế độ ưu đãi người có công.	- Bài tập cá nhân.	- Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 156-177.	CLO1.2	A1.1, A1.2
9(4)	Chương 3: Chính sách trợ giúp xã hội ở Việt Nam 3.1. Trợ giúp xã hội thường xuyên 3.2. Trợ giúp xã hội đột xuất	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 61-85. - Tự học: Các đối tượng trợ giúp xã hội thường xuyên. Các đối tượng trợ giúp xã hội thường xuyên, đột xuất.	CLO1.2	A1.1, A2.1, A3.1
10(4)	Chương 3: Chính sách trợ giúp xã hội ở Việt Nam (tiếp) 3.2. Trợ giúp xã hội đột xuất (tiếp) 3.3. Chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 76-85. - Tự học: Các đối tượng trợ giúp xã hội đột xuất. Các đối tượng chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng.	CLO1.2	A1.1, A2.1, A3.1
11(4)	Chương 3: Chính sách trợ giúp xã hội ở Việt Nam (tiếp) 3.4. Chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội Bài tập cá nhân: Tính toán chế độ trợ giúp xã hội thường xuyên, đột xuất	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình. - Bài tập cá nhân.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 61-85. - Tự học: Các đối tượng chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.	CLO1.2	A1.1, A1.2, A2.1, A3.1
12(4)	Bài tập cá nhân: Tính toán chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng; chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội Chương 4: Tổ chức thực hiện và quản lý chính sách ưu đãi và trợ giúp xã hội 4.1. Tổ chức thực hiện chính sách ưu đãi xã hội	- Bài tập cá nhân. - Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 202-242. - Tự học: Tài chính thực hiện chính sách ưu đãi xã hội.	CLO1.2	A1.1, A1.2, A2.1, A3.1
13(4)	Chương 4: Tổ chức	- Ôn tập,	- Đọc trước tài liệu số [1] từ	CLO1.3	A1.1,

	thực hiện và quản lý chính sách ưu đãi và trợ giúp xã hội (tiếp) 4.1. Tổ chức thực hiện chính sách ưu đãi xã hội (tiếp) 4.2. Tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội	củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	trang 179-259, tài liệu số [2] từ trang 202-242. - Tự học: Tài chính thực hiện chính sách ưu đãi xã hội. Tài chính thực hiện chính sách ưu đãi xã hội; vai trò của nguồn lực trong trợ giúp xã hội.		A2.1, A3.1
14(4)	Chương 4: Tổ chức thực hiện và quản lý chính sách ưu đãi và trợ giúp xã hội (tiếp) 4.2. Tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội (tiếp)	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 179-259. - Tự học: Vai trò của nguồn lực trong trợ giúp xã hội	CLO1.3	A1.1, A2.1, A3.1
15(4)	Thảo luận nhóm: Phân tích vai trò của các thành phần trong trợ giúp xã hội	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 179-259. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.2	A1.1, A1.3

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: ThS. Phùng Văn Nam

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0941250777, phungvannam@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, An sinh xã hội, Xã hội học

Giảng viên 2: TS. Võ Thị Cẩm Ly

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0962248209; lyvtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội.

Giảng viên 3: TS. Ông Thị Mai Thương

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0977005095; ongmaithuong@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội, chính sách xã hội

Giảng viên 4: ThS. Phan Thị Thuý Hà

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0914912918; haptt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 5: Nguyễn Thị Hoài An

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0868214777; annth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 6: ThS. Trần Thị Khánh Dung

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0967237108; dungttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 7: ThS. Phạm Thị Oanh

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0986529426; oanhpt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Thực tập và Đồ án tốt nghiệp (tiếng Anh): Graduate Internships and Projects	
- Mã số học phần: SOW31017	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☐ Kiến thức cơ bản	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung
☐ Kiến thức cơ sở ngành	☒ Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án
☐ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	

- Số tín chỉ: 08 + Số tiết thực tập: 60 + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 60 + Số tiết tự học: 240	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: + Học phần học trước:	Mã số HP: Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại: 0941250777 Email: phungvannam@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Thực tập và đồ án tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Công tác xã hội ở phân kỳ cuối. Sau khi sinh viên học các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên sâu, đây là học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học với thái độ phù hợp để thực hành nghề nghiệp trong các cơ sở xã hội trước khi tốt nghiệp và gia nhập vào thế giới việc làm.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Thực tập và đồ án tốt nghiệp giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành thực hành trong môi trường chuyên nghiệp; thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội. Đồng thời sinh viên có khả năng xác định, đánh giá vấn đề, xây dựng và thực hiện hoạt động trợ giúp với cá nhân, nhóm và cộng đồng.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo									
	PLO1.3			PLO2.1		PLO3.1	PLO4.2			
	1.3.1	1.3.2	1.3.4	2.1.1	2.1.2	3.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
CLO1.1	✓	✓	✓							
CLO2.1				✓						
CLO2.2					✓					
CLO3.1						✓				
CLO4.1							✓	✓		
CLO4.2									✓	✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Áp dụng kiến thức công tác xã hội để giải quyết vấn đề và nâng cao năng lực của cá nhân hoặc nhóm hoặc cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO2.1	A5	Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp trong quá trình làm việc với các cá nhân và tổ chức xã hội	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO2.2	A5	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S4	Tham gia hoạt động trong các nhóm đa ngành	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO4.1	C4	Xác định, đánh giá vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp,	Phiếu đánh giá

			Đồ án	
CLO4.2	C4	Xây dựng, thực hiện hoạt động trợ giúp với cá nhân, nhóm và cộng đồng	Thực hành nghề nghiệp, Đồ án	Phiếu đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thực tập tốt nghiệp					60%
A1.1	Đánh giá của đơn vị thực tập	Rubric 1	CLO2.1	40%	40%
			CLO2.2	30%	
			CLO3.1	20%	
A1.2	Đánh giá báo cáo thực tập	Rubric 2	CLO1.1	40%	60%
			CLO4.1	30%	
			CLO4.2	30%	
A2. Đánh giá đồ án thực tập				CLO3.1	40%
A2.1	- Đồ án học phần: SV nộp đồ án cho GV, bảo vệ đồ án trước hội đồng, đồ án được đóng gói và lưu tại kho bài của nhà trường.	Rubric 3	CLO4.1	50%	100%
			CLO4.2	50%	
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,4 + A1.2 x 0,6) x 0,6 + A2.1 x 0,4					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ chuyên cần	Tham dự từ 95% thời gian thực tập tại đơn vị trở lên	Tham dự 90% đến dưới 95% thời gian thực tập tại đơn vị	Tham dự 85% đến dưới 90% buổi họp thời gian thực tập tại đơn vị c	Tham dự 80% đến dưới 85% thời gian thực tập tại đơn vị	Tham gia dưới 80% thời gian thực tập tại đơn vị	30
Chấp hành nội quy, quy định của đơn vị	Chấp hành đầy đủ nội quy, quy định đơn vị đề ra.	Vi phạm 1-2 lần nội quy, quy định đơn vị đề ra.	Vi phạm 2-4 lần nội quy, quy định đơn vị đề ra	Vi phạm 5-6 lần nội quy, quy định đơn vị đề ra	Vi phạm trên 6 lần nội quy, quy định đơn vị đề ra	30
Ý thức học hỏi, nâng cao chuyên môn	Có ý thức rất cao trong học hỏi, nâng cao chuyên môn	Có ý thức khá cao trong học hỏi, nâng cao chuyên môn	Có ý thức bình thường trong học hỏi, nâng cao chuyên môn	Có ý thức khá thấp trong học hỏi, nâng cao chuyên môn	Có ý thức rất thấp trong học hỏi, nâng cao chuyên môn	40

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu	Đáp ứng 70% đến	Đáp ứng 55% đến 69% yêu	Đáp ứng 40% đến	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	70

	cầu trở lên	84% yêu cầu	cầu	54% yêu cầu		
Hình thức báo cáo	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	30

Rubric 3: Đánh giá bài A2.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung đồ án	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50
Hình thức trình bày đồ án	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Chất lượng bảo vệ đồ án	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	30

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Nguyễn Thị Thái Lan, Bùi Thị Xuân Mai, *Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2014.

[2] Nguyễn Thị Thái Lan (Chủ biên), *Giáo trình công tác xã hội nhóm*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2012.

[3] Nguyễn Kim Liên, *Giáo trình Phát triển cộng đồng*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2008.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Nguyễn Trung Hải (chủ biên) (2016), *Giáo trình phát triển cộng đồng*, NXB Dân trí, Hà Nội.

[4] Nguyễn Ngọc Lâm, *Công tác xã hội với nhóm*, Đại học Mở bán công TP. Hồ Chí Minh, 2007.

7. Kế hoạch dạy học

7.1. Thực tập tốt nghiệp

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm/ không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CDR học phần
1	Đến cơ sở thực tập, báo cáo kế hoạch, nội dung thực tập với lãnh đạo đơn vị thực tập Tìm hiểu sơ lược lịch sử hình thành và phát triển.	Đơn vị thực tập	Trình bày kế hoạch, nội dung thực tập với lãnh đạo đơn vị thực tập.	Trình bày được sơ lược lịch sử hình thành và phát	A1.1, A1.2	CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1,

			Tìm kiếm tài liệu, tham vấn ý kiến của lãnh đạo và nhân viên cơ sở thực tập.	triển.		
2	Tìm hiểu hệ thống tổ chức bộ máy và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động.	Đơn vị thực tập	Tìm kiếm tài liệu, tham vấn ý kiến của lãnh đạo và nhân viên cơ sở thực tập.	Trình bày được hệ thống tổ chức bộ máy và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động.	A1.1, A1.2	CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1,
3	Tìm hiểu kết quả thực hiện các hoạt động công tác xã hội của cơ sở thực tập	Đơn vị thực tập	Tìm kiếm tài liệu, tham vấn ý kiến của lãnh đạo và nhân viên cơ sở thực tập.	Trình bày được kết quả thực hiện các hoạt động công tác xã hội của cơ sở thực tập.	A1.1, A1.2	CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1,
4	Tiếp nhận và thu thập thông tin đối tượng	Đơn vị thực tập	Làm việc với đối tượng và các tổ chức, cá nhân liên quan.	Thu thập đầy đủ thông tin đối tượng	A1.1, A1.2	CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1, CLO4.1
5	Đánh giá và xác định vấn đề. Lập kế hoạch can thiệp.	Đơn vị thực tập	Làm việc với đối tượng và các tổ chức, cá nhân liên quan.	Đánh giá và xác định được vấn đề và lập kế hoạch can thiệp cho đối tượng.	A1.1, A1.2	CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1, CLO4.1, CLO4.2
6	Triển khai thực hiện kế hoạch	Đơn vị thực tập	Làm việc với đối tượng và các tổ chức, cá nhân liên quan.	Can thiệp/trợ giúp đối tượng giải quyết vấn đề/khó khăn.	A1.1, A1.2	CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1, CLO4.2

7	Triển khai thực hiện kế hoạch	Đơn vị thực tập	Làm việc với đối tượng và các tổ chức, cá nhân liên quan.	Can thiệp/trợ giúp đối tượng giải quyết vấn đề/khó khăn.	A1.1, A1.2	CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1, CLO4.2
8	Lượng giá và kết thúc can thiệp/trợ giúp đối tượng. Hoàn thiện các sản phẩm, giấy tờ thực tập theo yêu cầu. Chia tay cơ sở thực tập.	Đơn vị thực tập	Làm việc với đối tượng và các tổ chức, cá nhân liên quan. Chia tay lãnh đạo, nhân viên cơ sở thực tập và đối tượng.	Lượng giá được kế hoạch can thiệp/trợ giúp đối tượng.	A1.1, A1.2	CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1, CLO4.2

7.2. Đồ án tốt nghiệp

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm/ không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CĐR học phần
1	Thông qua tên đề tài, đề cương đồ án cá nhân. Viết bản thảo đồ án cá nhân	Tuỳ chọn	Bảo vệ đề cương với giảng viên hướng dẫn	S4 C4 C4	A2.1	CLO3.1, CLO4.1, CLO4.2
2	Viết bản thảo đồ án cá nhân	Tuỳ chọn	Triển khai viết bản thảo đồ án	S4 C4 C4	A2.1	CLO3.1, CLO4.1, CLO4.2
3	Viết bản thảo đồ án cá nhân Thông qua bản thảo đồ án cá nhân	Tuỳ chọn	Triển khai viết và hoàn thiện đồ án	S4 C4 C4	A2.1	CLO3.1, CLO4.1, CLO4.2
4	Bảo vệ đồ án	Tuỳ chọn	Bảo vệ đồ án	S4 C4 C4	A2.1	CLO3.1, CLO4.1, CLO4.2

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: ThS. Trần Thị Khánh Dung

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0967237108; dungttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 2: TS. Ông Mai Thương

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0977005095; thuongom@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học, Chính sách xã hội

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên môn học (tiếng Việt): Công tác xã hội trong trường học (tiếng Anh): Social work in school	
- Mã số học phần: SOW31013	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: + Học phần học trước:	
Mã số HP: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: Sinh viên có mặt tối thiểu 80% trở lên. + Sinh viên/nhóm phải nộp đầy đủ các sản phẩm theo quy định.	
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại: 0967237108 Email: dungttk@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Công tác xã hội trong trường học là học phần tự chọn trong khung chương trình đào tạo ngành công tác xã hội, thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức trong lĩnh vực công tác xã hội trường học như: kiến thức tổng quan về trường học, các đối tượng trong trường học, các vấn đề nảy sinh trong trường học, các kỹ năng phương pháp được vận dụng trong hoạt động công tác xã hội trường học. Thông qua môn học, người học có những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong quá trình tác nghiệp tại môi trường học đường, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, cũng như kịp thời phát hiện, can thiệp trợ giúp đối với học sinh đang gặp vấn đề vượt qua khó khăn, thực hiện chức tốt chức năng, cũng như phát huy sự gắn kết giữa Học sinh - Gia đình - Nhà trường và Cộng đồng.

3. Mục tiêu học phần

Học phần công tác xã hội trong trường học cung cấp những kiến thức cơ bản về công tác xã hội trường học, những kỹ năng và phương pháp mà nhân viên công tác xã hội trường học có thể trợ giúp học sinh để các em có sự phát triển toàn diện. Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích và tổng hợp, và so sánh, vận dụng kiến thức về công tác xã hội trường học vào thực tế. Sinh viên nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng công tác xã hội trường học nói chung và vai trò của nhân viên công tác xã hội trường học nói riêng trong việc giải quyết vấn đề của thân chủ trong nhà trường. Có thái độ đúng đắn, linh hoạt khi tiếp nhận và giải quyết các vấn đề của học sinh, gia đình và nhà trường. Với hoạt động giảng dạy, học tập tiếp cận CDIO, người học sẽ được rèn luyện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong các nhóm đa ngành cũng như thái độ tích cực, chủ động tự tìm kiếm tài liệu, nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1.2	PLO1.3		PLO2.1	PLO3.1	LPO3.2
	1.2.1	1.3.2	1.3.4	2.1.2	3.1.2	3.2.1
CLO1.1	✓					
CLO1.2	✓					
CLO1.3		✓	✓			
CLO2.1				✓		
CLO3.1					✓	
CLO3.2						✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K2	Trình bày các khái niệm và yếu tố cơ bản trong công tác xã hội trường học	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử)	Trắc nghiệm, tự luận

			- Hoạt động nhóm tại lớp học	
CLO1.2	K3	Nắm bắt được các kiến thức liên quan về công tác xã hội trong trường học như các vấn đề, các chính sách pháp luật, các bên liên quan.	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.3	K3	Sử dụng được các kiến thức, kỹ năng, phương pháp trong việc trợ giúp, giải quyết vấn đề trường học.	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Trắc nghiệm, tự luận
CLO2.1	A3	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội trong trường học.	Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO3.1	S2	Tham gia làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động trong nghề nghiệp	Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO3.2	S2	Vận dụng các kiến thức, kỹ năng, phương pháp trong việc giao tiếp trực tiếp và gián tiếp hiệu quả với học sinh và các bên liên quan.	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Hồ sơ học tập, Tự luận

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	- Chuyên cần, thái độ học tập: Điểm danh trên LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 1			10%
A1.2	- Bài tập cá nhân: SV nộp bài qua LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO1.1	40%	30%
			CLO1.2	40%	
			CLO2.1	20%	
A1.3	- Thảo luận nhóm: SV nộp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO1.1	30%	30%
			CLO1.2	30%	
			CLO2.1	20%	
			CLO3.1	20%	
A1.4	- Thi trắc nghiệm; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi	Đáp án	CLO1.1	40%	30%
			CLO1.3	30%	

	và lưu hồ sơ		CLO3.2	30%	
A2. Đánh giá cuối kỳ					50%
A2.1	- Thi tự luận; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	30%	100%
			CLO1.2	30%	
			CLO1.3	20%	
			CLO3.2	20%	
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,1 + A1.2 x 0,3 + A1.3 x 0,3 + A1.4 x 0,3) x 0,5 + A2.1 x 0,5					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham gia các buổi học trên lớp theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90% đến dưới 95% buổi học	Tham dự 85% đến dưới 90% buổi học	Tham dự 80% đến dưới 85% buổi học	Tham dự dưới 80% buổi học	50
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung bài tập	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	70
Hình thức trình bày bài tập	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	30

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung	Đáp ứng	Đáp ứng	Đáp ứng	Đáp ứng	Đáp ứng	50

báo cáo	85% yêu cầu trở lên	70% đến dưới 84% yêu cầu	55% đến dưới 69% yêu cầu	40% đến dưới 54% yêu cầu	dưới 40% yêu cầu	
Hình thức trình bày báo cáo	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Thuyết trình báo cáo	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	20
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40%-thành viên tham gia	10

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1]. Bùi Thị Xuân Mai, *Giáo trình nhập môn công tác xã hội*, ĐH Lao động XH HN, 2012

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Thị Khánh Dung, *Tập bài giảng công tác xã hội trong trường học*, (tài liệu lưu hành nội bộ), Đại học Vinh (2021)

[3]. Linda Openshaw, *Social work in schools: principles and practice*, NXB The United States of America, 2008.

[4]. Unicef Việt Nam, *Công tác xã hội với những cá nhân có nhu cầu đặc biệt*, Tài liệu tập huấn CTXH cho các nhà quản lý CTXH, 2012

[5]. Bộ giáo dục và đào tạo, Thông tư số 33/2018/TT_BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 hướng dẫn công tác xã hội trong trường học.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
1 (3 tiết)	Chương 1: Tổng quan về công tác xã hội trong trường học 1.1. Công tác xã hội trường học và một số khái niệm liên quan	- Giới thiệu đề cương chi tiết học phần. - Thuyết	- Chuẩn bị các học liệu liên quan phục vụ cho môn học. - Lập email group của từng	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

	1.1.1. Trường học 1.1.2. Môi trường học đường 1.1.3. Công tác xã hội trường học	trình kết hợp sử dụng Slide. - Hướng dẫn và thành lập các nhóm học tập của SV. - Hoạt động nhóm tại lớp.	nhóm/hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với GV. - Đọc tài liệu số [1], [2], và [3]		
2 (3tiết)	1.2. Đối tượng, vai trò, và chức năng của công tác xã hội trường học 1.2.1. Đối tượng công tác xã hội trường học 1.2.2. Vai trò của công tác xã hội trường học 1.2.3. Chức năng của công tác xã hội trường học Hoạt động nhóm: <i>Thảo luận về vai trò của công tác xã hội trường học</i>	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi vấn đề cho SV. Ra bài tập cho nhóm, hướng dẫn làm việc nhóm	- Đọc tài liệu số [1], [2], và [3] - Tham gia làm việc nhóm - Tự học: <i>Liên hệ lại các vai trò của nhân viên công tác xã hội</i>	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
3 (3tiết)	1.3. Giá trị và nguyên tắc công tác xã hội trường học 1.3.1. Giá trị của công tác xã hội trường học 1.3.2. Nguyên tắc vận dụng trong công tác xã hội trường	- Đặt một số câu hỏi nhanh để ôn lại nội dung buổi học trước. - Thuyết trình kết hợp sử dụng	- Đọc tài liệu số [1], [2], và [3] - Tham gia làm việc nhóm	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

	học Hoạt động nhóm: <i>Hệ thống giáo dục Việt Nam hiện nay. Các vấn đề trong trường học hiện nay</i>	Slide. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. Ra bài tập cho nhóm, hướng dẫn làm việc nhóm			
4 (3Tiết)	1.4. Lịch sử công tác xã hội trường học 1.3.3. Lịch sử phát triển công tác xã hội trường học trên thế giới 1.3.4. Sự phát triển công tác xã hội trường học ở Việt Nam	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học - Ra bài tập cho nhóm, và hướng dẫn làm việc nhóm	- Đọc tài liệu số [1], [2], và [5] - Tham gia làm việc nhóm - Tự học: lịch sử phát triển công tác xã hội trên thế giới	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
5 (3Tiết)	Bài tập cá nhân: - Vận dụng các nguyên tắc trong công tác xã hội trường học vào các tình huống thực tiễn - Sự cần thiết của hoạt động công tác xã hội trong trường học ở Việt Nam	- Thuyết trình, ôn tập - Giáo viên ra bài tập. Sinh viên làm bài cá nhân và nộp bài.	- Ôn tập, chuẩn bị các học liệu cần thiết. Tìm kiếm các tài liệu trên mạng Internet về hoạt động công tác xã hội trong trường học tại Việt Nam. - Tham khảo tài liệu số [1], [2], và [5]	CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
6 (3Tiết)	Chương 2: Nhân viên công tác xã hội trường học và thực hành công tác xã hội trong trường học	- Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu	- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc tài liệu số [1], [2], và [3]	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A2.1

	2.1. Nhân viên công tác xã hội trường học 2.1.1. Khái niệm nhân viên công tác xã hội trường học 2.1.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trường học 2.1.3. Yêu cầu về phẩm chất, tiêu chuẩn nghề nghiệp	kiến thức lý thuyết. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. Câu hỏi cho cá nhân, và cho nhóm.			
7 (3Tiết)	2.2. Các kỹ năng trong công tác xã hội trường học 2.2.1. Kỹ năng lắng nghe 2.2.2. Kỹ năng tìm kiếm nguồn lực 2.2.3. Kỹ năng thuyết phục 2.2.4. Kỹ năng biện hộ	- Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. Câu hỏi cho cá nhân, và cho nhóm.	- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc tài liệu số [1], [2], và [3]	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1, A1.2, A2.1
8 (3Tiết)	Thảo luận nhóm: <i>Vận dụng kỹ năng thuyết phục và kỹ năng biện hộ, thực hành sắm vai trên lớp</i>	- Thuyết trình, ôn tập - Ra bài tập, nêu vấn đề, định hướng sinh viên làm việc nhóm, giải quyết vấn đề	- Tham gia làm việc nhóm - Đọc tài liệu số [1], [2]. Tìm kiếm các tài liệu trên mạng Internet. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1, A1.2, A2.1
9 (3Tiết)	2.3. Các phương pháp vận dụng trong công tác xã hội trường học 2.3.1. Phương pháp Công	- Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu	- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc tài liệu số [1], [2].	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1	A1.1, A1.2, A2.1

	tác xã hội cá nhân 2.3.2. Phương pháp công tác xã hội nhóm 2.3.3. Tham vấn trong công tác xã hội	kiến thức lý thuyết. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. Câu hỏi cho cá nhân, và cho nhóm.			
10 (3Tiết)	2.4. Cơ sở pháp lý của công tác xã hội trường học 2.4.1. Luật Giáo dục Việt Nam 2.4.2. Luật bảo vệ và chăm sóc trẻ em 2.4.3. Thông tư hướng dẫn công tác xã hội trong trường học 2.4.4. Các quy định về giáo dục hòa nhập	- Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. Câu hỏi cho cá nhân, và cho nhóm.	- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc tài liệu số [1], [2], và [5]	CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1
11 (3Tiết)	Chương 3: Công tác xã hội trường học với một số vấn đề nảy sinh trong trường học hiện nay 3.1. Công tác xã hội trong trường học với vấn đề bạo lực học đường 3.1.1. Khái quát chung về bạo lực học đường 3.1.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trường học trong việc phòng chống và trợ giúp giải quyết vấn đề bạo lực học đường. Hoạt động nhóm: <i>Đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề bạo lực học</i>	- Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Ra bài tập, nêu vấn đề, định hướng sinh viên làm việc nhóm, giải quyết vấn đề	- Đọc tài liệu số [1], [2], và [4] - Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Tham gia làm việc nhóm - Tự học: <i>Thực trạng bạo lực học đường</i>	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3 CLO2.1	A1.1 A1.2 A2.1

	<i>đường</i>				
12 (3Tiết)	3.2. Công tác xã hội trường học với vấn đề học sinh khuyết tật hòa nhập 3.2.1. Những vấn đề chung về học sinh khuyết tật hòa nhập 3.2.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trường học trong việc trợ giúp trẻ khuyết tật hòa nhập học đường Hoạt động nhóm: <i>Đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề về học sinh khuyết tật hòa nhập môi trường học đường</i>	Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Ra bài tập, nêu vấn đề, định hướng sinh viên làm việc nhóm, giải quyết vấn đề	- Đọc tài liệu số [1], [2], và [4] - Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Tham gia làm việc nhóm	CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1
13 (3Tiết)	3.3. Công tác xã hội trường học với vấn đề học sinh nghiện trò chơi trực tuyến 3.3.1. Những vấn đề chung về trò chơi trực tuyến và nghiện trò chơi trực tuyến 3.3.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trường học đối với vấn đề nghiện Trò chơi trực tuyến của học sinh Hoạt động nhóm: <i>Đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề về học sinh nghiện trò chơi trực tuyến</i>	Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Ra bài tập, nêu vấn đề, định hướng sinh viên làm việc nhóm, giải quyết vấn đề	- Đọc tài liệu số [1], [2], và [4] - Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Tham gia làm việc nhóm - Tự học: <i>Đánh giá sơ bộ tổn hại nguy cơ</i>	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A2.1
14 (3Tiết)	3.4. Công tác xã hội trường học với vấn đề học sinh nghiện mạng xã hội 3.5. Công tác xã hội trường học với vấn đề học sinh có ý định tự tử 3.6. Công tác xã hội trong trường học với vấn đề ma túy	Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Ra bài tập, nêu vấn đề,	- Đọc tài liệu số [1], [2], và [4] - Nghe giảng và trả lời các câu hỏi. - Tham gia làm việc nhóm	CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1

	Hoạt động nhóm: <i>Đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề về học sinh nghiện mạng xã hội, học sinh có ý định tự tử, và ma túy học đường.</i>	định hướng sinh viên làm việc nhóm, giải quyết vấn đề			
15 (3Tiết)	Thảo luận nhóm: <i>Phân tích các vấn đề nảy sinh trong trường học hiện nay</i> Ôn tập toàn học phần	- Ra bài tập, nêu vấn đề, định hướng sinh viên làm việc nhóm, giải quyết vấn đề - Ôn tập toàn học phần	- Tìm kiếm các tài liệu trên mạng Internet về các vấn đề nảy sinh trong trường học hiện nay. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ... - Đọc tài liệu số [1], [2]. - Tham gia làm việc nhóm - Tự học: Hệ thống các nội dung của học phần	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1	A1.1, A1.2, A2.1

8. Nhiệm vụ của người học

- Người học phải tham gia nghe giảng tại lớp đạt đạt số giờ quy định của học phần.
- Người học phải chuẩn bị bài, có ý thức học tập và tinh thần xây dựng bài trên lớp.
- Hoàn thành các bài kiểm, bài thi theo quy định
- Dự thi kết thúc học phần

9. Ngày phê duyệt:

10. Cấp phê duyệt:

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NGHÈO**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Võ Thị Cẩm Ly

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0962248209; lyvtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội.

Giảng viên 2: ThS. Phan Thị Thuý Hà

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0914912918; haptt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Công tác xã hội với người nghèo (tiếng Anh): Social work with poor	
- Mã số học phần: SOW31014	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 tiết + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 tiết + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học: 90 tiết	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Nhập môn công tác xã hội + Học phần học trước: Công tác xã hội với cá nhân Mã số HP: SOW30035 Mã số HP: SOW30008	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% số tiết + Sinh viên/nhóm phải nộp đầy đủ các sản phẩm theo quy định. + Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội - Điện thoại: 0962248209 Email: lyvtc@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về nghèo đói, xóa đói giảm nghèo, thực trạng và nguyên nhân nghèo đói của các cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng ở các khu vực khác nhau. Học phần rèn luyện cho người học các kỹ năng nhận diện và giải quyết vấn đề nghèo đói của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng nghèo thông qua tiến trình công tác xã hội với người nghèo đồng thời giúp người học có ý thức trách nhiệm với người nghèo, với cộng đồng, với quốc gia và dân tộc, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể trình bày được một số khái niệm về nghèo đói và các

biểu hiện của nghèo đói. Phân tích được nguyên nhân nghèo đói ở Việt Nam và trên thế giới, các đặc điểm tâm lý - xã hội của người nghèo; một số chương trình, chính sách, mô hình xóa đói giảm nghèo của Việt Nam. Vận dụng được kỹ năng công tác xã hội với người nghèo, nhóm nghèo và cộng đồng nghèo. Đồng thời, sinh viên thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp trong quá trình làm việc với các cá nhân và tổ chức xã hội và có khả năng thực hiện thuyết trình logic, thuyết phục; làm việc trong các nhóm đa ngành, các tổ chức xã hội.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO 1.2	PLO1.3		PLO 2.1	PLO3.1	PLO 3.2
	1.2.2	1.3.1	1.3.3	2.1.1	3.1.2	3.2.1
CLO1.2	✓					
CLO1.3		✓				
CLO1.4			✓			
CLO2.1				✓		
CLO3.1					✓	
CLO3.2						✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.2	K3	Vận dụng kiến thức về công tác xã hội với người nghèo để trợ giúp giải quyết vấn đề và nâng cao năng lực cho cá nhân và hộ gia đình nghèo.	Thuyết trình, hướng dẫn bài tập, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.3	K3	Áp dụng kiến thức công tác xã hội với người nghèo để nâng cao năng lực cho nhóm nghèo.	Thuyết trình Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.4	K3	Vận dụng kỹ năng công tác xã hội với cộng đồng nghèo để giải quyết vấn đề và nâng cao năng lực cộng đồng nghèo.	Thuyết trình Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO 2.1	A2	Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp trong quá trình làm việc với các cá nhân và tổ chức xã hội	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Tham gia hoạt động trong các nhóm đa ngành	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO 3.2	S2	Thực hiện thuyết trình logic, thuyết phục các vấn đề liên quan đến công tác xã hội với người nghèo	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	Ý thức chuyên cần và thái độ học tập	Rubric 1	CLO2.1	100%	10%

A1.2	Bài tập cá nhân SV làm bài trên Elearning, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO1.2	50%	10%
			CLO1.3	50%	
A1.3	Bài thảo luận nhóm SV làm bài trên Elearning, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO2.1	40%	10%
			CLO3.1	30%	
			CLO3.2	30%	
A1.4	- Thi trắc nghiệm; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.2	40%	20%
			CLO1.3	30%	
			CLO1.4	30%	
A2. Đánh giá cuối kỳ					50%
A2.1 (Lý thuyết)	Bài thi tự luận dưới hình thức thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.2	40%	100%
			CLO1.3	30%	
			CLO1.4	30%	
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,1 + A1.2 x 0,3 + A1.3 x 0,3 + A1.4 x 0,3) x 0,5 + A2.1 x 0,5					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham gia các buổi học trên lớp theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90% đến dưới 95% buổi học	Tham dự 85% đến dưới 90% buổi học	Tham dự 80% đến dưới 85% buổi học	Tham dự dưới 80% buổi học	50
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung bài tập	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	70
Hình thức trình bày bài tập	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	30

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	

Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50
Hình thức trình bày báo cáo	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Thuyết trình báo cáo	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	20
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40%-thành viên tham gia	10

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Võ Thị Cẩm Ly, Tập bài giảng Công tác xã hội với người nghèo, Lưu hành nội bộ

[2] Trần Thị Minh Đức, Giáo trình tham vấn tâm lý, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Lê Chí An, *Công tác xã hội cá nhân*, Đại học mở bán công TPHCM

[4]. Phạm Huy Dũng, 2006, *Một số lý thuyết Công tác xã hội*, ĐH Thăng Long, Hà

[5]. Mai Thị Kim Thanh, *Công tác xã hội với cá nhân* (Bài giảng)

[6]. Bùi Thị Xuân Mai (Chủ biên), *Giáo trình tham vấn*, NXB Lao động-xã hội, 2008.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
1 (4 tiết)	Chương 1: Khái quát chung về vấn đề nghèo đói 1.1 Một số khái niệm cơ bản 1. Nghèo đói 2. Người nghèo 3. Nghèo trẻ em 4. Nghèo đô thị 5. Nghèo nông thôn	- Thuyết trình - Phương pháp hỏi - đáp	- Chuẩn bị học liệu tập bài giảng Công tác xã hội với người nghèo - Xem trước Đề cương chi tiết trên Elearning	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO4.1	A1.1 A1.4 A2.1
2 (4 tiết)	1.2. Biểu hiện của nghèo đói 1.3. Cách xác định chuẩn nghèo	- Thuyết trình - Phương pháp hỏi - đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Đọc bài giảng Công tác xã hội với người nghèo Chương 1	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO4.1	A1.1 A1.2 A1.4 A2.1
3 (4 tiết)	1.4. Thực trạng nghèo đói 1.4.1. Thực trạng nghèo đói trên thế giới 1.4.2. Thực trạng nghèo đói ở Việt	- Thuyết trình, hỏi đáp - Làm việc nhóm	- Đọc bài giảng Công tác xã hội với người nghèo Thuyết trình chủ	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1	A1.1 A1.2 A1.4 A2.1

	Nam 1.4.3. Tình hình xóa đói giảm nghèo hiện nay Bài tập cá nhân: Phân tích về tình hình xóa đói giảm nghèo ở địa phương em ở?		đề - Học bài giảng trên elearning	CLO3.1	
4 (4 tiết)	Chương 2: Một số chương trình, chính sách và mô hình xóa đói giảm nghèo của Việt Nam 2.1 Một số chính sách xóa đói giảm nghèo của Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010; 2010 -2020	- Thuyết trình - Thuyết trình hỏi đáp	- Đọc bài giảng Công tác xã hội với người nghèo chương 1 Tự học: Thực trạng triển khai chính sách giảm nghèo giai đoạn 2001 -2010	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
5 (4 tiết)	2.2. Một số chương trình xóa đói giảm nghèo điển hình của Việt Nam	- Làm việc nhóm - Thuyết trình, hỏi đáp	Đọc bài giảng Công tác xã hội với người nghèo chương 2	CLO1.1 CLO3.1 CLO2.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
6 (4 tiết)	2.3. Giới thiệu một số mô hình xóa đói giảm nghèo 2.3.1. Mô hình tổ phụ nữ tín dụng tiết kiệm 2.3.2. Mô hình Câu lạc bộ VAC 2.3.3. Mô hình tổ hợp tác sản xuất 2.3.4. Mô hình vườn- rừng (miền núi và trung du) 2.3.5. Mô hình trang trại 2.3.6. Các mô hình khác Hướng dẫn thảo luận nhóm	- Thuyết trình, hỏi đáp - Làm việc nhóm	Đọc bài giảng Công tác xã hội với người nghèo chương 2 - Tự học: 2.3.5. Mô hình trang trại 2.3.6. Các mô hình khác	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
7 (4 tiết)	Bài thảo luận nhóm 1: Hãy phân tích những thành tựu và hạn chế, bất cập của các nhóm chính sách sau: - Chính sách tín dụng cho hộ nghèo; Chính sách hỗ trợ sản xuất và khuyến khích phát triển kinh tế hàng hóa đối với người nghèo - Nhóm chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội Hướng dẫn thảo luận nhóm	- Thuyết trình, Hỏi đáp - Làm việc nhóm	Đọc bài giảng Công tác xã hội với người nghèo chương 2	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
8 (4 tiết)	Chương 3: Công tác xã hội trong trợ giúp người nghèo 3.1. Khái niệm công tác xã hội với người nghèo 3.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội	- Thuyết trình - Hỏi đáp - Làm việc nhóm	Đọc bài giảng Công tác xã hội với người nghèo chương 3	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
9 (3 tiết)	3.3. Các nguyên tắc cơ bản trong công tác xã hội với người nghèo 3.3.1. Tính bảo mật 3.3.2. Tôn trọng quyền tự quyết 3.3.3. Tôn trọng và chấp nhận thân chủ 3.3.4. Cá biệt hóa	- Thuyết trình - Hỏi đáp - Làm việc nhóm	Đọc bài giảng Công tác xã hội với người nghèo chương 3 Tự học: vận dụng các nguyên tắc cơ		A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

	3.3.5. Môi quan hệ chuyên nghiệp 3.3.6. Các dịch vụ phù hợp		bản trong CTXH với người nghèo		
10 (4 tiết)	3.4. Công tác xã hội trong trợ giúp người nghèo 3.4.1. Công tác xã hội với người nghèo và gia đình nghèo	- Thuyết trình, Hỏi đáp - Làm việc nhóm	Đọc bài giảng Công tác xã hội với người nghèo chương 3	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
11 (4 tiết)	3.4.2 Công tác xã hội với nhóm người nghèo 3.4.3 Công tác xã hội với cộng đồng nghèo Bài thảo luận nhóm 2 Phân tích vai trò của nhân viên xã hội trong các tình huống cụ thể sau	- Đóng vai - Làm việc nhóm	Đọc bài giảng Công tác xã hội với người nghèo chương 3	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
12 (4 tiết)	Chương 4: Một số kỹ năng và dịch vụ xã hội hỗ trợ người nghèo 4.1. Một số kỹ năng trong công tác xã hội với người nghèo 4.1.1. Kỹ năng tuyên truyền vận động 4.1.2 Các kỹ năng khác	- Thuyết trình - Đóng vai - Làm việc nhóm	Đọc bài giảng Công tác xã hội với người nghèo chương 4 Tự học: 4.1.2 Các kỹ năng khác	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
13 (4 tiết)	4.2. Một số dịch vụ xã hội hỗ trợ người nghèo 4.2.1. Khái niệm dịch vụ xã hội 4.2.2. Chức năng của dịch vụ xã hội và các dịch vụ xã hội phổ biến	- Thuyết trình - Làm việc nhóm	Đọc bài giảng Công tác xã hội với người nghèo chương 4 Tự học: Một số dịch vụ hỗ trợ người nghèo	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
14 (4 tiết)	2.3. Hệ thống Dịch vụ xã hội đối với người nghèo 4.2.3.1. Hỗ trợ người nghèo về nhà ở và đất sản xuất 4.2.3.2. Hỗ trợ người nghèo về giáo dục 4.2.3.3. Hỗ trợ người nghèo về chăm sóc sức khỏe 4.2.3.4. Hỗ trợ người nghèo về học nghề	- Thuyết trình - Đóng vai - Làm việc nhóm	Đọc bài giảng Công tác xã hội với người nghèo chương 4 Tự học: 4.2.3.4. Hỗ trợ người nghèo về học nghề	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
15 (3 tiết)	4.2.3.6. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý 4.2.3.7. Dịch vụ tham vấn cho người nghèo và gia đình nghèo	- Thuyết trình - Làm việc nhóm	Ôn tập kết thúc học phần	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: ThS. Phan Thị Thuý Hà

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0914912918; haptt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Hoài An

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0868214777; annth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI (tiếng Anh): Social work with elderly	
- Mã số học phần: SOW31022	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành	
☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 20 + Số tiết thảo luận/bài tập: 25 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học:	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết:	Mã số HP:
+ Học phần học trước:	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm dự án học phần qua LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành	
- Bộ môn phụ trách học phần: Công tác xã hội Điện thoại: Email:	

2. Mô tả học phần

Công tác xã hội với người cao tuổi là học phần trong khối kiến thức tự chọn của Chương trình đào tạo cử nhân Công tác xã hội. Học phần giúp người học có hiểu biết khái quát về người cao tuổi và các mô hình, chính sách, phương pháp trợ giúp liên quan đến người cao tuổi. Người học có thể hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu và nắm vững được tâm, sinh lý của người cao tuổi, các phương pháp, cách thức trợ giúp cho người cao tuổi.

3. Mục tiêu học phần

Học phần *Công tác xã hội với người cao tuổi* được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản nhất về người cao tuổi, công tác xã hội với người cao tuổi; một số lý thuyết ứng dụng trong công tác xã hội với người cao tuổi; luật pháp, chính

sách; các mô hình, dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi; quản lý trường hợp và công tác xã hội nhóm với người cao tuổi. Sinh viên sẽ ứng dụng được các kiến thức đã học và trợ giúp được người cao tuổi.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ảnh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ảnh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO1.2	PLO2.1	PLO3.1	PLO3.2	PLO4.1
	1.2.3	2.1.1	3.1.3	3.2.1	4.1.1
CLO1.1	1,0				
CLO 2.1		1,0			
CLO3.1			1,0		
CLO3.2				1,0	
CLO4.1					1,0

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày các kiến thức chung về người cao tuổi, công tác xã hội với người cao tuổi	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) Hoạt động nhóm tại lớp học	- Quan sát, hồ sơ học tập. -Trắc nghiệm khách quan
CLO 2.1	A2	Thể hiện thái độ chuyên nghiệp trong quá trình làm việc	- Thảo luận nhóm	- Quan sát, hồ sơ học tập. -Trắc nghiệm khách quan
CLO3.1	S2	Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp	- Thảo luận nhóm	- Quan sát, hồ sơ học tập. -Trắc nghiệm khách quan
CLO3.2	S2	Thực hiện thuyết trình logic, thuyết phục	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử)	- Quan sát, hồ sơ học tập. -Trắc nghiệm khách quan
CLO4.1	C3	Nắm bắt các luật pháp, chính sách, các mô hình và các phương pháp ứng dụng trong hoạt động trợ giúp cho cá nhân, nhóm, cộng đồng người cao tuổi	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử)	- Quan sát, hồ sơ học tập. -Trắc nghiệm khách quan
			- Thảo luận nhóm	- Quan sát, hồ sơ học tập. -Trắc nghiệm khách quan

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần		Tỷ lệ % trong đánh giá học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	Sự chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO 2.1	50%	

			CLO 3.1	50%	20%
A1.2	Bài tập cá nhân: - Nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO 1.1	50%	20%
			CLO 2.1	50%	
A1.3	Bài tập nhóm lần 1: - Nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO 1.1	50%	20%
			CLO 2.1	50%	
			CLO 3.1	50%	
			CLO3.2	50%	
A1.4	Bài tập nhóm lần 2 - Nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 4	CLO 2.1	50%	20%
			CLO 3.1	50%	
			CLO3.2	50%	
			CLO 4.1	50%	
A 1.5.	- Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.	Đáp án	CLO 1.1	10%	20%
A2. Đánh giá cuối kỳ					50%
A 2.1	- Bài thi tự luận; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.	Ngân hàng đề thi	CLO 1.1 CLO 4.1		100%
Công thức tính điểm tổng kết: $A1.1 \times 0.1 + A1.2 \times 0.1 + A1.3 \times 0.05 + A1.4 \times 0.05 + A1.5 \times 0.2 + A2.1 \times 0.5$					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá				F (0-3.9)	Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)		
Mức độ tham dự theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90%-dưới 95% buổi học	Tham dự 85%-dưới 90% buổi học	Tham dự 80%-dưới 85% buổi học	Tham dự <80% buổi học	50%
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50%

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Hình thức, bố cục	Không có lỗi chính tả; bố cục hợp lý	Có một vài lỗi chính tả, bố cục khá hợp lý	Có một số lỗi chính tả, bố cục không hợp lý	Nhiều lỗi chính tả; bố cục không hợp lý	Trình bày sai quy cách	50%
Nội dung	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 85% yêu cầu	Đáp ứng 60% đến dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng 50% đến dưới 60% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	50%

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Hình thức báo cáo	Bố cục logic, rõ ràng.	Bố cục tốt.	Bố cục khá tốt.	Bố cục ở mức cơ bản	Trình bày thiếu logic.	25%
Kỹ năng trình bày và trả lời câu hỏi	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói rõ ràng, thuyết phục, trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Nó khá rõ ràng, nhưng chưa tự tin, Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Nói nhỏ, trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Nói nhỏ, không trả lời được câu hỏi	25%
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng >70% yêu cầu	Đáp ứng >50% yêu cầu	Đáp ứng < 50% yêu cầu	40%
Tham gia thực hiện	100% thành viên tham gia thực hiện	~ 80% thành viên tham gia thực hiện	~ 60% thành viên tham gia thực hiện	< 50% thành viên tham gia thực hiện	< 40% thành viên tham gia thực hiện	10%

Rubric 4: Đánh giá bài A1.4

CĐR	TIÊU CHÍ	TỶ LỆ %	CHẤT LƯỢNG				ĐIỂM
			Tốt (10-9)	Khá (7-8.5)	Trung bình (5-6.5)	Yếu (<5)	
CLO 1.1 CLO 4.1	Nội dung bài trình bày	50	Nội dung đúng, rõ ràng và đầy đủ quy trình	Nội dung đúng, trình bày chưa rõ ràng hoặc không đầy đủ	Nội dung đúng, trình bày chưa rõ ràng và chưa đầy đủ	Nội dung không đúng, trình bày không rõ ràng và không đầy đủ	5
CLO 2.1	Trả lời câu hỏi và trao đổi trong thảo luận.	15	Câu trả lời hợp lý, trao đổi tự tin, rõ ràng và súc tích.	Câu trả lời hợp lý, trao đổi tự tin, thiếu rõ ràng hoặc thiếu súc tích.	Câu trả lời hợp lý, trao đổi thiếu tự tin, thiếu rõ ràng hoặc thiếu súc tích.	Câu trả lời thiếu hợp lý, trao đổi tự tin, thiếu rõ ràng hoặc thiếu súc tích. trong giờ học.	1.5
	Mức độ tham gia của các thành viên trong nhóm	15	Đạt trên 9 điểm tích cực do nhóm đánh giá	Đạt trên 7 điểm tích cực do nhóm đánh giá	Đạt dưới 6 điểm tích cực do nhóm đánh giá	Đạt dưới 5 điểm tích cực do nhóm đánh giá.	1.5
CLO 3.1	Đánh giá kỹ năng	20	Trình bày trôi chảy,	Trình bày trôi chảy, to	Trình bày trôi chảy,	Trình bày không trôi	2.0

	trình bày		to rõ, tự tin và tương tác với người nghe.	rõ, thiếu tự tin hoặc thiếu tương tác với người nghe.	không to rõ hoặc thiếu tự tin hoặc thiếu tương tác với người nghe.	chảy, không to rõ hoặc thiếu tự tin hoặc thiếu tương tác với người nghe.	
--	-----------	--	--	---	--	--	--

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Bùi Thị Mai Đông, 2017, *Giáo trình công tác xã hội với người cao tuổi*, NXB Giáo dục Việt Nam

[2] Nguyễn Thị Thái Lan- Bùi Thị Xuân Mai, 2011, *Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và gia đình*, NXB LĐXH

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Hoàng Mộc Lan, 2015, Những vấn đề tâm lý xã hội của người cao tuổi Việt Nam, Thực trạng- giải pháp trợ giúp và phát huy vai trò người cao tuổi tại cộng đồng, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Trần Đình Tuấn, 2010, *Công tác xã hội- Lý thuyết và thực hành*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

7. Kế hoạch dạy học

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGƯỜI CAO TUỔI VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI					
1 (3 tiết)	1.1 Khái quát chung về người cao tuổi 1.1.1 Khái niệm người cao tuổi 1.1.2 Đặc điểm của người cao tuổi 1.1.3 Vai trò của người cao tuổi trong gia đình và xã hội	- Thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp hỏi - đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, chuẩn bị học liệu Giáo trình Công tác xã hội với người cao tuổi - Đọc kỹ bài, tìm hiểu về khái niệm người cao tuổi; các đặc điểm tâm lý, sinh lý của người cao tuổi	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.5 A2.1
2 (3 tiết)	1.1 Khái quát chung về người cao tuổi (tiếp) 1.1.4 Tình hình người cao tuổi hiện nay 1.1.5 Một số vấn đề của người cao tuổi	- Thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp làm việc nhóm	Tìm hiểu các vấn đề của người cao tuổi hiện nay. - Đọc tài liệu về các tình hình người cao tuổi hiện nay	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.5 A2.1
3 (3 tiết)	1.1 Khái quát chung về người cao tuổi (tiếp) 1.1.6 Nhu cầu chủ yếu của người cao tuổi 1.2. Công tác xã hội với người cao tuổi 1.2.1 Khái niệm, mục	- Thuyết trình - Phương pháp hỏi - đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Đọc tài liệu chương 1 - Học lý thuyết - Tham gia thảo luận nhóm - Thực hành các yêu cầu về hoạt động nhóm	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.5 A2.1

	đích, nhiệm vụ của CTXH với người cao tuổi 1.2.2 Các nguyên tắc trong hoạt động trợ giúp người cao tuổi Bài tập cá nhân				
4 (3 tiết)	1.2.3 Tiến trình trợ giúp người cao tuổi 1.2.4 Vai trò của nhân viên xã hội trong trợ giúp người cao tuổi	- Thuyết trình - Phương pháp hỏi - đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Chuẩn bị bài tập cá nhân, bài tập nhóm - Nghiên cứu các kênh tài liệu về các lĩnh vực thực hành của CTXH trong thực tiễn	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A1.5 A2.1
Chương 2: MỘT SỐ LÝ THUYẾT ỨNG DỤNG TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI					
5 (3 tiết)	2.1 Lý thuyết hệ thống sinh thái	- Thuyết trình - Phương pháp thảo luận nhóm - Phương pháp Hỏi đáp	- Đọc tài liệu chương 2 trước khi lên lớp - Tìm hiểu về nội dung cơ bản lý thuyết hệ thống sinh thái	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A1.5 A2.1
	2.2 Lý thuyết nhu cầu	- Thuyết trình - Phương pháp thảo luận nhóm - Phương pháp Hỏi đáp	- Đọc tài liệu chương 2 trước khi lên lớp - Tìm hiểu về nội dung cơ bản về lý thuyết nhu cầu	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A1.5 A2.1
6 (3 tiết)	2.3 Lý thuyết về sự phát triển con người 2.4 Lý thuyết vai trò	- Thuyết trình - Hỏi đáp - Thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu chương 2. Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, trước khi lên lớp - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.2 A2.1
CHƯƠNG 3: LUẬT PHÁP, CHÍNH SÁCH VÀ CÁC MÔ HÌNH, DỊCH VỤ, CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG NGƯỜI CAO TUỔI					
7 (3 tiết)	3.1 Quan điểm, luật pháp, chính sách về người cao tuổi Thảo luận nhóm lần 1	- Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	Đọc tài liệu chương 3. Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, trước khi lên lớp - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.4 A2.1

8 (3 tiết)	3.2 Các mô hình, dịch vụ hỗ trợ người cao tuổi	-Thuyết trình Phương pháp hỏi đáp	Đọc tài liệu chương 3. Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, trước khi lên lớp - Học lý thuyết - Tham gia phát biểu xây dựng bài	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.4 A2.1
9 (3 tiết)	3.3 Cơ quan, tổ chức làm công tác người cao tuổi tại Việt Nam	- Thuyết trình - Hỏi đáp - Thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu chương 3. Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận nhóm	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.2 A2.1
CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP VỚI NGƯỜI CAO TUỔI					
10 (3 tiết)	4.1.Mục đích, quy trình quản lý trường hợp với người cao tuổi Thảo luận nhóm lần 2	- Thuyết trình - Hỏi đáp - Thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu chương 4. Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, trước khi lên lớp - Tham gia phát biểu xây dựng bài và thảo luận nhóm	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.2 A2.1
11 (3 tiết)	4.2 Một số kỹ năng trong quản lý trường hợp với người cao tuổi	- Thuyết trình - Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Đọc tài liệu chương 4. Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, bài tập trắc nghiệm trong bài giảng Elearning trước khi lên lớp - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1
12 (3 tiết)	4.2. Một số kỹ năng trong quản lý trường hợp với người cao tuổi (Tiếp)	- Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Đọc tài liệu chương 4. Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, bài tập trắc nghiệm trong bài giảng Elearning trước khi lên lớp - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.4 A2.1
CHƯƠNG 5: CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM VỚI NGƯỜI CAO TUỔI					
13 (3 tiết)	5.1 Các loại hình nhóm người cao tuổi	- Phương pháp thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp) - Phương pháp Hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Đọc tài liệu chương 5. Hoàn thành nghe bài giảng Elearning trước khi lên lớp - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.4 A2.1
14 (3 tiết)	5.2 Tiến trình làm việc với nhóm người	- Phương pháp thuyết trình (bài giảng điện	- Đọc tài liệu chương 5. Hoàn thành nghe bài	CLO1.1 CLO2.1	A1.1 A1.4

	cao tuổi	tử trước khi lên lớp) - Phương pháp Hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	giảng Elearning trước khi lên lớp - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết.	CLO3.1	A2.1
15 (3 tiết)	5.3 Một số kỹ năng làm việc với nhóm người cao tuổi	- Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp làm việc nhóm	- Hoàn thành nghe bài giảng điện tử và các câu hỏi trắc nghiệm của bài giảng trước khi lên lớp - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với nhóm về vấn đề lý thuyết.	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1	A1.1 A2.1

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 2: TS. Võ Thị Cẩm Ly

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0962248209; lyvtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội.

Giảng viên 7: ThS. Phạm Thị Oanh

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0986529426; oanhpt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên môn học (tiếng Việt): Công tác xã hội với người khuyết tật (tiếng Anh): Social work with the people with disabilities	
- Mã số học phần: SOW30014	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Nhập môn KHXH&NV + Học phần học trước: Mã số HP: SSH20001 Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: Sinh viên có mặt tối thiểu 80% thời gian theo quy định + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	
Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại: Email:	

2. Mô tả học phần

Công tác xã hội với người khuyết tật là môn học tự chọn đối với sinh viên chuyên ngành Công tác xã hội, thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Môn học giúp sinh viên có được các kiến thức chung về công tác xã hội với người khuyết tật như: khái niệm, phân loại, nhu cầu, đặc điểm nguyên nhân của khuyết tật, tác động của khuyết tật, các kỹ năng làm việc với người khuyết tật, quá trình vận dụng phương pháp quản lý ca, công tác xã hội với nhóm và cộng đồng trong việc hỗ trợ người khuyết tật và gia đình của họ. Từ đó giúp người học có được sự chủ động trong quá trình xây dựng kế hoạch học tập

3. Mục tiêu học phần

Học phần Công tác xã hội với người khuyết tật cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan, cơ bản về người khuyết tật như: khái niệm, phân loại, đặc điểm, nguyên nhân dẫn đến khuyết tật. Nhận diện được các khó khăn mà người khuyết tật gặp phải. Đồng thời biết được các tác động của khuyết tật, đánh giá về khuyết tật và các kỹ năng để làm việc với người khuyết tật. Biết vận dụng các phương pháp thực hành công tác xã hội để làm việc với người khuyết tật và gia đình của họ. Học phần xây dựng cho người học kỹ năng hành xử chuyên nghiệp từ quá trình nhận diện vấn đề đến việc vận dụng kiến thức để giải quyết những vấn đề trong quá trình thực hành công tác xã hội với người khuyết tật. Giúp sinh viên có ý thức, trách nhiệm cao, có tính trung thực, tính khoa học với việc phân tích các sự việc diễn ra theo những quy luật khách quan, biết đánh giá và giải quyết vấn đề trong thực tiễn thực hành công tác xã hội. Qua quá trình vận dụng biết cách để nắm bắt và xử lý tốt các vấn đề công tác xã hội xảy ra với các đối tượng. Giúp sinh viên xây dựng phẩm chất, tác phong chuyên nghiệp, khám phá bản thân. Khả năng linh hoạt trong quá trình giải quyết công việc để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp trong tương lai.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1.2	PLO1.3		PLO2.1	PLO3.1	LPO3.2
	1.2.2	1.3.1	1.3.2	2.1.2	3.1.3	3.2.2.
CLO1.1	✓					
CLO1.2		✓				
CLO1.3			✓			
CLO2.1				✓		
CLO3.1					✓	
CLO3.2						✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K2	Trình bày các khái niệm và yếu tố cơ bản của công tác xã hội với người khuyết tật	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Quan sát, Hồ sơ học tập, TNKQ+
CLO1.2	K3	Nắm bắt được các nguyên nhân, đặc điểm, tác động của khuyết tật và chu trình đánh giá người khuyết tật	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Quan sát Hồ sơ học tập, TNKQ+
CLO1.3	K3	Sử dụng được các phương pháp làm việc với người khuyết tật hiệu quả	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Hồ sơ học tập, Tự luận
CLO2.1	A3	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội với người khuyết tật	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.1	S2	Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động công tác xã hội với người khuyết tật	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.2	S3	Vận dụng giao tiếp trực tiếp và gián tiếp hiệu quả với người khuyết tật	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Hồ sơ học tập, Tự luận

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 03 bài đánh giá)					50%
A1.1	Ý thức chuyên cần và thái độ học tập Điểm danh trên LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 1	CLO2.1	50%	10%
			CLO3.1	50%	
A1.2	Bài tập cá nhân: Sinh viên nộp bài quan Elearning, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO1.1	50%	10%
			CLO2.1	50%	
A1.3	Bài thảo luận nhóm Sinh viên nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO1.1	40%	10%
			CLO2.1	20%	
			CLO3.1	20%	
			CLO3.2 CLO4.1	20%	
A1.4	Bài tập trắc nghiệm TTĐBCL tổ chức và lưu bài thi	Đáp án	CLO1.1	100%	20%
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A2.1	Bài thi tự luận dưới hình thức thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	60%	50%
			CLO2.1	20%	
			CLO4.1	20%	
Công thức tính điểm học phần:A1.1×0,1+A1.2×0,1+A1.3×0,1+A1.4×0,1+ +A2.1× 0,5					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá				F (0-3.9)	Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)		
Mức độ tham dự theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90%-dưới 95% buổi học	Tham dự 85%-dưới 90% buổi học	Tham dự 80%-dưới 85% buổi học	Tham dự <80% buổi học	50%
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50%

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Hình thức, bố cục	Không có lỗi chính tả; bố cục hợp lý	Có một vài lỗi chính tả, bố cục khá hợp lý	Một số lỗi chính tả, bố cục không hợp lý	Nhiều lỗi chính tả; bố cục không hợp lý	Trình bày sai quy cách	50%

Nội dung	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 85% yêu cầu	Đáp ứng 60% đến dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng 50% đến dưới 60% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	50%
----------	-----------------------------	----------------------------------	----------------------------------	----------------------------------	--------------------------	-----

Rubric 3&4: Đánh giá bài A1.3 và A1.4

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Hình thức báo cáo	Bố cục logic, rõ ràng.	Bố cục tốt.	Bố cục khá tốt.	Bố cục ở mức cơ bản	Trình bày thiếu logic.	25%
Kỹ năng trình bày và trả lời câu hỏi	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói rõ ràng, thuyết phục, trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Nó khá rõ ràng, nhưng chưa tự tin, Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Nói nhỏ, trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Nói nhỏ, không trả lời được câu hỏi	25%
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng >70% yêu cầu	Đáp ứng >50% yêu cầu	Đáp ứng < 50% yêu cầu	40%
Tham gia thực hiện	100% thành viên tham gia thực hiện	~ 80% thành viên tham gia thực hiện	~ 60% thành viên tham gia thực hiện	< 50% thành viên tham gia thực hiện	< 40% thành viên tham gia thực hiện	10%

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

1. Nguyễn Thị Kim Hoa (chủ biên), “*Giáo trình công tác xã hội với người khuyết tật*”, trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, ĐHQG HN, Hà Nội, 2013

2. Viên Nghiên cứu và phát triển xã hội, *Người khuyết tật ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Viện khoa học gia đình, *Mô hình giáo dục hoà nhập cấp xã cho Trẻ em khuyết tật - thực tiễn và triển vọng*, Hà Nội, 2002.

2. Vũ Ngọc Bình, *Trẻ em tàn tật và quyền của các em*, NXB Lao động xã hội, 2001

3. Nguyễn Công Khanh, *Tâm lý trị liệu*, NXB ĐHQG Hà Nội, 1997

4. Nguyễn Thị Hoàng Yến, *Đại cương về giáo dục trẻ khiếm thính*, NXB ĐHSP Hà Nội, 2005

5. *Luật người khuyết tật*

7. Kế hoạch dạy học

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
1 (3 tiết)	Chương 1: Các vấn đề cơ bản về người khuyết tật 1.1. Khái niệm và phân loại và mục đích của công tác xã hội với người khuyết tật 1.1.1. Khái quát tình hình chung về người khuyết tật 1.1.2. Khái niệm về khuyết tật, công tác xã hội với người	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học - Phương pháp: + Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu	- Xem tài liệu trên Elearning - Đọc từ trang 23 đến trang 36 giáo trình chính, đọc tài liệu số 2	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A1.3 A1.5 A2.1

	khuyết tật 1.1.3. Mục đích của công tác xã hội với người khuyết tật				
2 (3tiết)	1.1.4. Phân loại khuyết tật 1.2. Những khó khăn của người khuyết tật 1.2.1. Khó khăn trong vấn đề học tập 1.2.2. Khó khăn trong vấn đề việc làm	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu	Xem tài liệu trên Elearning Đọc từ trang 77 đến trang 87 giáo trình chính, đọc tài liệu số 2	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A1.3 A1.5 A2.1
3 (3tiết)	1.2.3. Khó khăn trong vấn đề hôn nhân và gia đình 1.2.3. Kkhó khăn về tâm lý Hoạt động nhóm: Sắm vai đóng tình huống liên quan đến những khó khăn của người khuyết tật trong vấn đề lập gia đình	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu - Hướng dẫn làm việc nhóm: nghiên cứu tình huống	Xem tài liệu trên Elearning Đọc từ trang 88 đến trang 95 giáo trình chính, đọc tài liệu số 2 Tham gia làm việc nhóm đầy đủ - Chuẩn bị và sắm vai tình huống	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.3 A1.5 A2.1
4 (3Tiết)	1.2.4. Những trải nghiệm về sự kỳ thị của người khuyết tật 1.3 Văn bản chính sách và chương trình dịch vụ dành cho người khuyết tật 1.3.1. Các văn bản chính sách dành cho người khuyết tật	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu	Xem tài liệu trên Elearning - Đọc từ trang 59 đến trang 64 và từ trang 122 đến trang 129 giáo trình chính, đọc tài liệu số 2	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A1.3 A1.5 A2.1
5 (3Tiết)	1.3.2. Các mô hình dịch vụ dành cho người khuyết tật Thảo luận nhóm: mỗi nhóm về 01 bức tranh liên quan đến chủ đề củ đề những khó khăn mà người khuyết tật gặp phải, và nêu giải pháp cho bức tranh Bài tập nhóm lần 1: <i>Mỗi nhóm được phân công tìm hiểu: đặc điểm, biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp về một dạng tật cụ thể</i>	- Địa điểm: Phòng học - Hướng dẫn làm việc nhóm, hướng dẫn nghiên cứu và xử lý tình huống	- Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS Tham gia làm việc nhóm đầy đủ	CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.4 A1.5 A2.1
6 (3Tiết)	Chương 2: Nguyên nhân của khuyết tật, đánh giá người khuyết tật và các kỹ năng làm việc với người khuyết tật 2.1. Nguyên nhân khuyết tật và nhu cầu của người khuyết tật 2.1.1. Các nguyên nhân	- Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu	-Xem tài liệu trên Elearning -Đọc từ trang 136 đến trang 149 giáo trình chính, đọc tài liệu số 2	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A1.4 A2.1

	dẫn đến khuyết tật 2.1.2. Những nhu cầu cơ bản của người khuyết tật				
7 (3Tiết)	2.2. Đánh giá về người khuyết tật 2.2.1. Đánh giá môi trường sống 2.2.2. Đánh giá điểm mạnh điểm yếu 2.2.3. Đánh giá về tâm lý, sinh lý, xã hội 2.2.4. Đánh giá về sức khỏe tâm thần	- Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu	Xem tài liệu trên Elearning Đọc từ trang 250 đến trang 265 giáo trình chính, đọc tài liệu số 2	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A1.4 A2.1
8 (3Tiết)	2.2.5. Đánh giá về sức khỏe cộng đồng 2.3. Tác động của khuyết tật và các kỹ năng làm việc với thân chủ khuyết tật 2.3.1. Tác động của khuyết tật	- Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu - Hướng dẫn làm việc nhóm - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống	-Xem tài liệu trên Elearning -Đọc từ trang 127 đến trang 196 và từ trang 266 đến trang 268 giáo trình chính, đọc tài liệu số 2	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A1.4 A2.1
9 (3Tiết)	2.3.2. Tạo dựng mối quan hệ tin tưởng 3.3.2. Kỹ năng giao tiếp với từng dạng tật	- Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu	- Xem tài liệu trên Elearning -Đọc từ trang 214 đến trang 220; 269 đến trang 280 giáo trình chính, đọc tài liệu số 2	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3 CLO2.1	A1.1 A1.2 A1.4 A2.1
10 (3Tiết)	Thảo luận nhóm: Lấy một tình huống liên quan đến tác động của khuyết tật lên chính bản thân người khuyết tật và giải quyết tình huống đó. * Bài nhóm lần 2: <i>Mỗi nhóm giải quyết tình huống do giáo viên đề ra liên quan đến tâm lý của người khuyết tật và người thân liên quan đến kỳ thị và đưa ra phương án hỗ trợ</i>	- Địa điểm: Phòng học - Hướng dẫn thảo luận - Hướng dẫn làm việc nhóm - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống	- Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint - Chuẩn bị và sắm vai xử lý tình huống Nộp bài lên LMS	CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A1.4 A2.1
11 (3Tiết)	Chương 3: Công tác xã hội với người khuyết tật 3.1. Quản lý trường hợp với người khuyết tật 3.1.1. Khai niệm, mục tiêu và nguyên tắc của quản lý trường hợp	- Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu	-Xem tài liệu trên Elearning -Đọc từ trang 318 đến trang 342 giáo trình chính, đọc tài liệu số 2	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3 CLO2.1	A1.1 A1.2 A2.1

		tài liệu			
12 (3Tiết)	3.1.2. Tiến trình quản lý trường hợp với người khuyết tật Hoạt động nhóm: Giả định và sắm vai tình huống kỳ thị người khuyết tật tại cộng đồng	Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống	-Xem tài liệu trên Elearning -- - Đọc từ trang 318 đến trang 342 giáo trình chính, đọc tài liệu số 2 Tham gia làm nhóm đầy đủ - Sắm vai xử lý tình huống	CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1
13 (3Tiết)	3.2. Công tác xã hội nhóm với người khuyết tật dưới hình thức nhóm và cộng đồng 3.2.1 Mô hình công tác xã hội nhóm người khuyết tật 3.2.2. Tác động từ cộng đồng đến người khuyết tật	- Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu	- Xem tài liệu trên Elearning - Đọc từ trang 86 đến trang 95 giáo trình chính, đọc tài liệu số 2	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A2.1
14 (3Tiết)	*Hoạt động nhóm: Mỗi nhóm hãy chọn một tình huống liên quan đến các vấn đề của người khuyết tật và thực hành sắm vai đóng tình huống giải quyết trên khía cạnh công tác xã hội Bài tập cá nhân: Mỗi cá nhân hãy tiến hành đánh giá về người khuyết tật dựa trên tình huống giáo viên cung cấp	- Địa điểm: Phòng học - Hướng dẫn thảo luận - Hướng dẫn làm việc nhóm - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống	- Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS Tham gia làm việc nhóm đầy đủ	CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1
15 (3Tiết)	3.3 Công tác xã hội với gia đình người khuyết tật và vai trò của Nhân viên xã hội và các bên tham gia can thiệp phục hồi chức năng cho người khuyết tật 3.3.1. Công tác xã hội với gia đình người khuyết tật 3.3.2. Vai trò của Nhân viên xã hội và các bên tham gia can thiệp phục hồi chức năng cho người khuyết tật Tổng kết và ôn tập	- Đưa tài liệu lên Elearning - Địa điểm: Phòng học -Phương pháp: +Thuyết trình, hỏi đáp, - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu	- Xem tài liệu trên Elearning - Đọc từ trang 354 đến trang 363 giáo trình chính, đọc tài liệu số 2 Ôn tập toàn học phần	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3 CLO2.1	A1.1 A2.1

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI HÀNH VI LỆCH CHUẨN**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: ThS. Phùng Văn Nam

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0941250777, phungvannam@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, An sinh xã hội, Xã hội học

Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Hoài An

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0868214777; annth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn (tiếng Anh): Social Work with Deviant Behaviour	
- Mã số học phần: SOW31021	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Mã số HP: + Học phần học trước: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% trở lên + Sinh viên/nhóm phải nộp đầy đủ các sản phẩm: báo cáo thảo luận nhóm qua hệ thống LMS	
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội Điện thoại: 0941250777 Email: phungvannam@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội. Học phần giúp người học nắm bắt một số kiến thức về hành vi lệch chuẩn. Người học được tích lũy các kiến thức, kỹ năng để công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn; được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp với phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự chủ quá trình học tập của bản thân.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn giúp người học trình bày một số kiến thức cơ bản về hành vi lệch chuẩn; lý thuyết và mô hình công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn; một số hành vi lệch chuẩn hiện nay; phương pháp và kỹ năng công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn; có khả năng làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp. Từ đó, để công tác xã hội với

các nhóm và cá nhân có hành vi lệch chuẩn.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1.2	PLO1.3		PLO2.1	PLO3.1	PLO3.2
	1.2.1.	1.3.1	1.3.2	2.1.1	3.1.3	3.2.1
CLO1.1	✓					
CLO1.2		✓	✓			
CLO2.1				✓		
CLO2.2					✓	
CLO3.1						✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày được các kiến thức cơ bản về hành vi lệch chuẩn	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.2	K3	Trình bày được một số phương pháp và kỹ năng công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn.	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Tự luận
CLO2.1	A3	Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp trong quá trình làm việc với các cá nhân và tổ chức xã hội	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S2	Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Thực hiện thuyết trình các vấn đề liên quan đến công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn.	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	- Chuyên cần, thái độ học tập: Điểm danh trên LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 1			20%
A1.2	- Thảo luận nhóm: SV nộp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO1.1	20%	40%
			CLO1.2	20%	
			CLO2.1	20%	
			CLO2.2	20%	
			CLO3.1	20%	
A1.3	- Thi trắc nghiệm; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	100%	40%
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A2.1	- Thi tự luận; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	50%	100%
			CLO1.2	50%	
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,2 + A1.2 x 0,3 + A1.3 x 0,4) x 0,5 +					

A2.1 x 0,5**5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá****Rubric 1: Đánh giá bài A1.1**

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham gia các buổi học trên lớp theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90% đến dưới 95% buổi học	Tham dự 85% đến dưới 90% buổi học	Tham dự 80% đến dưới 85% buổi học	Tham dự dưới 80% buổi học	50
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo/chất lượng sản phẩm	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	40
Hình thức báo cáo	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Kỹ năng trình bày	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục	20
Trả lời câu hỏi	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	10
Tham gia thực hiện	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40%-thành viên tham gia	10

6. Tài liệu học tập**6.1. Giáo trình:**

1. Phùng Văn Nam, *Tập bài giảng Công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn*, Nghệ An, 2020.
2. Nguyễn Hồng Nga, *Giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2012.

6.2. Tài liệu tham khảo:**7. Kế hoạch dạy học**

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
---------------	----------	---------------------------	---------------------	--------------	--------------

1(3)	Chương 1: Một số kiến thức chung về hành vi lệch chuẩn 1.1. Các cách tiếp cận và khái niệm hành vi lệch chuẩn	- Giới thiệu đề cương chi tiết học phần. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 4-9. - Lập email group của từng nhóm/hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với GV. - Tự học: Tiếp cận khác về hành vi lệch chuẩn dưới góc độ tâm lý học	CLO1.1	A1.1, A1.3, A2.1
2(3)	Chương 1: Một số kiến thức chung về hành vi lệch chuẩn (tiếp) 1.1. Các cách tiếp cận và khái niệm hành vi lệch chuẩn (tiếp) 1.2. Phân loại hành vi lệch chuẩn 1.3. Một số khái niệm có liên quan	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 4-16. - Tự học: Đối tượng của công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn	CLO1.1	A1.1, A1.3, A2.1
3(3)	Thảo luận nhóm: Phân tích các nguyên nhân dẫn đến hành vi lệch chuẩn	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 11-21. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.1	A1.2, A1.3, A2.1
4(3)	Chương 1: Một số kiến thức chung về hành vi lệch chuẩn (tiếp) 1.4. Nguyên nhân dẫn đến hành vi lệch chuẩn Chương 2: Lý thuyết, mô hình công tác xã hội và một số hành vi lệch chuẩn hiện nay 2.1. Nền tảng lý thuyết của công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 16-30. - Tự học: Nguyên nhân khác dẫn đến hành vi lệch chuẩn, tìm đọc các lý thuyết công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn	CLO1.1	A1.1, A1.3, A2.1
5(3)	Chương 2: Lý thuyết, mô hình	- Ôn tập, củng cố kiến thức.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 22-	CLO1.1	A1.1, A2.1

	công tác xã hội và một số hành vi lệch chuẩn hiện nay (tiếp) 2.1. Nền tảng lý thuyết của công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn (tiếp)	- Thuyết trình.	30. - Tự học: Tìm đọc các lý thuyết công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn		
6(3)	Chương 2: Lý thuyết, mô hình công tác xã hội và một số hành vi lệch chuẩn hiện nay (tiếp) 2.2. Một số mô hình công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 30-36. - Tự học: Tìm đọc các mô hình công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn	CLO1.1	A1.1, A2.1
7(3)	Thảo luận nhóm: Vận dụng lý thuyết và mô hình công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn vào tình huống thực tế	- Thảo luận nhóm.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 22-36. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy Ao, bút dạ...	CLO1.1	A1.1, A1.2, A2.1
8(3)	Chương 2: Lý thuyết, mô hình công tác xã hội và một số hành vi lệch chuẩn hiện nay (tiếp) 2.3. Một số hành vi lệch chuẩn hiện nay 2.3.1. Hành vi lệch chuẩn nghiện ma túy 2.3.2. Hành vi lệch chuẩn mại dâm	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 37-42 - Tự học: Tìm hiểu thêm hậu quả của hành vi lệch chuẩn nghiện ma túy	CLO1.1	A1.1, A2.1
9(3)	Chương 2: Lý thuyết, mô hình công tác xã hội và một số hành vi lệch chuẩn hiện nay (tiếp) 2.3.3. Hành vi lệch chuẩn cờ bạc Thảo luận nhóm: Phân tích hành vi lệch chuẩn bạo lực	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 42-51 - Tự học: Tìm hiểu thêm hậu quả của hành vi lệch chuẩn cờ bạc. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy Ao, bút dạ...	CLO1.1	A1.1, A1.2, A2.1

	gia đình				
10(3)	Thảo luận nhóm: Phân tích hành vi lệch chuẩn bạo lực gia đình (tiếp). Chương 2: Lý thuyết, mô hình công tác xã hội và một số hành vi lệch chuẩn hiện nay (tiếp) 2.3.4. Hành vi lệch chuẩn bạo lực gia đình	- Thảo luận nhóm. - Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 46-51. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ... - Tự học: Tìm hiểu thêm hậu quả của hành vi lệch chuẩn bạo lực gia đình	CLO1.1	A1.1, A1.2, A2.1
11(3)	Thảo luận nhóm: Mô tả thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của bạo lực học đường. Chương 2: Lý thuyết, mô hình công tác xã hội và một số hành vi lệch chuẩn hiện nay (tiếp) 2.3.5. Hành vi lệch chuẩn bạo lực học đường	- Thảo luận nhóm. - Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 51-53 - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ... - Tự học: Tìm hiểu thêm hậu quả của hành vi lệch chuẩn bạo lực học đường	CLO1.1	A1.1, A1.2, A2.1
12(3)	Chương 3: Phương pháp và kỹ năng công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn 3.1. Các phương pháp vận dụng trong công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 54-67 - Tự học: Phương pháp so sánh, lịch sử, định tính, định lượng	CLO1.2	A1.1, A2.1
13(3)	Thảo luận nhóm: Xây dựng tình huống và trình bày các bước can thiệp cho 1 cá nhân có hành vi lệch chuẩn. Chương 3: Phương pháp và kỹ năng công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn	- Thảo luận nhóm. - Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 54-75. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ... - Tự học: Tìm hiểu thêm các kỹ năng công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn.	CLO1.2	A1.1, A1.2, A2.1

	(tiếp) 3.2. Các kỹ năng công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn				
14(3)	Chương 3: Phương pháp và kỹ năng công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn (tiếp) 3.2. Các kỹ năng công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn (tiếp). Thảo luận nhóm: Xây dựng tình huống và sắm vai thể hiện hiện một kỹ năng công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn	- Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình. - Thảo luận nhóm.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 67-75 - Tự học: Tìm hiểu thêm các kỹ năng công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn. - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ...	CLO1.2	A1.1, A1.2, A2.1
15(3)	Thảo luận nhóm: Xây dựng tình huống và sắm vai thể hiện hiện một kỹ năng công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn (tiếp). Chương 3: Phương pháp và kỹ năng công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn (tiếp) 3.3. Các liệu pháp, kỹ thuật công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn	- Thảo luận nhóm. - Ôn tập, củng cố kiến thức. - Thuyết trình.	- Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 67-83 - Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint hoặc giấy A0, bút dạ... - Tự học: Tìm hiểu thêm các liệu pháp, kỹ thuật công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn	CLO1.2	A1.1, A1.2, A2.1

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: ThS. Trần Thị Khánh Dung

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0967237108; dungttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

Giảng viên 2: ThS. Phạm Thị Oanh

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0986529426; oanhpt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên môn học (tiếng Việt): Công tác xã hội với người nghiện ma túy (tiếng Anh): Social work with drug addicts	
- Mã số học phần: SOW31025	
- Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: + Học phần học trước:	
Mã số HP: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: Sinh viên có mặt tối thiểu 80% thời gian theo quy định + Sinh viên/nhóm phải nộp đầy đủ các sản phẩm theo quy định.	
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa DL&CTXH Điện thoại: 0967237108 Email: dungttk@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Công tác xã hội với người nghiện ma túy là học phần tự chọn trong khung chương trình đào tạo ngành công tác xã hội, thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về ma túy, các phương pháp vận dụng can thiệp hỗ trợ trong công tác xã hội với người nghiện ma túy, truyền thông phòng chống và giảm kỳ thị đối với người nghiện ma túy. Thông qua môn học, người học sẽ có những hiểu biết, kỹ năng cần thiết trong quá trình làm việc với đối tượng nghiện ma túy, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa ma túy, cũng như kịp thời phát hiện, can thiệp trợ giúp cho cá nhân, gia đình và cộng đồng có người nghiện ma túy khi rơi vào vấn đề có thể vượt qua được những khó khăn, giúp cá nhân tái hòa nhập cộng đồng, hạn

chế sự kỳ thị.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Công tác xã hội với người nghiện ma túy cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan, và cơ bản về ma túy như: khái niệm, phân loại, nguồn gốc, thực trạng của vấn đề ma túy. Nhận diện được các nhu cầu, nguyên nhân và hậu quả của việc nghiện ma túy. Các kiến thức thực hành công tác xã hội với người nghiện ma túy, cũng như các hoạt động tuyên truyền nâng cao kiến thức về phòng chống và giảm kỳ thị đối với người nghiện ma túy. Học phần xây dựng cho người học kỹ năng hành xử chuyên nghiệp từ quá trình nhận diện vấn đề đến việc vận dụng kiến thức để giải quyết những vấn đề trong quá trình thực hành. Với hoạt động giảng dạy, học tập tiếp cận CDIO, người học sẽ được rèn luyện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong các nhóm đa ngành cũng như thái độ tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1.2	PLO1.3		PLO2.1	PLO3.1	LPO3.1
	1.2.1	1.3.1	1.3.2	2.1.1	3.1.2	3.2.2
CLO1.1	✓					
CLO1.2	✓					
CLO1.3		✓	✓			
CLO2.1				✓		
CLO3.1					✓	
CLO3.2						✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày được các khái niệm và yếu tố cơ bản của công tác xã hội với người nghiện ma túy	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.2	K3	Nắm bắt được các nguyên nhân của việc nghiện ma túy, đặc điểm, nhu cầu của người nghiện ma túy	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.3	K3	Sử dụng được các phương pháp làm việc với người nghiện ma túy được hiệu quả	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Trắc nghiệm, tự luận
CLO2.1	A3	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội với người nghiện ma túy	Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO3.1	S2	Tham gia hoạt động trong các nhóm đa ngành	Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm, tự luận
CLO3.2	S3	Vận dụng giao tiếp trực tiếp và gián tiếp hiệu quả với người nghiện ma túy	- Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học	Trắc nghiệm, tự luận

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh	Tỷ lệ cho học
--------------	---------------------------------	------------------	--------------	--------------------	---------------

				giá	phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	- Chuyên cần, thái độ học tập: Điểm danh trên LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 1			10%
A1.2	- Bài tập cá nhân: SV nộp bài qua LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 2	CLO1.1	40%	30%
			CLO1.2	40%	
			CLO3.1	20%	
A1.3	- Thảo luận nhóm: SV nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 3	CLO1.1	30%	30%
			CLO1.2	30%	
			CLO3.1	20%	
			CLO3.1	20%	
A1.4	- Thi trắc nghiệm; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	40%	30%
			CLO1.3	30%	
			CLO3.2	30%	
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A2.1	- Thi tự luận: Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	30%	100%
			CLO1.2	30%	
			CLO1.3	20%	
			CLO3.2	20%	
Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,1 + A1.2 x 0,3 + A1.3 x 0,3 + A1.4 x 0,3) x 0,5 + A2.1 x 0,5					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Mức độ tham gia các buổi học trên lớp theo TKB	Tham dự từ 95% buổi học trở lên	Tham dự 90% đến dưới 95% buổi học	Tham dự 85% đến dưới 90% buổi học	Tham dự 80% đến dưới 85% buổi học	Tham dự dưới 80% buổi học	50
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi	Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	50

Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung bài tập	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	70
Hình thức trình bày bài tập	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	30

Rubric 3: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số (%)
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung báo cáo	Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	50
Hình thức trình bày báo cáo	Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả	Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49%	Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69%	Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên	20
Thuyết trình báo cáo	Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi	Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi	Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi	Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	20
Tham gia thảo luận	100% thành viên tham gia	Từ 80%-99% thành viên tham gia	Từ 60%-79% thành viên tham gia	Từ 40%-59% thành viên tham gia	Dưới 40%-thành viên tham gia	10

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1]. Bùi Thị Mai Đông (chủ biên), *Giáo trình Công tác xã hội với người nghiện ma túy*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội (2021)

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Thị Khánh Dung, *Tập bài giảng công tác xã hội với người nghiện ma túy*, (tài liệu lưu hành nội bộ), Đại học Vinh (2021)

[3]. Bùi Thị Xuân Mai (Chủ biên), *Giáo trình chất gây nghiện và xã hội*, Trường Đại học LĐ - XH, Hà Nội, 2013

[4]. Nguyễn Thị Oanh và nhóm tác giả (1997), *An sinh xã hội và các vấn đề xã hội*, Đại học Mở - Bán công, Tp. Hồ Chí Minh.

[5]. Sổ tay pháp lý, một số quyền về nhân thân và tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương, tài liệu từ Bộ tư pháp

7. Kế hoạch dạy học

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
1 (3 tiết)	Chương 1: Tổng quan về Ma Túy 1.1. Khái niệm ma túy và phân loại ma túy 1.1.1. Khái niệm Ma túy 1.1.2. Phân loại Ma túy 1.1.3. Các loại ma túy phổ biến hiện nay	- Giới thiệu môn học, đề cương chi tiết học phần. Hướng dẫn, chia nhóm môn học - Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide. - Hướng dẫn và thành lập các	- Chuẩn bị các học liệu liên quan phục vụ cho môn học. - Lập email group của từng nhóm/hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với GV. -Đọc từ trang 17	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

		nhóm học tập của SV.	đến trang 20 giáo trình chính [1], đọc tài liệu tham khảo số [2], [3]		
2 (3tiết)	1.2. Nghiện Ma túy 1.2.1. Một số khái niệm liên quan 1.2.2. Quá trình dẫn đến nghiện Ma túy Hoạt động nhóm: <i>Các nhóm sưu tầm các hình ảnh về các loại ma túy phổ biến hiện nay, thuyết trình về tác hại của các loại ma túy trên</i>	Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử) - Hoạt động nhóm tại lớp học - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi vấn đề cho SV. Ra bài tập, hướng dẫn làm việc nhóm	- Nghe bài giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc từ trang 17 đến trang 20 giáo trình chính [1], đọc tài liệu tham khảo số [2], [3] - Tham gia làm việc nhóm	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1, A1.2, A1.3, A2.1
3 (3tiết)	1.2.3. Nguyên nhân dẫn đến nghiện Ma túy 1.2.4. Tác tại của nghiện Ma túy Hoạt động nhóm: <i>Các nhóm phân tích quá trình dẫn đến nghiện ma túy, từ đó chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy</i>	- Đặt một số câu hỏi nhanh để ôn lại nội dung buổi học trước. - Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. - Ra bài tập cho nhóm, hướng dẫn làm việc nhóm	- Nghe bài giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc từ trang 42 đến trang 45 giáo trình chính [1], đọc tài liệu tham khảo số [2], [3] - Tham gia làm việc nhóm	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1, CLO3.1, CLO3.2	A1.1, A1.2, A1.3, A2.1
4 (3Tiết)	1.3. Người nghiện ma túy 1.3.1. Nhận diện người nghiện nghiện ma túy 1.3.2. Khó khăn và nhu cầu của người nghiện ma túy 1.4. Thực trạng nghiện ma túy trên thế giới và ở Việt Nam tr66 1.4.1. Thực trạng nghiện ma túy trên thế giới 1.4.2. Thực trạng nghiện ma túy ở Việt Nam Hoạt động nhóm: <i>Các nhóm thực hành vẽ 1 bức tranh kèm theo 1 câu khẩu hiệu Slogan nói về tác hại của Ma túy</i>	- Đặt một số câu hỏi nhanh để ôn lại nội dung buổi học trước. - Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. - - Ra bài tập cho nhóm, hướng dẫn làm việc nhóm	- Nghe bài giảng và trả lời các câu hỏi. - Các nhóm tham khảo, đọc tài liệu từ trang 50 đến trang 60 giáo trình chính [1], đọc tài liệu tham khảo số [2], [3] - Tham gia làm việc nhóm	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1, A1.2, A1.3, A2.1
5 (3Tiết)	Thảo luận nhóm: <i>- Thực hành sắm vai và thuyết</i>	- Ôn tập lý thuyết - Hướng dẫn	- Chuẩn bị sắm vai và thuyết trình trên lớp	CLO2.1, CLO3.1, CLO3.2	A1.1, A1.2, A1.3

	<i>trình về nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy, và tác hại của việc nghiện ma túy</i>	làm việc nhóm, hướng dẫn nghiên cứu và xử lý tình huống	- Máy tính xách tay có cài ứng dụng Powerpoint. - Tham gia làm việc nhóm		A2.1
6 (3Tiết)	CHƯƠNG 2: Công tác xã hội với người nghiện ma túy 2.1. Khái niệm, mục đích và ý nghĩa của công tác xã hội với người nghiện ma túy 2.1.1. Khái niệm công tác xã hội với người người nghiện ma túy 2.1.2. Mục đích và ý nghĩa của công tác xã hội với người nghiện ma túy	Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. Câu hỏi cho cá nhân, và cho nhóm.	- Nghe bài giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc từ trang 111 đến trang 113 giáo trình chính [1], [3].	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A2.1
7 (3Tiết)	2.2. Các hoạt động can thiệp hỗ trợ đối với người nghiện ma túy trong công tác xã hội 2.2.1. Hoạt động truyền thông 2.2.2. Hoạt động hỗ trợ điều trị nghiện ma túy 2.2.3. Hoạt động tham vấn điều trị nghiện ma túy 2.2.4. Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho người nghiện ma túy 2.2.5. Hoạt động hỗ trợ người nghiện ma túy học nghề, tìm việc làm 2.2.6. Hoạt động hỗ trợ người nghiện ma túy tái hòa nhập cộng đồng	- Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. Câu hỏi cho cá nhân, và cho nhóm.	- Nghe bài giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc từ trang 121 đến trang 130 giáo trình chính [1], đọc tài liệu tham khảo số [2], [3]	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A2.1
8 (3Tiết)	2.3. Vai trò của các bên liên quan trong việc giải quyết vấn đề ma túy 2.3.1. Vai trò của nhà nước 2.3.2. Vai trò của cộng đồng, các tổ chức, đoàn thể 2.3.3. Vai trò của gia đình 2.3.4. Vai trò của nhân viên công tác xã hội Hoạt động nhóm: <i>Giáo viên đưa ra tình huống, về một trường hợp nghiện ma túy sau cai nghiện và gặp khó khăn trong việc tái hòa nhập cộng đồng. Các nhóm thảo luận đưa ra hướng giải quyết</i>	- Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Ra bài tập, nêu vấn đề. Hướng dẫn làm việc nhóm - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống	- Nghe bài giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc từ trang 120 đến trang 130 giáo trình chính [1], đọc tài liệu tham khảo số [2], [3] - Tham gia làm việc nhóm	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A2.1
9 (3Tiết)	2.4. Một số phương pháp cơ bản đối với người nghiện	- Thuyết trình kết hợp sử dụng	- Nghe bài giảng và trả lời	CLO1.1, CLO1.2,	A1.1 A1.2

	ma túy 2.4.1. Công tác xã hội cá nhân với người nghiện ma túy 2.4.2. Công tác xã hội nhóm với người nghiện ma túy 2.4.3. Phương pháp PTCĐ trong hỗ trợ người nghiện ma túy 2.4.4. Tham vấn với người nghiện Ma túy	Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. Câu hỏi cho cá nhân, và cho nhóm.	các câu hỏi. -Đọc từ trang 131 đến trang 171 giáo trình chính [1], và từ 192-201, 179 - 302 trong giáo trình chính [1], đọc tài liệu tham khảo số [2], [3]	CLO1.3 CLO2.1	A2.1
10 (3Tiết)	* Bài tập cá nhân <i>Liên quan đến hoạt động trợ giúp công tác xã hội với người nghiện ma túy</i>	- Thuyết trình, ôn tập - Giáo viên ra bài tập. Sinh viên làm bài cá nhân và nộp bài.	- Ôn tập, chuẩn bị các học liệu cần thiết. Tìm kiếm các tài liệu trên mạng Internet về hoạt động trợ giúp công tác xã hội với người nghiện ma túy	CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1
11 (3Tiết)	Chương 3: TRUYỀN THÔNG PHÒNG CHỐNG MA TÚY VÀ GIẢM Kử THỊ ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY 3.1. Mối quan hệ giữa ma túy, mại dâm và HIV/AIDS 3.2.1. Một vài kiến thức cơ bản về mại dâm 3.2.2. Một vài kiến thức cơ bản về HIV/AIDS 3.2.3. Ảnh hưởng của việc sử dụng ma túy với mại dâm và HIV/AIDS Hoạt động nhóm: Thực hành sắm vai, thuyết trình về tác hại của HIV/AIDS	- Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide giới thiệu kiến thức lý thuyết. - Đặt một số câu hỏi nhanh để khơi gợi tư duy cho SV. Câu hỏi cho cá nhân, và cho nhóm.	- Nghe bài giảng và trả lời các câu hỏi. -Đọc từ trang 345 đến trang 348 giáo trình chính [1], đọc tài liệu tham khảo số [2], [3]	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3 CLO2.1	A1.1 A1.2 A2.1
12 (3Tiết)	Thảo luận nhóm: <i>Thực hiện giới thiệu về các hình thức tuyên truyền phổ biến hiện nay</i>	- Thuyết trình, ôn tập - Ra bài tập, nêu vấn đề, định hướng sinh viên làm việc nhóm, giải quyết vấn đề	Nghe bài giảng và trả lời các câu hỏi. - Tham khảo tài liệu trang 349 đến trang 354 giáo trình chính [1], đọc tài liệu tham khảo số [2], [3]	CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1
13 (3Tiết)	3.1. Truyền thông phòng chống ma túy 3.1.1. Khái niệm, mục đích của truyền thông	- Tích hợp: Ghi âm bài giảng đưa lên Elearning +	- Nghe bài giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc từ trang	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	A1.1 A1.2 A2.1

	phòng chống ma túy 3.1.2. Nhiệm vụ của truyền thông phòng chống Ma túy Nội dung truyền thông phòng chống ma túy 3.1.3. Các hình thức truyền thông phòng chống ma túy	Thuyết trình - Địa điểm: Cổng Elearning, Phòng học	384 đến trang 390 giáo trình chính [1], đọc tài liệu tham khảo số [2], [3],[5]		
14 (3Tiết)	3.2. Giảm kỳ thị và phân biệt đối xử với người nghiện ma túy 3.2.1. Một số vấn đề chung về kỳ thị và phân biệt đối xử với người nghiện ma túy 3.2.2. Ảnh hưởng của kỳ thị và phân biệt đối xử 3.2.3. Nguyên nhân của sự kỳ thị đối với người sử dụng ma túy Hoạt động nhóm Mỗi nhóm chọn 1 hình thức tuyên truyền nhằm truyền thông về tác hại của Ma túy, và những ảnh hưởng của việc sử dụng ma túy với mại dâm và HIV/AIDS. Hình thức có thể là: Vẽ tranh, Sắm vai, làm video, hùng biện	- Thuyết trình ôn tập - Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống	- Đọc từ trang 384 đến trang 390 giáo trình chính [1], đọc tài liệu tham khảo số [2], [3], [5] - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint - Tham gia làm việc nhóm	CLO2.1 CLO3.1, CLO3.2	A1.1 A1.2 A2.1
15 (3Tiết)	3.2.4. Nội dung truyền thông giảm kỳ thị và phân biệt đối xử với người sử dụng ma túy 3.2.5. Các hình thức truyền thông 3.2.6. Một số lưu ý trong truyền thông giảm kỳ thị và phân biệt đối xử Ôn tập toàn học phần	- Đặt một số câu hỏi nhanh để ôn lại nội dung buổi học trước. - Thuyết trình kết hợp sử dụng Slide. - Ôn tập toàn học phần	- Nghe bài giảng và trả lời các câu hỏi. - Đọc từ trang 394 đến trang 400 giáo trình chính [1], đọc tài liệu tham khảo số [2], [3], [5]	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3 CLO2.1	A1.1 A1.2 A2.1

8. Nhiệm vụ của người học:

- Người học phải tham gia nghe giảng tại lớp đạt đạt số giờ quy định của học phần.
- Người học phải chuẩn bị bài, có ý thức học tập và tinh thần xây dựng bài trên lớp.
- Hoàn thành các bài kiểm, bài thi theo quy định
- Dự thi kết thúc học phần

9. Ngày phê duyệt:

10. Cấp phê duyệt:

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Trung